

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết

Du lịch sinh thái (DLST) đang có chiều hướng phát triển và trở thành một bộ phận có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất về tỷ trọng trong ngành du lịch của Việt Nam. Thực tế là, những địa phương có các Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN), Vườn quốc gia (VQG), các lâm phần thuộc quản lý của các Công ty lâm nghiệp có hệ sinh thái cảnh quan được bảo vệ tốt, ít bị xâm hại bởi con người và giữ được sự cân bằng sinh thái thì nơi đó sẽ có tiềm năng phát triển tốt về DLST và thu hút được nguồn du khách lớn, lâu dài và ổn định, từ đó có thể mang lại những lợi ích kinh tế to lớn góp phần làm tăng thu nhập của quốc dân. Tuy vậy, từ sự phát triển mạnh mẽ và nhu cầu tăng cao đối với loại hình DLST ở Việt Nam trong những năm gần đây thì việc phát triển DLST tại các Khu Bảo tồn thiên nhiên và VQG hoặc các lâm phần được giao cho các tổ chức cá nhân quản lý ở Việt Nam đang đối mặt với nhiều nguy cơ tiềm ẩn từ sự thiếu ý thức tham gia của khách tham quan trong việc bảo tồn những giá trị vốn có của nó và phát triển, và sự yếu kém trong công tác bảo tồn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên... Chính sự phát triển ấy, DLST đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ và những thách thức về vấn đề môi trường - xã hội. Rõ ràng, việc xây dựng và phát triển DLST ở nước ta hiện nay đang có nhiều tồn tại và bất cập cần giải quyết để hướng tới sự phát triển bền vững ngành du lịch của Việt Nam. Nếu trong những năm tới, ngành du lịch không có những biện pháp hiệu quả trong công tác bảo tồn, xây dựng, quy hoạch các khu du lịch thì những giá trị của chúng có thể sẽ biến mất vĩnh viễn, gây thiệt hại lớn đối với không chỉ riêng Việt Nam mà cả thế giới.

Đắk Nông là một trong năm tỉnh Tây Nguyên, thuộc biên giới Tây Nam của Tổ quốc, nằm ở phía Tây Nam của vùng Tây Nguyên, đoạn cuối dãy Trường Sơn với tổng diện tích đất lâm nghiệp là 293.000,5 ha chiếm 45,09 % diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Tổng diện tích có rừng đến ngày 31/12/2023 là khoảng 254.000 ha (Rừng tự nhiên 196.000 ha và diện tích rừng trồng 58.000 ha) chiếm 86,5% diện tích đất lâm nghiệp; diện tích không có rừng quy hoạch cho phát triển rừng là 39.500 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 39,01%. Tập trung chủ yếu ở huyện Đắk G'long và K'rông Nô, đây là rừng trong hai khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, Vườn quốc gia Tà Đùng với những khu rừng nguyên sinh có nhiều cảnh quan, thác nước đẹp tạo nên quần thể du lịch hấp dẫn.

Trên địa bàn tỉnh có nhiều Công ty lâm nghiệp đang đóng và làm trụ sở hoạt động tại đây. Đặc biệt là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, trực thuộc UBND tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực như: trồng rừng; quản lý và bảo vệ rừng; khai thác và chế biến lâm sản; kinh doanh các mặt hàng lâm sản và các dịch vụ khác như du lịch sinh thái... Do đó, Công ty có các chức năng và nhiệm vụ sau đây:

+ Quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng trồng.

- + Trồng cây lâu năm, cây công nghiệp.
- + Chăn nuôi đại gia súc.
- + Khai thác, chế biến, lâm sản.
- + Xây dựng công trình dân dụng và kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty còn phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề xã hội cho tỉnh Đắk Nông nói chung và huyện Tuy Đức nói riêng như vấn đề giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương thông qua nhiều hình thức khác nhau như hợp đồng lao động và các hình thức thuê lao động thời vụ Quản lý bảo vệ rừng; Chuyển giao kỹ thuật đến người dân; Cung cấp giống cây trồng vật nuôi; Xây dựng các mô hình sản xuất nông lâm kết hợp; triển khai các mô hình du lịch sinh thái các tour du lịch...; Phát triển cơ sở hạ tầng góp phần ổn định cuộc sống và bảo vệ môi trường, giữ đất, giữ nước, bảo tồn đa dạng sinh học cho vùng đất miền biên cương của Tổ quốc.

Tuy nhiên, tiềm năng về những hoạt động DLST chưa được khai thác đúng mức, nguồn nhân lực và tài chính còn hạn chế, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu của khách tham quan. Đây chính là những nguyên nhân chính khiến Công ty chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế vốn có. Để góp phần phát triển thì DLST tại lâm phần của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên quản lý nói riêng và của tỉnh Đắk Nông nói chung sẽ đem lại hiệu quả cho kinh tế - xã hội địa phương và để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) tại Lâm phần quản lý của Công ty. Vì vậy “Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên” là rất cần thiết và cấp bách trong thời gian này và trong tương lai.

2. Nguyên tắc phát triển du lịch

- Mô tả những nguyên tắc phát triển du lịch sẽ được sử dụng trong Đề án. Lưu ý một số nguyên tắc sau: Phù hợp với định hướng theo các công ước và hướng dẫn Quốc tế như Công ước Đa dạng sinh học, các tiêu chuẩn tối thiểu về du lịch đối với các danh lam thắng cảnh và ngành du lịch do Ủy Ban Du lịch Bền vững Toàn cầu CSTC xây dựng; phù hợp với các tiêu chuẩn của danh lục xanh của IUCN về thực hành bảo tồn hiệu quả nhất.

- Tuân thủ các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt Nam;

- Phù hợp với các chính sách, định hướng, chiến lược quốc gia, ngành và địa phương về phát triển du lịch; lâm nghiệp, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế xã hội.

- Đảm bảo phù hợp với Phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt; đầy đủ nội dung theo quy định của Điều 32 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của

Luật Lâm nghiệp; sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

- Tuân thủ các hướng dẫn lập kế hoạch; quy định về sử dụng đất.
- Hiểu và tôn trọng các giá trị của thiên nhiên, đa dạng sinh học.
- Góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan và khuyến khích các bên liên quan tham gia vào các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan và các loài động, thực vật hoang dã.
- Góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Góp phần vào việc gìn giữ văn hóa địa phương và giúp phát triển kinh tế và tạo việc làm cho cộng đồng sống trong rừng và ở vùng đệm từ các hoạt động du lịch sinh thái để khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động bảo tồn thiên nhiên, phát triển rừng.
- Mang lại thu nhập bền vững và bình đẳng cho cộng đồng địa phương và các bên tham gia khác.
- Mang lại nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển các điểm đến du lịch.
- Giáo dục nâng cao nhận thức và hiểu biết, khả năng hưởng thụ của du khách và tăng cường sự tham gia của họ vào công tác bảo tồn.
- Tạo điều kiện cho các bên tham gia một cách công bằng và có trách nhiệm vào phát triển du lịch sinh thái bền vững.
- Có hệ thống giám sát, biện pháp ứng phó và giảm thiểu với các tác động của du lịch về môi trường thiên nhiên, sự tồn tại và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã và giúp ngăn chặn sự phát triển của các loài ngoại lai xâm hại.
- Du lịch sinh thái phát triển dựa trên những nguyên tắc hướng tới sự phát triển bền vững. Những nguyên tắc được đảm bảo trong DLST không chỉ cho các nhà quy hoạch, quản lý, tổ chức, điều hành du lịch mà còn cho cả hướng dẫn viên du lịch sinh thái, cho cả cộng đồng địa phương.
- Phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, tham quan giải trí, khám phá tìm hiểu tự nhiên và con người.
- Hỗ trợ công tác bảo tồn tài nguyên du lịch sinh thái nói riêng và tài nguyên ở các Vườn quốc gia, khu bảo tồn, các công ty Lâm Nghiệp nói chung. Cụ thể DLST phải được tổ chức có tính khoa học, có tính giáo dục môi trường cao, đồng thời đem lại lợi nhuận tái phục vụ cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học.
- Hỗ trợ kinh tế địa phương, tạo thêm những lợi ích kinh tế lâu dài cho cộng đồng dân địa phương, những người có quyền làm chủ cho sự phát triển và trong công tác hoạch định du lịch.

- Theo quy chế quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các VQG và KBTTN và các Lâm phần thuộc quản lý của Công ty, cá nhân hay tổ chức... thì khi tổ chức hoạt động du lịch sinh thái phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Các hoạt động du lịch sinh thái không được làm ảnh hưởng đến diễn thế tự nhiên của các hệ sinh thái, đời sống tự nhiên của các loài động, thực vật hoang dã, cảnh quan thiên nhiên cũng như bản sắc văn hoá của cộng đồng dân cư ở địa phương.

+ Nguồn thu từ các dịch vụ du lịch sinh thái được trả lương và các khoản chi phí cho người lao động, một phần được tái đầu tư cho công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Tỷ lệ tái đầu tư thực hiện theo quy định của nhà nước.

+ Cộng đồng dân cư ở địa phương được tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch sinh thái để nâng cao thu nhập cũng như nhận thức, trách nhiệm về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

3. Các đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái

Du lịch sinh thái, nếu được biểu thị với ý nghĩa thực của nó, bao gồm 5 đặc trưng cơ bản có quan hệ hỗ trợ nhau:

- Dựa trên địa bàn hấp dẫn về tự nhiên: Đối tượng của DLST là những khu vực hấp dẫn với các đặc điểm phong phú về tự nhiên, đa dạng về sinh học và kể cả những nét văn hoá bản địa đặc sắc. Đặc biệt, những khu tự nhiên còn tương đối nguyên sơ, ít bị tác động lớn bởi các hoạt động của con người. Trên lâm phần Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nam Tây Nguyên quản lý có đầy đủ các yếu tố để phát triển du lịch sinh thái như: Đồi thông đẹp, thác nước, các khu vực rừng còn nguyên sinh và sự đa dạng sinh học phong phú...

- Hỗ trợ bảo tồn, đảm bảo bền vững về sinh thái: Thách thức đối với DLST trong bất kỳ một quốc gia hay một khu vực nào là khai thác hợp lý tiềm năng, lợi thế cho du lịch, đảm bảo chất lượng sản phẩm mà lại không gây tác động có hại ngược trở lại môi trường. DLST có thể tạo ra nguồn thu cho việc quản lý bảo tồn nguồn tài nguyên ngoài những lợi ích về Văn hoá - Xã hội. Sự đóng góp về tài chính với một phần chi phí trong chuyến đi của du khách có thể giúp chi trả cho các dự án bảo tồn đa dạng sinh học.

- DLST gắn liền với giáo dục môi trường (GDMT): Đặc điểm GDMT trong DLST là một yếu tố cơ bản thứ hai phân biệt nó với loại du lịch tự nhiên khác. Giải thích và GDMT là những công cụ quan trọng trong việc tăng thêm những kinh nghiệm du lịch thú vị và nâng cao kiến thức và sự trân trọng môi trường cho du khách, dẫn đến hành động tích cực đối với bảo tồn, góp phần tạo nên sự bền vững lâu dài của hoạt động DLST trong những khu tự nhiên.

- Mang lại lợi ích cho địa phương: DLST cải thiện đời sống, tăng thêm lợi ích cho cộng đồng địa phương và môi trường của khu vực. Cộng đồng địa phương chỉ có thể tham gia vào những công việc vận hành DLST, trên phương diện cung cấp về kiến thức, những kinh nghiệm thực tế, các dịch vụ, các trang

thiết bị và các sản phẩm phục vụ khách. Những lợi ích này nhất thiết phải "nặng ký" hơn sự trả giá về môi trường và văn hoá - xã hội nảy sinh từ du lịch mà cộng đồng địa phương phải gánh chịu.

- Thoả mãn nhu cầu về kinh nghiệm du lịch cho du khách: Việc thoả mãn những mong muốn của khách tham quan với những kinh nghiệm du lịch lý thú là cần thiết đối với sự tồn tại sống còn lâu dài của ngành DLST, trong đó có một phần quan trọng là sự an toàn cho du khách và phải thoả mãn hoặc vượt quá sự mong đợi của du khách. Với những đặc trưng trên, DLST thích hợp được phát triển trên địa bàn quản lý của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nam Tây Nguyên

CHƯƠNG I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI

I. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý, ranh giới, và diện tích

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên nằm trên địa giới hành chính xã Quảng Trục – huyện Tuy Đức - tỉnh Đắk Nông.

** Toạ độ địa lý:*

Từ 120⁰2'30" đến 120⁰20' 00" Vĩ độ Bắc.

Từ 107⁰14'15" đến 107⁰25'30" Kinh độ Đông.

Hiện nay Công ty đang quản lý 38 tiểu khu gồm: 1445, 1451, 1452, 1458, 1459, 1465, 1466, 1467, 1469, 1470, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1481, 1482, 1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1495, 1496, 1497, 1498, 1500, 1501, 1504, 1505, 1506, 1510, 1511, 1512, 1520, 1522 và 1528.

** Phạm vi ranh giới:*

+ Phía Bắc giáp: Ban quản lý rừng phòng hộ Thác Mơ, Trung đoàn 726, xã Quảng Trục, Công ty Cổ phần địa ốc Ngọc Biển.

+ Phía Nam giáp: Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến Trúc Mới,

+ Phía Đông giáp: Nông lâm trường cao su Tuy Đức, xã Quảng Tâm.

+ Phía Tây giáp: Tỉnh Bình Phước.

- Địa hình: Lâm phần do Công ty quản lý có địa hình tương đối phức tạp, có nhiều đồi núi trải dài theo hướng Bắc Nam, giữa các dãy núi cao là các thung lũng rộng trải dài theo các sông suối.

+ Độ cao: Độ cao từ 400 – 900 m.

+ Độ dốc: Từ 5⁰ đến 35⁰, Trung bình: 20⁰

+ Hướng dốc chủ yếu đổ dần từ Đông Bắc đến Tây Nam.

Với dạng địa hình rất khó khăn cho việc đi lại đặc biệt là vào mùa mưa của lực lượng tuần tra QLBRV của Công ty.

Hiện nay tổng diện tích Công ty gồm trên địa bàn xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức tỉnh Đắk Nông, hiện đang quản lý diện tích rừng và đất rừng tương đối lớn 27.086,29 ha, thuộc địa giới hành chính 3 xã gồm: Quảng Trục, Quảng Tâm và Đắk Ngo.

1.2. Địa hình và địa chất

Đất đai trong khu vực chủ yếu là đất đỏ bazan, phát triển trên đá bazan. Ở các vùng đồi cao độ sâu tầng canh tác dày chia thành các loại sau:

(1) Đất đỏ chua, nghèo kiềm (Fd.c.vt): Loại đất này thích nghi cho việc trồng màu, cà phê, điều, cây ăn quả, cao su và trồng rừng.

(2) Đất giàu mùn, nâu đỏ (Fd.hu.r): thích nghi cho việc trồng màu, cà phê, điều, tiêu, cây ăn quả, cao su và trồng rừng.

(3) Đất sỏi đỏ sạn nông, có tầng loang lổ (Fd.skl.fr): thích hợp cho việc trồng màu, cà phê, điều, cây ăn quả, cao su và trầm lòng.

(4) Đất đỏ chua, rất nghèo kiềm (Fdc.gr).

Bên cạnh đó Công ty còn có đất nâu xám bồi tụ ở các vùng đất trũng thấp thích hợp cho các cây nông nghiệp ngắn ngày như khoai lang, lúa nước, sắn, ...

- Độ sâu tầng đất: Khảo sát thực địa cho thấy độ dày tầng đất mặt >40 cm.

- Đất thịt nhẹ, cấu tượng đất dạng viên, độ mùn >15%.

- Thành phần cơ giới: Theo kết quả phân tích cho thấy, đất có thành phần phân cơ giới từ trung bình đến hơi nặng.

- Hàm lượng Các chất hữu cơ N_2 , P_2O_5 , K_2O dễ tiêu khá giàu. Ca và Mg nghèo.

Từ những điều kiện tự nhiên cho thấy, đây là khu vực rất thuận lợi trồng các loài cây công nghiệp, cây ăn quả như Điều, Mắc ca, cà phê, sầu riêng, bơ... vừa đảm bảo chức năng phòng hộ, tăng độ che phủ của rừng vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Thuận Lợi: Với vị trí như vậy, trong quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh Đắk Nông, thì khu du lịch sinh thái sẽ được quy hoạch phát triển theo hướng quốc lộ 14, quốc lộ 14c, DT741 là hướng phát triển tạo khả năng kết nối giữa khu vực TP.HCM, Bình Dương, Đồng Xoài với VQG Bù Gia Mập, khu vực Tây Nguyên. Như vậy, Phát triển du lịch sinh thái tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên là một điểm trong chuỗi các điểm du lịch kết nối các điểm du lịch của Đắk Nông, Bình Phước và TP.HCM. Đây là một lợi thế cho sự phát triển du lịch về mặt vị trí địa lý.

Khó Khăn: Do phần lớn xa cách các khu dân cư sinh sống nên còn nhiều thiếu sót về tiện nghi cho khách du lịch khi cư trú tại đây

1. Mạng lưới điện, năng lượng để sử dụng cho các thiết bị gia dụng, công nghệ (điện thoại, laptop, loa và các thiết bị giải trí khác.

2. Thiếu thốn về ẩm thực, khoảng cách để đến các điểm thương mại rất xa.

3. Đặc thù của khu vực nằm sâu trong rừng nên về sóng điện thoại không có.

1.3. Khí hậu và mùa vụ du lịch

* Khí hậu nhiệt đới gió mùa, mỗi năm chia làm 2 mùa rõ rệt:

+ Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10.

+ Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

* Hướng gió chính:

+ Gió mùa Tây Nam thổi vào mùa mưa.

+ Gió mùa Đông Bắc thổi vào mùa khô.

Tốc độ gió bình quân năm từ 2,2 m/giây, mạnh nhất là 10 m/giây, hầu như không có bão, chỉ xuất hiện một số cơn lốc nhỏ chủ yếu vào đầu mùa mưa.

Lượng mưa bình quân hàng năm 2.362 mm, mưa tập trung nhiều nhất vào các tháng 7, 8 và 9. Tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 12 (8,6 mm), tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 9 (541,6 mm), số ngày mưa trung bình 153 ngày.

Nhiệt độ trung bình năm là 23,5⁰ C, nhiệt độ tháng cao nhất là 25⁰C, tháng thấp nhất là 20,6⁰C.

Độ ẩm không khí bình quân hàng năm 83%, tháng có độ ẩm cao nhất là 7,9 (92%), tháng có độ ẩm thấp nhất là tháng 2 (71%).

Số giờ nắng: Tổng số giờ nắng hàng năm 2.044 giờ. Tháng cao nhất là tháng 1 (259,6 giờ), tháng thấp nhất là tháng 9 (83,5 giờ).

Lượng bốc hơi nước: Lượng bốc hơi bình quân hàng năm 2.170 mm, tháng có lượng bốc hơi lớn nhất là tháng 3 với lượng bốc hơi lên đến 138 mm, tháng có lượng bốc hơi nhỏ nhất là tháng 9 với lượng bốc hơi là 45 mm.

1.4. Thủy văn

Lâm phần Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nam Tây Nguyên có mạng lưới suối đầu nguồn của sông Đồng Nai, phân bố đều khắp trên địa bàn, có nhiều nguồn nước ngầm và lộ thiên. Lâm phần Công ty quản lý bị chia cắt bởi đồi núi, sông suối, trong đó có các con suối lớn Đăk Zên, Đăk Ken, Đăk Ké, Đăk Đieule... và nhiều suối nhỏ khác.

Ngoài hệ thống sông suối, trên địa bàn có các đập Đăk Huýt cung cấp nước cho các cánh đồng của đồng bào trong vùng. Nhìn chung các suối trong vùng còn lại đều nhiều nước trong mùa mưa và ít nước về mùa khô.

II. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa

2.1. Dân sinh

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nam Tây Nguyên nằm trên địa giới hành chính của 3 xã gồm xã Quảng Trục, xã Đăk Ngo và xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức. Theo số liệu thống kê tính đến tháng 2 năm 2024 toàn xã Quảng Trục có 3.018 hộ với 10.351 nhân khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 51,8%, với 5344 nhân khẩu; xã Quảng Tâm có 1800 hộ với 6375 nhân khẩu; xã Đăk Ngo có 2687 hộ với 12.191 nhân khẩu số hộ đồng bào dân tộc thiểu số là 1683 hộ với 8355 nhân khẩu chiếm 68,6%. Thành phần dân tộc tại các xã chủ yếu là dân tộc tại chỗ M'Nông còn lại các dân tộc khác như Tày, Nùng, Mường, H'Mông...

Xã Đăk Ngo là xã có 13 thôn/bon/bản (3 bon, 4 thôn và 6 bản) với 18 dân tộc anh em sinh sống; xã Quảng Trục là xã có 11 bon có 17 dân tộc anh em cùng sinh sống; xã Quảng Tâm là xã có 4 thôn và 1 bon với 15 dân tộc anh em sinh sống, với sự khác biệt về văn hoá và phong tục tập quán đã tạo nên sự hoà hợp,

đan xen giữa các cộng đồng dân tộc khác nhau, tạo điều kiện để bổ sung và làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của địa phương.

2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

a) Kinh tế

Quảng Trục và xã Đắc Ngo là xã có quỹ đất tương đối phong phú, khá thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp nên trong những năm gần đây Quảng Trục là điểm nóng thu hút dân di cư tự do từ các tỉnh đến lập nghiệp, chủ yếu tập trung tại bon Bu Lum, là bon cách xa trung tâm xã và ở tách biệt với các bon khác trong xã, với tỷ lệ hộ nghèo tương đối cao, đặc biệt là khu vực người dân tộc H'Mông sinh sống tại các bản Đoàn Kết, Tân Lập, Ninh Hòa... của xã Đắc Ngo. Đây cũng là thách thức lớn đối với chính quyền trong việc quản lý dân cư, an ninh trật tự và định hướng phát triển kinh tế xã hội.

Phần lớn các hoạt động kinh tế của các xã là nông nghiệp, có hơn 90% lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh tế chưa được đầu tư phát triển đồng bộ, trình độ dân trí còn hạn chế. Số lao động hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp là khoảng 2,84%; thương mại - dịch vụ chiếm khoảng 3,15%; còn lại là các lĩnh vực khác.

Trong những năm qua nền kinh tế của các xã tuy đã có những bước phát triển nhất định nhưng đời sống của nhân dân vẫn còn rất nhiều khó khăn. Theo số liệu thống kê của UBND xã Quảng Trục năm 2024, thu nhập bình quân đầu người trên toàn xã đạt khoảng 14 triệu đồng/người/năm; Số hộ có mức thu nhập khá, giàu chỉ chiếm khoảng 9,26% tổng số hộ, trong khi đó số hộ nghèo toàn xã chiếm gần 59,98%, hộ cận nghèo chiếm 14.56% nên địa phương gặp rất nhiều khó khăn công tác xóa đói giảm nghèo. Qua khảo sát, đánh giá nông thôn cho thấy nguyên nhân chính của tình trạng hộ nghèo ở xã là do thiếu vốn, hạn chế về chất lượng nguồn lao động, trình độ canh tác lạc hậu, thiếu đất canh tác, hệ thống cơ sở hạ tầng khó khăn thiếu kinh nghiệm và kỹ năng sản xuất, nhận thức và năng lực tự vươn lên thoát nghèo của người dân cũng như công tác xóa đói, giảm nghèo còn hạn chế. Cụ thể các hoạt động kinh tế chủ yếu trong vùng như sau:

- Về nông nghiệp

Sản xuất Nông nghiệp là ngành trọng yếu đối với người dân tại địa bàn các xã Quảng Trục, xã Quảng Tâm, xã Đắc Ngo của huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian vừa qua trồng trọt, nhất là trồng các loại cây lương thực, cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm tuy nhiên về hiệu quả và tính bền vững của mô hình chưa cao.

Về trồng trọt

Hiện nay, trồng trọt là khâu sản xuất chủ yếu tại vùng trên địa bàn huyện Tuy Đức. Các loại cây trồng chủ yếu: Cà phê, hồ tiêu, điều, bơ, sầu riêng, khoai lang, sắn, ngô... xu hướng trong thời gian tới sẽ trồng và phát triển cây dược liệu.

Về chăn nuôi

Chăn nuôi trong những năm gần đây tỉnh cũng như huyện chủ trương đẩy mạnh sản xuất theo hướng đảm bảo đáp ứng nhu cầu tại địa phương và các vùng lân cận, vật nuôi chủ yếu là trâu, bò, lợn, gia cầm, ngoài ra còn có chăn nuôi gia

cầm, dê nhưng số lượng không đáng kể.

Lâm nghiệp

Là địa bàn thuộc vùng sâu, vùng xa vùng biên giới, chủ yếu là đất lâm nghiệp. Trong những năm qua do đặc tính canh tác của đồng bào dân tộc tại chỗ dẫn đến đất đai bạc màu thoái hoá và tình trạng phá rừng làm nương rẫy của đồng bào di dân tự do, làm cho diện tích rừng tự nhiên ngày càng bị thu hẹp và suy thoái.

b) Xã hội

Những năm qua, trên địa bàn các xã Quảng Trục, Quảng Tâm, Đắc Ngo luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Chính phủ, cấp ủy, chính quyền các cấp nên tình hình phát triển kinh tế - xã hội có bước tăng trưởng khá, quốc phòng - an ninh ổn định, cơ sở hạ tầng, giao thông ngày càng phát triển, tình hình an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo. Các chương trình xây dựng nông thôn mới, chính sách an sinh xã hội, văn hóa, giáo dục, quản lý đất đai, chính sách dân tộc, xóa đói, giảm nghèo bền vững, đền ơn đáp nghĩa có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được kết quả đáng khích lệ.

Đồng bào các dân tộc trong xã luôn phát huy truyền thống yêu nước, có ý thức đoàn kết cao, giác ngộ cách mạng, có ý thức vượt khó, vươn lên thoát nghèo. Mạng lưới giáo dục phát triển đến khắp các bon. Cơ sở vật chất trường học ổn định, chất lượng giáo dục đào tạo được nâng cao, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt trên 98%. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư thực hiện có hiệu quả.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện, mạng lưới y tế cơ sở được mở rộng. Tỷ lệ bon có điện lưới quốc gia đạt trên 100%, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90,7% và các bon có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Xã Quảng Trục là xã được chọn làm điểm về xây dựng nông thôn mới của tỉnh, sau 4 năm thực hiện, được nhân dân đồng tình ủng hộ và hưởng ứng, đến nay, xã Quảng Trục đã hoàn thành 10/19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa

Với nhiều nhóm dân tộc anh em sinh sống. Sự cộng cư của nhiều cộng đồng đã tạo nên sự đa dạng văn hóa. Hình thành bức tranh tổng hòa, đặc trưng và thống nhất, *sẽ là tiền đề phát triển du lịch Homestay*. Đặc biệt, mô hình này sẽ thích hợp đối với các thôn Bon của người M'ông, Mạ, Kh'mer... ở địa phương. Đến những ngôi làng của dân tộc bản địa ở vùng đệm, sẽ là điểm dừng chân của du khách tìm hiểu, trải nghiệm, làm giàu thêm sự hiểu biết của mình đối với văn hóa người M'ông, người Mạ, hay người Kh'mer... và tham gia chăn nuôi, lên rẫy thu hái nông sản, vào vườn hái rau, hái điều hay dẹt thổ cẩm, tìm hiểu những thói quen, phong tục hay nội trợ, đêm xuống cùng người dân uống rượu cần, say mê với âm thanh mời gọi của công chiêng trong lễ kết nghĩa, đeo vòng, chúc sức khỏe trong nhà cộng đồng, tham gia vũ điệu công chiêng, thưởng thức các món ăn truyền thống như cơm lam, rượu cần, thịt gác bếp, gà nướng nguyên thủy, cá suối, rau rừng ở Quảng Trục và thôn bon của người S'tiêng, M'ông. Các vùng ven như xã, huyện Tuy Đức cũng lưu giữ nhiều giá

trị văn hóa, dân tộc đặc sắc như nghề dệt thổ cẩm, cách ủ rượu cần truyền thống, dân ca, dân vũ, các loại hình diễn xướng dân gian và lễ hội truyền thống.

Bên cạnh đó, chương trình tham quan các điểm du lịch với chương trình giao lưu văn nghệ văn hóa công chiêng, tìm hiểu về văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc S'tiêng, M'nông.

2.4. Giao thông

a) Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực

Khu vực Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên có hệ thống đường giao thông kết nối với các khu vực phía Nam hết sức thuận lợi, ngoài ra công ty còn có một số hệ thống đường phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, cụ thể như sau:

- Đường quốc lộ 14c kết nối với quốc lộ 14, Bình Phước, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh tất cả đều là đường nhựa với hệ thống giao thông thuận lợi.
- Đường quốc lộ 14c kết nối với đường tuần tra biên giới, khu vực Tây Nguyên.
- Đường quốc lộ 14c kết nối với Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, đường DT741, Bình Phước, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh.

Lâm phần Công ty quản lý có 3 tuyến đường lâm nghiệp chính là đường lâm nghiệp số 01, 02 và 03 với tổng chiều dài lên tới 52,17 km chạy trong toàn bộ địa phận của đơn vị, đây đều là đường đất do đó sẽ sạt lở, xuống cấp vào các tháng mùa mưa nên đòi hỏi hàng năm đều phải được duy tu và bảo dưỡng. Các hoạt động duy tu bảo dưỡng chủ yếu là san lấp các đoạn đường bị sạt lở, phát dọn thực bì 2 bên đường. Dự kiến mỗi năm Công ty sẽ duy tu sửa chữa từ 2-5km/năm, khối lượng công việc cụ thể tùy theo kết quả rà soát, đánh giá thực tế và khả năng bố trí vốn của Công ty cho từng năm để đảm bảo phục vụ công tác đi lại tuần tra QLBR.

Ngoài ra tuyến đường QL14C đi qua lâm phần Công ty đã được nhựa hoá là tuyến giao thông cấp quốc gia nối các địa phương Trung và Nam Tây Nguyên dọc biên giới Việt Nam-Campuchia, tổng chiều dài tuyến đường đi qua địa phận Công ty quản lý là 15,91 km, đây là đoạn đường đẹp nhất trong khu vực, bắt đầu từ trạm bảo vệ rừng số 02 đến trạm bảo vệ rừng Bù Gia Mập rất thuận lợi cho việc vận chuyển và đi lại phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng của đơn vị và sản xuất của người dân.

- Hệ thống đường ranh cản lửa: Hiện nay, trên địa bàn có đường ranh cản lửa trắng chủ yếu ở trên các diện tích rừng trồng. Hệ thống đường ranh cản lửa kết hợp đường công vụ tạo thuận lợi cho việc đi lại phục vụ công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ và sử dụng rừng.

2.5. Thuận lợi, khó khăn

Thuận lợi

Nhìn chung, dân cư của huyện phân bố không đồng đều giữa các xã, thôn, bon là do địa hình, phong tục tập quán khác nhau của nhiều dân tộc đang sinh sống. Đa số tập trung với mật độ cao tại các khu trung tâm hành chính huyện, xã và dọc các trục lộ lớn thuộc phía Đông của huyện vì đây là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi trong đời sống cũng như phát triển kinh tế.

Cùng với sự gia tăng dân số, lực lượng lao động không ngừng tăng. Nguồn lao động của địa phương tuy khá dồi dào, là điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, nhưng số lao động qua đào tạo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật còn chiếm tỷ lệ rất thấp, dẫn đến chất lượng, hiệu quả và năng suất lao động chưa cao chủ yếu là lao động nông - lâm nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế. Do vậy, trong tương lai cần có hướng đào tạo nghề cho người lao động, có thể đáp ứng được nhu cầu lao động có tay nghề trong điều kiện khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển.

Đời sống người dân ngày càng được cải thiện, trình độ dân trí ngày một nâng cao người dân đã phần nào nhận thức được vai trò của rừng đối với đời sống xã hội, do đó tỷ lệ người dân đồng tình ủng hộ cho công tác quản lý rừng cũng tăng lên.

Khó khăn

Tuy việc nâng cao đời sống và trình độ dân trí đã được cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp, tập quán canh tác của người dân địa phương còn lạc hậu, khả năng tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật để vận dụng vào sản xuất kinh doanh còn hạn chế.

Khí hậu có hai mùa rõ rệt mùa khô và mùa mưa nên cũng ảnh hưởng đến việc phát triển du lịch sinh thái tại Công ty nhất là vào mùa mưa.

CHƯƠNG II

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GIAI ĐOẠN 2025 - 2043

I. Căn cứ xây dựng đề án

1.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Du lịch năm 2017;
- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Luật Đa dạng sinh học năm 2018;
- Luật Đất đai năm 2024
- Luật Xây dựng năm 2014 và được sửa đổi bổ sung năm 2020
- Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới.
- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa.
- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai
- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.
- Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.
- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030”.
- Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 03/08/2016 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

- Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018;

- Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về một số định mức kinh tế- kỹ thuật về lâm nghiệp;

- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 880993 ngày 19/8/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông

- Quyết định số 583/QĐ- UBND Ngày 13 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên;

- Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên giai đoạn 2020-2030 và được điều chỉnh bổ sung và phê duyệt tại Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định 1444/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc hướng dẫn xử lý một số nội dung liên quan đến đất lâm nghiệp và quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh, về công bố hiện trạng rừng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Đề án phát triển du lịch tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.2. Cơ sở khoa học và thực tiễn

1.2.1. Những nghiên cứu về du lịch sinh thái trên thế giới

Du lịch sinh thái là một loại hình có lịch sử khá lâu đời, song hành với các dạng thức du lịch khác. Hình thức sơ khai của du lịch sinh thái là những hoạt động du lịch gắn liền với thiên nhiên.

Thuật ngữ “du lịch sinh thái” được Hector Ceballos - Lascurain chính thức đưa ra vào năm 1987 ngay lập tức đã phát triển nhanh chóng và rộng khắp. Sự ra đời của Hiệp hội du lịch sinh thái quốc tế (TIES) ba năm sau đó (1990) bước đầu khẳng định vị thế của du lịch sinh thái với tư cách là một hệ thống lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững trong du lịch.

Bên cạnh những nghiên cứu lý luận về du lịch sinh thái thì cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu mang tính thực tiễn của các tác giả: Apostu & Gheres, Samdin, Elisa Pekkala, Casey Catherine Miller, Hill ... Các tác giả đã phân tích những thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch sinh thái cũng như đưa ra những giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại các địa điểm nghiên cứu.

Apostu & Gheres, (2009) nghiên cứu về “Một số đề xuất về tổ chức và phát triển du lịch sinh thái đối với rừng đặc dụng ở Romania” đã phân tích thực trạng hoạt động DLST ở Romania và cho thấy những thiếu sót có thể chia thành hai nhóm, thiếu sót trong nội bộ ngành du lịch và thiếu sót trong việc quản lý các khu rừng đặc dụng. Đối với nội bộ ngành, vấn đề nảy sinh từ sự thất bại trong chương trình quảng bá cho môi trường sinh thái ở tất cả các cấp quản lý, đặc biệt là không có chương trình phổ biến thông tin cho cộng đồng ở những khu vực có tiềm năng lớn về DLST.

Hill (2011), trong nghiên cứu “Du lịch sinh thái ở khu vực Amazon Peru: sự kết hợp giữa du lịch, bảo tồn và phát triển cộng đồng” đã đề xuất một số nguyên tắc chủ yếu nhằm đạt được thành công trong quá trình phát triển du lịch sinh thái ở khu vực rừng nhiệt đới. Cụ thể, những nguyên tắc đó là nâng cao năng lực cộng đồng thông qua việc tạo điều kiện cho họ tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái, trao đổi nhận thức giữa cộng đồng và người điều hành tour du lịch, đồng quản lý tài nguyên rừng, kết hợp đào tạo và du lịch, giảm thiểu ảnh hưởng của hoạt động du lịch tới môi trường và hệ sinh thái. Nghiên cứu này nhấn mạnh mối quan hệ giữa du lịch sinh thái, bảo tồn hệ sinh thái và phát triển cộng đồng địa phương.

Trong nghiên cứu “*Tiềm năng du lịch sinh thái và quản lý du lịch sinh thái ở hạ lưu sông Kavak (Thổ Nhĩ Kỳ)*”, Özcan và đồng sự (2009), nhận thấy rằng cần phải thực hiện một hệ thống các giải pháp để có thể phát huy tối đa tiềm năng du lịch sinh thái. Các giải pháp đó bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái đáp ứng nhu cầu của du khách, thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tác động tiêu cực của hoạt động du lịch sinh thái tới bảo tồn chim hoang dã, đồng thời đặt những biển quảng bá thông tin về tính đặc hữu của loài chim trong khu bảo tồn.

Năm 2011, Bhuiyan và đồng sự trong nghiên cứu “*Vai trò của chính phủ trong phát triển du lịch sinh thái: Nghiên cứu điển ở khu vực kinh tế vùng duyên*

hải” đã khẳng định sự can thiệp của Chính phủ là rất cần thiết đối với các quốc gia đang phát triển trong việc lập kế hoạch và xúc tiến hoạt động du lịch sinh thái. Cụ thể, ở Malaysia, sự can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong lĩnh vực phát triển du lịch sinh thái là phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, thúc đẩy khả năng tiếp cận du lịch, đào tạo, xúc tiến du lịch, phát triển du lịch bền vững....

Năm 2013, nghiên cứu “*Sự bền vững của tài nguyên du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Taman Negara*” Samdin và đồng sự sử dụng phương pháp định giá ngẫu nhiên đã đánh giá được giá trị kinh tế của tài nguyên du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Taman Negara. Nghiên cứu cũng đã đưa ra được khung mức bằng lòng chi trả cho dịch vụ du lịch sinh thái ở vườn quốc gia và kết luận rằng du khách bằng lòng chi trả mức phí vào cửa cao hơn so với mức phí hiện hành.

Nghiên cứu Tác giả Elisa Pekkala (2015), “*Phát triển du lịch bền vững trên đảo Malta Địa Trung Hải*” đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để có thể đưa ra những kết luận về việc tập trung phát triển du lịch tại đảo đã gây ra những tổn hại đến đời sống văn hóa – xã hội và môi trường. Từ đó đưa ra các đề xuất cho phát triển du lịch bền vững tại Malta.

Tác giả Casey Catherine Miller (2017), trong nghiên cứu “*Những thách thức và tiềm năng của du lịch sinh thái như một hình thức bảo tồn và phát triển bền vững tại đảo Zapatera, Nicaragua*”, đã sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu, tác giả đã phân tích những tác động và tính khả thi của việc phát triển du lịch sinh thái trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại đảo Zapatera.

Theo Dowling & Weiler (1997), “Du lịch là sự di chuyển tạm thời của người dân đến ngoài nơi ở và làm việc của họ, là những hoạt động xảy ra trong quá trình lưu lại nơi đến và các cơ sở vật chất tạo ra để đáp ứng những nhu cầu của họ”. Hay trong định nghĩa của Pirojnik, một nhà địa lý người Belarus đã đưa ra định nghĩa về du lịch mà trong đó không dùng tới cụm từ di chuyển tạm thời, một trong những yếu tố để phân biệt một chuyến di chuyển bình thường với một chuyến du lịch là sử dụng thời gian nhàn rỗi: “Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian nhàn rỗi có liên quan đến sự di cư và lưu trú tạm thời ngoài nơi ở thường xuyên nhằm mục đích phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hóa hoặc hoạt động thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ” (Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu, 2000).

1.2.2. Những nghiên cứu về du lịch sinh thái trong nước

Ở Việt Nam DLST cũng được sự quan tâm, chú ý từ những năm 1990 của thế kỷ 20. Các công trình nghiên cứu về DLST cũng từ đó được thực hiện. Cụ thể như:

Năm 2002, Nhà xuất bản giáo dục đã xuất bản quyển “Du lịch sinh thái, những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam” do Phạm Trung Lương

chủ biên đã khái quát các khái niệm cơ bản về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái và hiện trạng, tiềm năng du lịch sinh thái ở Việt Nam.

Năm 2006, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật đã xuất bản quyển "Du lịch sinh thái" do Lê Huy Bá chủ biên đã khái quát các khái niệm, định nghĩa và nội dung liên quan đến loại hình du lịch sinh thái cũng như môi trường sinh thái, giới thiệu về các thành phần tương tác giữa các thành phần môi trường trong một hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học, diễn thế và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng theo quy luật vận động và phát triển của du lịch sinh thái

Đức Phan (2004), "Phát triển du lịch theo hướng du lịch sinh thái" tác giả đã phân tích được xu hướng phát triển du lịch và đã kết luận trong tương lai du lịch hướng tới thiên nhiên, du lịch sinh thái là loại hình du lịch phổ biến trên thế giới và Việt Nam cần đón đầu được xu hướng này để phát triển ngành dịch vụ du lịch sao cho có hiệu quả.

Nguyễn Thị Tú (2006), "Những giải pháp phát triển du lịch sinh thái Việt Nam trong xu thế hội nhập". Tác giả đã phân tích khá chi tiết điều kiện phát triển du lịch sinh thái và xu thế phát triển du lịch sinh thái Việt Nam trong xu thế hội nhập. Tuy nhiên tác giả chưa làm rõ được tiềm năng DLST tại các VQG cũng như việc quản lý và khai thác tiềm năng du lịch này.

Nguyễn Đình Hòa (2006), "Du lịch sinh thái - thực trạng và giải pháp để phát triển ở Việt Nam của tác giả" Tác giả đã phân tích điều kiện và giải pháp phát triển du lịch sinh thái của Việt Nam nhưng trong nghiên cứu này tác giả cũng chưa làm nổi bật được hoạt động này của Việt Nam.

Đỗ Thị Thanh Hoa (2007), trong đề tài "Nghiên cứu đề xuất tiêu chí khu du lịch sinh thái ở Việt Nam" đã góp phần xây dựng hệ thống quy định của ngành du lịch Việt Nam nhằm quản lý và phát triển du lịch có hiệu quả cao về kinh tế - xã hội và môi trường. Đồng thời, đề xuất các tiêu chí khu du lịch sinh thái ở Việt Nam, làm cơ sở cho đầu tư, phát triển các khu du lịch sinh thái theo định hướng chiến lược phát triển du lịch Việt Nam.

Lê Văn Sơn (2012), trong nghiên cứu "Giải pháp phát triển du lịch sinh thái biển Nam Định theo hướng bền vững" đã đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của vùng ven biển tỉnh Nam Định trên các lĩnh vực tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm thủy hải văn của vùng. Nêu bật được những tiềm năng du lịch tự nhiên cũng như các tài nguyên du lịch nhân văn trong vùng. Từ đó đưa ra các giải pháp xây dựng mô hình phát triển du lịch sinh thái biển dựa vào cộng đồng vùng ven biển Nam Định theo hướng bền vững.

Nguyễn Quyết Thắng (2012), trong luận án nghiên cứu "Nghiên cứu tiềm năng và các giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại một số trọng điểm vùng du lịch Bắc Trung Bộ" tác giả đã tập hợp và làm rõ cơ sở lý luận về nghiên cứu tiềm năng và phát triển du lịch sinh thái trên nhiều khía cạnh như khái niệm tài nguyên, tiềm năng và nghiên cứu tiềm năng, phân chia lãnh thổ và xác định trọng điểm trong du lịch sinh thái cũng như khái niệm, đặc trưng, vai trò, các

yếu tố ảnh hưởng ... đến sự phát triển du lịch sinh thái. Nghiên cứu đã đánh giá khá đa dạng một số tài nguyên (núi, biển, đầm phá, suối nước khoáng nóng ...) các khu vực trọng điểm vùng du lịch Bắc Trung Bộ trên khía cạnh khả năng thu hút và khả năng khai thác du lịch sinh thái.

Phạm Trung Lương (2015), trong nghiên cứu “Phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu” tác giả đã hệ thống hóa khái niệm về du lịch sinh thái. Đồng thời, nêu lên những vấn đề đặt ra đối với du lịch sinh thái Việt Nam và một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái ứng phó với biến đổi khí hậu.

II. Quan điểm phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

2.1. Phát triển du lịch sinh thái trên cơ sở hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa và các di tích lịch sử

Phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững, bảo tồn hệ sinh thái rừng. Các chương trình, hoạt động du lịch hợp lý, không vượt quá khả năng chịu tải của hệ sinh thái. Kiến trúc của các công trình xây dựng cần hài hòa với cảnh quan rừng, tránh xây dựng các công trình kiên cố với quy mô lớn gây mất rừng, không làm đảo lộn cảnh quan tự nhiên của khu rừng. Phát huy bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân cư ở địa phương, tạo sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn.

2.2. Phát triển du lịch sinh thái trên cơ sở tăng cường sự tham gia của các bên liên quan và cộng đồng dân cư địa phương

Các hoạt động du lịch sinh thái của Công ty được phát triển dựa trên cơ sở nguồn lực về tài nguyên, cảnh quan, nhân lực và tài chính của Công ty nhưng cần tăng cường liên doanh, liên kết, để phát huy nguồn lực về tài chính và kinh nghiệm của các tổ chức và các nhân ở trong và ngoài nước. Đồng thời, hình thành mạng lưới cộng tác từ các cộng đồng dân cư thuộc các xã ở vùng đệm, nhằm phát huy các giá trị văn hóa và ẩm thực bản địa.

2.3. Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, từng bước cải thiện và phát triển mới, phù hợp với nhu cầu của xã hội và năng lực tổ chức quản lý

Để tránh lãng phí tài nguyên và nguồn lực, các hoạt động du lịch sinh thái của Công ty sẽ được tổ chức trên cơ sở tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng hiện có. Nhưng sẽ phát triển nâng cấp cải tạo đảm bảo các nguyên tắc giản dị, sạch, ngăn nắp, vệ sinh. Phát huy sự tham gia cán bộ công nhân viên và người dân, tạo sản phẩm du lịch đặc thù của vùng. Sử dụng các phương tiện, cơ sở vật chất sẵn có như nhà sà, hay khả năng nấu ăn. Bảo đảm tính khả thi, cân đối giữa cung, cầu và hiệu quả của các công trình. Từng bước xây dựng mới các công trình thiết yếu để phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của du khách.

III Định hướng phát triển

3.1. Định hướng chức năng

Rừng Nam Tây Nguyên với diện tích chủ yếu là rừng tự nhiên, được quy hoạch là rừng sản xuất, là vùng chuyển tiếp giữa Tây nguyên và Đông Nam Bộ,

đặc biệt là khi tuyến đường cao tốc Gia Nghĩa Chơn Thành hoàn thành thì việc kết nối, đi lại với các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Thành Phố Hồ Chí Minh sẽ rất thuận tiện, ngoài ra dân cư bản địa ở vùng này người dân tộc M'ông là chủ yếu có nhiều nét văn hóa đặc trưng. Do vậy việc phát triển du lịch sinh thái sẽ kết hợp với bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tới các loài động, thực vật và tài nguyên rừng ở nơi đây. Và phát triển văn hóa, dân sinh kinh tế địa phương.

3.2. Định hướng hoạt động

Hoạt động phát triển du lịch sinh thái ở đây sẽ kết hợp 3 hoạt động đó là: Công ty tự tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái hoặc công ty liên doanh, liên kết với các đơn vị khác hoặc cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

3.3. Định hướng các sản phẩm du lịch

Trên cơ sở phân tích tiềm năng về tài nguyên rừng, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa xã hội, Công ty TNHH MTV Nam Tây Nguyên hướng tới các nhóm sản phẩm du lịch chính sau đây:

Du lịch sinh thái, đây là sản phẩm du lịch đặc trưng và quan trọng nhất trong Công ty với các loại du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch kết hợp nghiên cứu sinh vật. Các hoạt động cụ thể là:

- Quan sát các hệ sinh thái, khảo sát các kiểu rừng và các loài động thực vật quý hiếm. Quan sát các khu rừng bản địa tự nhiên, nguyên sinh, cảnh quan thác, suối. Các chuyến đi theo loại hình du lịch này sẽ dẫn du khách vào các khu rừng tự nhiên, ven suối, đỉnh núi.

- Du khách sẽ quan sát cây, con quý hiếm: Trong thiên nhiên hoang dã, du khách quan sát cây, con quý hiếm và đặc hữu và một số loài thực vật, côn trùng, các loài bướm, dơi...

- Quan sát chim, thú rừng: Chuyến đi này được thiết kế cho các du khách có niềm đam mê xem chim, thú rừng tại các chòi và tuyến được thiết kế, xây dựng trước. Bộ phận dịch vụ của Công ty sẽ hướng dẫn, cung cấp các thiết bị và những thông tin cơ bản cần thiết để quan sát chim, và thú rừng vào ban đêm.

Du lịch thể thao, mạo hiểm dã ngoại, leo núi, đi xe địa hình đây là loại hình du lịch hướng tới các nhóm khách ưa thích vẻ đẹp hoang sơ, cảnh quan thiên nhiên hữu tình và không bị đô thị hóa. Những người có sức khỏe tốt, đặc biệt thích hoạt động thể thao kết hợp khám phá tự nhiên. Trong mùa mưa, du khách có thể ngắm nhìn nhiều loài động vật hoang dã, khám phá một số thác đẹp. Tuy nhiên, mùa mưa thường có nhiều vấp và đường đi lầy lội khá khó đi. Mùa khô, đường đi dễ dàng, ít vấp nhưng khả năng được nhìn thấy những loài động vật hoang dã ít hơn. Phương tiện là xe máy, hoặc xe đạp địa hình. Du khách sẽ được tắm suối, khám phá hệ sinh thái rừng, leo núi ngắm mặt trời mọc, quan sát thú ở trong rừng, dùng cơm trưa trong rừng; đốt lửa trại, ca hát và nghỉ đêm tại nhà sàn của Công ty hoặc các Bugalow, các lều mang theo.

Du lịch chuyên đề loại hình du lịch này được tổ chức theo các chủ đề bảo vệ rừng, đo đếm cây rừng, xác định tên cây, tên thú, tham quan, tìm hiểu về đồi thông, trảng cỏ, cây di sản. Loại hình du lịch này phù hợp cho các nhà nghiên cứu, các lớp học về môi trường, và quản lý tài nguyên thiên nhiên và các em học sinh ở nhiều lứa tuổi.

Du lịch văn hóa loại hình du lịch này sẽ giúp du khách tìm hiểu về những nét đặc sắc của nền văn hóa tại địa phương. Kết hợp giao lưu với người bản địa, tham quan và tìm hiểu các lễ hội văn hóa với việc sử dụng các nhạc cụ âm nhạc. Chẳng hạn như Cồng (goong), chiêng (ching), kèn bầu (m'buôt), sáo ống (dênh dut), đàn môi (N'tôn), sáo tiêu (ta lét). Người M'nông sử dụng và gìn giữ cho con cháu như một món bảo vật, biểu tượng văn hóa của dân tộc mình. Mặt khác, du khách được tham quan và mua sắm những sản phẩm thủ công. Đó là các sản phẩm đan lát, dệt, đan bắt cá, gùi, đồ bắt mối...hoặc những bộ quần áo dệt từ thổ cẩm. Trải qua bao đời, những nghề truyền thống này vẫn còn được lưu giữ và đã trở thành tài sản quý giá của các thế hệ con cháu. Du khách cũng được thưởng thức những món ăn đặc sắc như cơm lam, rượu cần, canh thụt...trong những lễ trả của, đáp lễ của đồng bào M'nông. Du khách cũng được tham quan những di tích lịch sử quan trọng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Địa danh Quảng Trục gắn liền với các trận đánh ác liệt ở khu vực Nam Tây Nguyên...

Du lịch nghỉ dưỡng Du lịch nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống. Du khách có thể nghỉ dưỡng từ 5-7 ngày để thưởng thức khí hậu trong lành với cảnh quan thơ mộng, rời xa những thành phố chật chội và náo nhiệt để về với thiên nhiên hoang dã. Các hoạt động nghỉ dưỡng ở khu vực nhà sàn và nhà nghỉ trên đồi thông. Du khách sẽ kết hợp tham quan rừng, đồi thông, trảng cỏ, tìm hiểu về hệ động vật và thực vật, tham gia các lễ hội và thưởng thức các món ăn của đồng bào ở các bon vùng đệm của Công ty. Du khách cũng có thể ngắm nhìn những cảnh quan hùng vĩ từ đồi dốc mây, điểm quan sát rừng giáp ranh Bình Phước và Đắk Nông.

3.4. Định hướng phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch

- Xây dựng điểm ngắm rừng từ trên cao
- Xây dựng khu nhà sàn Kơ Nia
- Cải tạo khu nhà dài thành khu đón tiếp khách: quầy vé, bán đồ lưu niệm, dịch vụ dã ngoại, ăn uống, khu vệ sinh, sân bãi, bếp ăn, hệ thống năng lượng mặt trời, Vườn hoa lan.
- Xây dựng bãi cắm trại ở đồi thông: cồng vào, sửa lại bãi cắm trại cho bằng phẳng, nhà ăn uống, xây dựng thêm các Bungalow trên diện tích đất không có rừng hoặc các khoảng trống dưới tán rừng trồng, rừng tự nhiên.
- Bãi cắm trại ở khu di sản cây Bằng lăng
- Đầu tư khu nghỉ dưỡng và thiền ở đồi thông

- Sửa lại đường xuống khu di sản bằng lǎng
- Đầu tư và sửa chữa đường xuống thác Tiên Sa
- Đường đi dốc mây, điểm ngắm rừng, quan sát thú.
- Đầu tư tuyến đường mòn để quan sát chim, thú: các loài chà vá chân đen, khỉ, vượn, hồng hoàng, cao cát v.v.
- Đầu tư Vườn cây dược liệu.
- Đầu tư, sửa chữa các tuyến đường du lịch sinh thái trải nghiệm dọc theo các sông, suối và xây dựng hệ thống các Bungalow phục vụ du khách nghỉ ngơi dọc theo các tuyến này trong lâm phần Công ty quản lý.

3.5. Định hướng thị trường khách du lịch

Rừng Nam Tây Nguyên nằm ở đầu của tỉnh Đắk Nông, tiếp giáp với khu vực Vườn quốc gia Bù Gia Mập. Nơi đây có khí hậu trong lành, mát mẻ, cảnh quan sinh thái đặc trưng nên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, đặc biệt là sự đa dạng về hệ động vật với các loài Bò tót, Chồn hương, Heo rừng... Hơn nữa, sự giao thoa giữa rừng bán thường xanh và rừng thường xanh đã giúp hệ thực vật phát triển hết sức đa dạng, quá trình bảo tồn tốt cũng mang lại kết quả với sự sinh trưởng mạnh mẽ của các loài cây Bằng lăng cườm, cây si và các loài cây thấp tầng khác. Không chỉ có cảnh quan, các loài động, thực vật đa dạng, mà nơi đây còn có một hệ thống suối, thác nước rất đẹp, đặc biệt là thác Tiên Sa. Do vậy, ưu tiên thị trường khách du lịch ở đây là những người ở các thành phố, thị xã trên cả nước, đặc biệt là khu vực Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ yêu thiên nhiên, muốn tìm hiểu, khám phá về thiên nhiên.

3.6. Định hướng hình thành điểm du lịch sinh thái theo tiêu chuẩn quốc gia

Để hình thành điểm du lịch theo đúng các tiêu chí của Quốc Gia (điều 11 và điều 12, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP) cần tiến hành một số hoạt động nhằm đưa Công ty TNHH MTV Nam Tây Nguyên được công nhận thành 1 điểm du lịch. Cụ thể là:

- Thiết lập ranh giới trên bản đồ do cơ quan có thẩm quyền xác nhận.
- Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch, trong Công ty bao gồm:
 - Kết nối giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi;
 - Thiết lập hệ thống cấp điện, cấp nước sạch
 - Thiết lập biển chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch;
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống, mua sắm cho du khách.
- Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm:
 - Có bộ phận bảo vệ trực 24 giờ mỗi ngày;

- Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch;
- Có bộ phận tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;
- Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm;
- Có biện pháp thu gom và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường;
- Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

3.7. Định hướng về các loại hình lưu trú du lịch và các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật cho các loại hình du lịch

Căn cứ Mục 3, Chương V, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017, quy định chi tiết một số điều của Luật Du Lịch, sẽ định hướng xây dựng cho các loại hình lưu trú và cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ như sau

a) Về các loại hình lưu trú du lịch, sẽ chọn lựa các loại hình sau

Nhà nghỉ du lịch: Cơ sở lưu trú có trang thiết bị, tiện nghi cần thiết phục vụ khách du lịch.

Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê: Nhà ở có khu vực được bố trí trang thiết bị, tiện nghi cho khách du lịch thuê lưu trú; khách cùng sinh hoạt với gia đình chủ nhà.

b) Các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật cho các loại hình du lịch, sẽ xây dựng áp dụng theo các Điều 25, 26, 27, 28 Nghị định 168/2017/NĐ-CP.

- + Nhà nghỉ du lịch:
 - Có điện, nước sạch và hệ thống thoát nước.
 - Có khu vực đón tiếp khách và phòng ngủ; có phòng tắm, phòng vệ sinh chung trong trường hợp phòng ngủ không có phòng tắm, vệ sinh riêng;
- + Đối với nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê;
 - Có đèn chiếu sáng, nước sạch;
 - Có khu vực sinh hoạt chung; có khu vực lưu trú cho khách; có bếp, phòng tắm, phòng vệ sinh;
 - Có giường, đệm hoặc chiếu; có chăn, gối, màn, khăn mặt, khăn tắm; thay bọc nệm hoặc chiếu; thay bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới;

- Chủ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê được tập huấn về nghiệp vụ du lịch;

Trong giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật khác cho các loại hình du lịch, như khách sạn sẽ áp dụng theo quy định tại điều 24 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 và theo các quy định tại TCVN 4392:2015 và các quy định khác hiện hành.

IV. Mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển

4.1. Mục tiêu

4.1.1. Mục tiêu chung

Góp phần thực hiện các chính sách của Đảng, Nhà nước và cơ chế quản lý hài hòa giữa phát triển du lịch, khai thác tiềm năng của các khu rừng và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông.

Phát huy những giá trị về vị trí địa lý, cảnh quan thiên nhiên, môi trường rừng, tài nguyên đa dạng sinh học, để cung cấp các sản phẩm du lịch, phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng, học tập, tham quan, nghiên cứu khoa học.

Thông qua hoạt động du lịch sinh thái, giáo dục cho mọi người ý thức bảo vệ môi trường. Chia sẻ lợi ích đối với người dân bản địa. Tạo việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho người dân. Góp phần phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết lập các tuyến du lịch, tạo dựng các điểm đến hấp dẫn làm cơ sở để phát triển du lịch sinh thái tại Công ty TNHH MTV Nam Tây Nguyên bền vững.

Tạo cơ sở pháp lý để tìm kiếm sự đầu tư của nhà nước, của các tổ chức quốc tế và các cơ quan, công ty du lịch cho sự phát triển du lịch sinh thái tại Công ty TNHH MTV Nam Tây Nguyên.

4.1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Năm 2025-2026

- Nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng thiết yếu để phục vụ du khách, phù hợp với các quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Du lịch.

- Củng cố cơ cấu tổ chức, đào tạo nâng cao năng lực tổ chức, quản lý và thực hiện các hoạt động dịch vụ du lịch cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty.

- Nâng cao khả năng thu hút các đối tượng khách du lịch của Công ty thông qua các hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch và liên kết với các điểm, công ty du lịch khác.

- Tạo mạng lưới giữa Công ty với các điểm, tuyến du lịch trong vùng để hình thành tour du lịch liên vùng. Hình thành đội ngũ cộng tác viên giữa Công ty với thôn, Bon có tài nguyên du lịch.

- Đón khoảng 2000 khách đến 3000 khách/năm.

b. Giai đoạn 2027 - 2043

Nâng cấp cơ sở hạ được xây dựng trong giai đoạn trước năm 2026 để phục vụ quảng bá du khách.

Phát triển du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao. Xây dựng mới cơ sở hạ tầng theo hướng chất lượng cao, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu của du khách.

Nâng cao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ thực hiện các hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái theo các tiêu chuẩn của ngành du lịch.

Nâng cao khả năng thu hút các đối tượng khách du lịch của Công ty. Đón khoảng 3000 khách đến 4000 khách/năm.

4.2. Các chỉ tiêu phát triển

Căn cứ vào tài nguyên du lịch hiện có và khả năng phát triển của Công ty và của Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (đơn vị có cảnh quan giống với rừng ở khu vực Nam Tây Nguyên) cụ thể số lượng khách và doanh thu của Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, hai năm 2019 và 2020. Hai năm này dịch Covid-19 lan rộng, các hoạt động du lịch trong nước hầu như bị đóng băng. Tuy nhiên doanh thu của Vườn Quốc gia Bù Gia Mập vẫn tăng, cụ thể như sau:

Năm	Lượt khách tham quan			Doanh thu (đồng)
	Tổng số khách	Khách nội địa	Khách quốc tế	
2019	2.549	2.549	0	166.000.000
10 tháng đầu năm 2020	1.296	1.296	0	93.000.000

Khu vực của Công ty có đường giao thông thuận lợi (có quốc lộ 14c chạy qua), kết nối với Vườn Quốc gia Bù Gia Mập. Ngoài ra nơi đây có cảnh quan, thác, suối đặc trưng, nên số lượng du khách tham quan sẽ rất khả quan. Đặc biệt sau khi dịch Covid-19 kết thúc, số lượng người muốn đi tham quan, du lịch đã tăng lên rất nhiều. Do vậy, dự báo số lượng khách tham quan đối với công ty, cụ thể như sau:

Giai đoạn: 2027 – 2030: số lượng khách đến tham quan rừng của Công ty tăng khoảng 30%/năm. Như vậy khách đến công ty khoảng 4000 khách/năm, thì tổng thu đạt khoảng trên 3 tỷ/năm.

Ngoài ra khi được đầu tư bổ sung các dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, hứa hẹn doanh số sẽ tăng lên nhiều.

V. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2025-2043

5.1. Từ chính sách

- Các chính sách từ Trung ương đến địa phương trong giai đoạn từ 2025 đến 2043, đều khuyến khích, thúc đẩy phát triển du lịch một cách bền vững, đảm bảo tận dụng tối đa lợi thế tài nguyên hiện có nhằm nâng cao thu nhập cho đơn vị, và cộng đồng. Đảm bảo hài hòa giữa kinh tế - xã hội và môi trường, cụ thể là:

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2017

- Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 01 năm 2020 phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ;

- Nghị Quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ về nghiêm vụ, giải pháp chủ yếu nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả bền vững;

- Kế hoạch số 476/KH-UBND, ngày 08 tháng 9 năm 2020 thực hiện chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên.

5.2. Từ các cộng đồng và các công ty du lịch

Qua tham khảo một số ý kiến từ các cộng đồng và các công ty du lịch, thì việc phát triển du lịch tại khu rừng của Công ty quản lý là rất khả quan. Việc phát triển du lịch ở nơi đây sẽ nâng cao đời sống kinh tế của người dân, hỗ trợ việc làm cho một số lao động địa phương... Các công ty đánh giá cao việc phát triển các tour du lịch khám phá, trải nghiệm và nghỉ dưỡng. Tuy nhiên cần đầu tư cơ sở hạ tầng, các dịch vụ du lịch phong phú để thu hút khách ngày càng đông trong tương lai.

5.3. Từ nội tại Công ty

Các cán bộ của công ty chủ yếu được đào tạo về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Do vậy các kiến thức về rừng, kỹ năng đi rừng rất tốt. Tuy nhiên các kiến thức về du lịch lại bị hạn chế. Vì vậy cần được đào tạo thêm về du lịch.

Cơ sở hạ tầng của công ty: Có đường sá thuận lợi cho phát triển du lịch kết nối với các khu khác ở Miền Đông Nam bộ và Tây Nguyên. Ngoài ra các đường mòn dẫn vào các tuyến điểm hầu như đã có. Tuy nhiên, về chỗ ăn nghỉ, cắm trại, dịch vụ cho du khách cần phải đầu tư thêm.

5.4. Từ các yếu tố khác

- Thuận lợi:

+ Gần Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, do vậy công tác quảng bá, xúc tiến, liên doanh, liên kết rất thuận lợi.

+ Có cảnh quan đa dạng, đặc trưng từ đồi thông, trảng cỏ đến rừng thường xanh, rừng lá... Ngoài ra nơi đây còn có khí hậu, thời tiết trong lành, mát mẻ hầu hết trong năm, thác, suối đẹp.

- Khó khăn

+ Công ty mới phát triển du lịch, do vậy trình độ của cán bộ phụ trách du lịch còn hạn chế.

+ Chịu sự cạnh tranh khốc liệt về du khách từ Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

+ Ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu đặc biệt là giai đoạn mùa mưa

CHƯƠNG III NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ HIỆN TRẠNG RỪNG, KHẢ NĂNG TỔ CHỨC VÀ CÁC LOẠI SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ

1. Hiện trạng rừng và đa dạng sinh học

1.1. Hiện trạng rừng

Tổng diện tích tự nhiên do Công ty quản lý: **27.086,29** ha được thể hiện chi tiết trong bảng 01 dưới đây.

Bảng 01: Hiện trạng rừng, đất rừng của Công ty TNHH MTV LN Nam Tây Nguyên

Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Đơn vị tính	Tổng diện Tích	Trong Quy hoạch 3 loại rừng	Ngoài Quy hoạch
I	<u>Tổng diện tích đất quản lý</u>	ha	27.086,29		
1	Diện tích đất có rừng	ha	23.347,03	23.347,03	
1,1	Rừng tự nhiên	ha	22.246,45	22.246,45	
1,2	Rừng trồng	ha	1.100,58	1.100,58	
1.2.1	Rừng trồng Thông, keo, cao su	ha	235,61	235,61	
1.2.1.1	Liên kết trồng rừng	ha	433,00	433,00	
1.2.1.2	Giao khoán rừng trồng	ha	275,61	275,61	
1.2.1.3	Diện tích người dân chiếm trồng Điều và các cây lâm nghiệp	ha	156,36	156,36	
2	Đất Không có rừng (Đã bị người dân chiếm dụng)		3.574,35	3.146,39	427,96
3	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	164,91	164,91	

(Số liệu quy hoạch sử dụng đất của Công ty và bản đồ công bố diễn biến năm 2024)

Phần lớn diện tích của Công ty quản lý là rừng tự nhiên kiểu lá rộng thường xanh, trong thời gian tới, diện tích này vẫn được đơn vị quản lý, bảo vệ giữ nguyên hiện trạng do hiện nay nhà nước chưa có chủ trương cho khai thác gỗ ở

những diện tích rừng tự nhiên này.

a) Rừng tự nhiên

Rừng gỗ lá rộng thường xanh

Rừng giàu (TXG) có diện tích 500,26 ha, tổng trữ lượng là 127.566,26 m³, trữ lượng trung bình 255,0 m³/ha. Phân bố chủ yếu tại một số tiểu khu (1465, 1466, 1469, 1475, 1476, 1477, 1478, 1481, 1482, 1487, 1496, 1497, 1500, 1501, 1506, 1510, 1511, 1512, 1495, 1520...). Đây là những diện tích rừng có trữ lượng lớn, tiềm năng đa dạng sinh học cao, thành phần loài phong phú với nhiều loài cây có giá trị kinh tế cao như: Giổi, Chay, Còng chim, Trâm, Trám, Chò, Bạch tùng, sao đen, Dầu, Bằng Lăng, Kim giao... trong những năm tới cần bảo vệ và nuôi dưỡng rừng để đảm bảo mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao giá trị của dịch vụ môi trường rừng và sẵn sàng cho khai thác nếu nhà nước có chủ trương trong.

Rừng trung bình (TXB) có diện tích lớn nhất trong tất cả các loại rừng của Công ty quản lý với diện tích 17.345,83 ha, trữ lượng trung bình 148,0 m³/ha, tổng trữ lượng là 2.567.183 m³. Trạng thái rừng trung bình phân bố chủ yếu tại một số tiểu khu (1459, 1465, 1466, 1467, 1469, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1481, 1482, 1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1495, 1496, 1497, 1500, 1501, 1504, 1505, 1506, 1510, 1511, 1512, 1520, 1522...). Đây là diện tích rừng đã bị tác động ở mức độ thấp, không đáng kể. Điều này cho thấy những diện tích rừng này nếu được quản lý bảo vệ tốt sẽ sớm phát triển thành những diện tích rừng có trữ lượng cao, tăng giá trị diện tích cung ứng môi trường rừng và nâng cao giá trị đa dạng sinh học. Những diện tích rừng này sẽ là những diện tích rừng tiềm năng đưa vào khai thác trong thời gian tới nếu nhà nước có chủ trương.

Rừng nghèo (TXN), có diện tích là 3.559,18 ha, tổng trữ lượng 224.253,04 m³. Đây là những diện tích rừng đã qua khai thác nhiều lần trước đây. Diện tích này thường phân bố ở sườn, đỉnh đồi bát úp, ven khe suối, nơi gần đường giao thông và cũng phân bố hầu hết trên các tiểu khu rừng tự nhiên, chủ yếu tại các tiểu khu: 1459, 1465, 1466, 1467, 1469, 1474, 1484, 1475, 1476, 1477, 1478, 141, 1482-1488, 1496, 1500, 1501, 1504, 1506, 1510, 1511, 1512 và 1520), trữ lượng rừng bình quân 88 m³/ha. Đây là đối tượng cần phải bảo vệ, nuôi dưỡng tạo cho rừng phục hồi phát triển tốt thành rừng trung bình theo quy luật để nối tiếp nâng cao giá trị sử dụng rừng trong luân kỳ sau.

Rừng nghèo kiệt (TXK), có diện tích là 363,18 ha, tổng trữ lượng 12.871,72 m³. Đây là những diện tích rừng đã qua khai thác nhiều lần trước đây. Diện tích này phân bố hầu hết trên các tiểu khu rừng tự nhiên, chủ yếu tại các tiểu khu: 1459, 1465, 1466, 1467, 1469, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1482, 1481, 1484, 1488, 1496, 1500, 1501, 1504, 1506, 1510, 1511, 1512 và 1520), trữ lượng rừng bình quân 46 m³/ha. Đây là đối tượng cần phải bảo vệ, nuôi dưỡng tạo cho rừng phục hồi phát triển tốt thành rừng nghèo, rừng trung bình theo quy luật để nối tiếp nâng cao giá trị sử dụng rừng trong luân kỳ sau.

Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa

Rừng hỗn giao gỗ + tre nứa, lồ ô (HG1): Chiếm diện tích 108,2 ha, Đây là loại rừng thứ sinh sau khai thác kiệt, loại rừng này phân bố ở vùng núi thấp tại các tiểu khu (Tổng 11 tiểu khu: 1474, 1475, 1476, 1484, 1488, 1498, 1500, 1504, 1506, 1510, 1520). Tổng trữ lượng 36.359,31 m³, bình quân 54,5m³/ha và vào khoảng 4.193.299 cây lồ ô, le, nứa. Tuy nhiên, diện tích có lồ ô trong lâm phần Công ty quản lý khoảng 9.000 ha đã được phê duyệt theo phương án quản lý rừng bền vững (Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/8/2022)

Rừng thuần loài lồ ô:

Rừng tre lồ ô nguyên sinh: Đó là các quần thể rừng tự nhiên ổn định ưu thế tuyệt đối bởi các loài tre, lồ ô (*Bambusa procea*), có diện tích 369,8 ha; phân bố chủ yếu tại các tiểu khu (1459, 1465, 1466, 1469, 1474 – 1476, 1484, 1485, 1487, 1498, 1500, 1504, 1505, 1510, 1511, 1520) Theo thống kê trong rừng tre, nứa (lồ ô) có khoảng trên 4.057.769 cây lồ ô, đây cũng là loại rừng thứ sinh sau khai thác kiệt hoặc phục hồi sau nương rẫy bỏ hoang. Loại rừng này phân bố ở vùng thấp, vùng hay làm nương rẫy trước đây.

b) Rừng trồng

- Rừng trồng của Công ty hiện có là 1.100,58 ha rừng trồng gồm rừng trồng Thông, Keo các loại, Cao su và rừng trồng khác là là những rừng trồng Điều, diện tích trồng rừng chưa thành rừng

- Đối với rừng trồng thông đây là những lâm phần thông đã thành thực, đều trên 17 tuổi, là khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp phù hợp để khai thác du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí .

- Đối với rừng trồng keo phần lớn là keo trồng từ năm 2015 và 2016 cây sinh trưởng và phát triển bình thường, trữ lượng bình quân đạt khoảng 70 m³/ha, tổng trữ lượng là 1.579 m³.

- Đối với rừng trồng Cao su và rừng trồng Điều không phục vụ mục đích tính toán trữ lượng.

c) Đất không có rừng

Tổng diện tích đất không có rừng đã bị người dân lấn chiếm từ lâu và trồng các loài cây công nghiệp, nông nghiệp là 3.574,35ha, diện tích này Công ty đang tuyên truyền vận động người dân tham gia liên kết, giao khoán với Công ty để phát triển rừng.

Diện tích sông suối là 164,91 ha.

d) Hiện trạng phân bố các loài lâm sản ngoài gỗ

Rừng của lâm phần nghiên cứu chủ yếu có 3 dạng lâm sản ngoài gỗ chính hiện có khả năng đưa vào khai thác như sau:

Theo số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu do trường Đại học Lâm Nghiệp điều tra năm 2020 cho thấy:

- Cây thuốc: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nam Tây nguyên về tài nguyên cây thuốc hiện có 530 loài, 348 chi, 127 họ, 6 ngành (Nấm, Thông đất, Cỏ tháp bút, Dương xỉ, Thông, Ngọc Lan). Các loài này được bắt gặp trên tổng số 11 loại sinh cảnh hiện có từ đất trống đến rừng trồng, đến các trạng thái rừng tự nhiên, trong đó rừng hỗn giao gỗ tre nứa có số lượng loài bắt gặp là cao nhất (39 loài) và đất trống có số lượng loài thấp nhất (6 loài). Căn cứ danh sách những cây được liệt kê quý hiếm trong sách đỏ Việt Nam và nghị định số 06/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính Phủ quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, cho thấy trên diện tích của Công ty đã tìm ra được 20 cây được liệt kê quý hiếm

Trong tổng số 530 loài được liệt kê, dựa vào các tiêu chí như đặc điểm sinh thái, sinh trưởng, giá trị sử dụng, hiện đang khai thác và khả năng gây trồng, cho thấy có 34 loài có tiềm năng phát triển. Căn cứ vào những loài được liệt kê có tiềm năng phát triển đã chọn ra được 12 loài được liệt kê có triển vọng kinh doanh. Nhân trần, An xoa, Chuối rừng là những loài phân bố phổ biến, thường gặp, dễ thu hái, dễ sơ chế và bảo quản. Hiện những loài này đang được thu hái, khai thác từ tự nhiên với số lượng lớn, sử dụng rộng rãi để chế nước uống, có nhiều công dụng và dễ trồng, các sản phẩm dễ tiêu thụ. Các loài như Đẳng sâm, Bò bèo đen, Sâm xuyên đá, Na rừng, Cao cẳng, Gấm mức độ gặp ít, phân bố phân tán. Đây là những loài có giá trị kinh tế và giá trị sử dụng cao. Cần ưu tiên khoanh nuôi, bảo vệ kết hợp trồng mới để tạo nguồn dược liệu chế biến thực phẩm chức năng có giá trị. Các loài như Gừng đen, Ngải cau khu phân bố hẹp, ít gặp nhưng cần quan tâm phát triển vì có giá trị sử dụng cao, cần được quan tâm nghiên cứu để vừa kết hợp tận thu khai thác từ tự nhiên kết hợp với gây trồng tập trung.

- Tre nứa: Tổng diện tích rừng hỗn giao tre nứa, gỗ của Công ty hiện có là 605,19ha đây là những diện tích có thể khai thác tre nứa phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty.

- Lô ô: Rừng của Công ty có khoảng 456,77 ha rừng lô ô thuần loài phân bố trên 17 tiểu khu với trữ lượng ước tính vào khoảng 3.800.000 cây; khoảng 14.000ha rừng hỗn giao lô ô, tre, nứa xen gỗ và rừng hỗn giao gỗ + tre nứa, lô ô phân bố trên 18 tiểu khu với trữ lượng ước tính vào khoảng 80.000.000 cây. Hiện tại Công ty đã xây dựng xong nhà máy chế biến tằm, nhang và đưa vào sản xuất từ năm 2018, hàng năm đã tiến hành khai thác chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của xí nghiệp. Trong thời gian tới khi Công ty, liên kết với các doanh nghiệp bên ngoài, xây dựng nhà máy tre ép mở rộng thị trường tiêu thụ loại sản phẩm này thì đây chính là một trong những sản phẩm lâm sản ngoài gỗ tiềm năng tạo thêm thu nhập cho Công ty, nâng cao đời sống của một bộ phận người lao động thêm vào đó tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

Ngoài ra Công ty còn có các loại lâm sản ngoài gỗ người dân vẫn thu hoạch nhưng không nhiều, không mang tính chất hàng hóa đó là các loại rau rừng, măng rừng, quả rừng, mật ong. Thông của Công ty đã từng thu hoạch nhựa nhưng sản

lượng kém không đáng kể. Trong thời gian tới những loại lâm sản ngoài gỗ này sẽ được quản lý bảo vệ nhằm hạn chế tác động xấu khi người dân vào thu hái trong rừng, Công ty không có hướng khai thác và phát triển những sản phẩm này.

Nhận xét từ thực trạng:

Tổng diện tích rừng tự nhiên của Công ty rất lớn trải dài trên địa giới hành chính của 3 xã là xã Quảng Trục, xã Đắc Ngo và xã Quảng tâm, địa hình phức tạp, đi lại khó khăn thêm vào đó lực lượng QLBR mỏng nên việc quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật như khai thác gỗ và lâm sản, xâm lấn rừng là hết sức khó khăn. Nếu Công ty làm tốt công tác bảo vệ rừng, trong thời gian tới không chỉ hoàn thành mục tiêu phát triển rừng mà trữ lượng rừng cũng cải thiện song song với nó chính là bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là các loài động, thực vật quý hiếm trên lâm phần Công ty quản lý từ đó nâng giúp một phần nâng cao sản phẩm dùng để phát triển thêm mảng DLST tại đây.

Do điều kiện dân trí và đặc điểm các dân tộc bản địa khu vực, đây chính là một trong những điểm nóng về tình hình xâm hại rừng lấy đất canh tác nông nghiệp (cụ thể là trồng một số cây công nghiệp cho giá trị kinh tế cao), trong thời gian tới nếu Công ty không giải quyết được những vấn đề tồn đọng trước đây, dung hòa được lợi ích kinh tế của các cộng đồng dân tộc tại chỗ thì việc quản lý bảo vệ rừng là hết sức khó khăn vì vậy khi quy hoạch phát triển DLST thì dự án nên đặc biệt chú trọng và đẩy mạnh hình thức DLST dựa vào cộng đồng và sinh kế cộng đồng dân cư sống vùng ven để phục vụ cho DLST.

Trong giai đoạn hiện tại Công ty rất hạn chế các hình thức khai thác lâm sản trong rừng tự nhiên vì một khi những diện tích này quản lý không tốt sẽ dẫn đến việc chặt phá rừng bừa bãi không kiểm soát được. Công ty sẽ cân nhắc kỹ giữa các lợi ích kinh tế, hiệu quả của các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động vào rừng trước khi đưa ra phương án khai thác cũng như tác động vào rừng. Từ đó thay vì cân nhắc các biện pháp tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư sống vùng ven về sinh kế nên định hướng cho sinh kế vào DLST để giúp hoàn thiện hơn trong công tác quản lý và phát triển kinh tế địa phương, sinh kế người dân ổn định.

1.2. Đa dạng sinh học

Lâm phần thuộc vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên và đồng bằng, đồng thời là nơi hội tụ của các luồng di cư thực vật từ phía Tây Bắc xuống và từ phía Đông Nam lên. Do vậy, lâm phần có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, cảnh quan đẹp. Với sự đa dạng của nguồn gen quý hiếm, và các hệ sinh thái rừng nguyên sinh độc đáo tạo cho nơi đây trở thành điểm du lịch sinh thái lý tưởng cho du khách.

Hàng năm, công tác điều tra giám sát đa dạng sinh học đã cập nhật các thông tin ngày càng đầy đủ hơn về động vật và thực vật của lâm phần thuộc quản lý của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên.

Đa dạng thực vật rừng

Căn cứ vào kết quả điều tra của nhóm chuyên gia thực hiện phương án

quản lý rừng bền vững cho Công ty năm 2020 và cập nhật đến năm 2024, khu hệ thực vật của Công ty được xác định là hệ có tính đa dạng sinh học cao cụ thể như sau:

Hệ thực vật khu vực do Công ty quản lý đã xác định được 4 ngành với tổng số 792 loài thuộc 419 chi và 146 họ. Trong đó, ngành Ngọc Lan (MAGNOLIOPHYTA) chiếm ưu thế với 737 loài thuộc 386 chi và 122 họ; tiếp đến ngành Dương xỉ (POLYPODIOPHYTA) với 46 loài, 26 chi, 18 họ và ngành Thông (PINOPHYTA) với 5 loài, 4 chi, 4 họ và cuối cùng là ngành Thạch tùng (LYCOPODIOPHYTA) với 4 loài, 3 chi, 2 họ. Khu hệ thực vật tại đây được đánh giá là đa dạng về các taxon bậc ngành, lớp, họ, chi. Trong ngành Ngọc Lan (MAGNOLIOPHYTA) thì lớp Ngọc Lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế. Tỷ trọng giữa lớp Ngọc lan và lớp Loa kèn (Liliopsida) lần lượt là 6,18 đối với số loài; 4,36 đối với số chi và 4,05 đối với số họ.

Đối với hình thức đa dạng taxon bậc dưới ngành cho thấy mười họ đa dạng nhất của hệ thực vật Khu vực nghiên cứu chiếm tỷ lệ 34,72% tổng số loài của toàn khu vực, bao gồm: Họ Lan (Orchidaceae); họ Cúc (Compositae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Cỏ (Poaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Vang (Caesalpiniaceae) và họ Tách (Verbenaceae). Mười chi đa dạng nhất chiếm 2,39% tổng số chi và 11,36% tổng số loài (90 loài) của cả khu vực. Trong đó chi đa dạng nhất là Ficus với 21 loài, tiếp theo là các chi Syzygium, Bulbophyllum, Dendrobium, Zingiber, Cinnamomum, Rubus có từ 7-11 loài; các chi còn lại Crotalaria, Diospyros, Elaeocarpus đều có 6 loài.

Về ý nghĩa bảo tồn của hệ thực vật rừng tự nhiên Công ty TNHH Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên cho thấy khu hệ thực vật khu vực nghiên cứu được đánh giá là đa dạng về giá trị tài nguyên thực vật rừng, có thể được sử dụng vào 15 nhóm công dụng khác nhau đó là Nhóm cây cho gỗ (LGO), nhóm cây làm thuốc (THU), nhóm cây được dùng làm cảnh và cây bóng mát (CAN), nhóm cây cho rau ăn (AND), nhóm cây cho quả ăn được (ANQ), nhóm cây cho nhựa (CNH), nhóm cây cho tinh dầu (CTD), nhóm cây cho sợi (SOI), nhóm cây cho tơ nanh (TAN), nhóm cây ăn được (AND) cho tinh bột và làm thực phẩm (TB-TP), nhóm cây cho màu nhuộm (NHU), nhóm cây cho dầu béo (CDB), nhóm cây cho nguyên liệu đan lát (DTC) và lợp nhà (XAY), nhóm cây ăn được (AND) làm đồ uống và gia vị (Nu-Gv), và nhóm cây có chất độc (DOC).

Đa dạng động vật rừng

Căn cứ vào kết quả điều tra của nhóm chuyên gia thực hiện phương án quản lý rừng bền vững cho Công ty năm 2020 và cập nhật kết quả đến năm 2024 cho kết quả như sau:

➤ Động vật rừng

Trên địa bàn Công ty quản lý đã ghi nhận được 48 loài thú thuộc 23 họ và 9 bộ. Trong đó; có 21 loài thuộc diện nguy cấp, quý, hiếm là: Cây bay, Cu li

nhỏ, Khi cộc, Khi đuôi dài, Khi đuôi lợn, Chà vá chân đen, Beo lửa, Mèo rừng, Gấu chó, Cây giông, Cây hương, Cây vôi đóm, Cây vôi mốc, Cây mốc cua, Cây lòn tranh, Rái cá vuốt bé, Rái cá thường, Bò tót, Trút, Sóc đen và Sóc bay trâu.

Về đa dạng chim, trên địa bàn Công ty đã ghi nhận được 121 loài chim thuộc 45 họ và 14 bộ. Trong đó; có 21 loài thuộc diện nguy cấp, quý, hiếm là: Gà so cổ hung, Gà so ngực vàng, Gà lôi hồng tía, Gà lôi trắng, Gà tiền mặt đỏ, Cắt lưng hung, Cắt nhỏ họng trắng, Cắt nhỏ bụng trắng, Điều lửa, Điều hoa miến điện, Điều núi, Cú lợn lưng xám, Cú mèo khoang cổ, Cú vọ, Hồng hoàng, Cao cát bụng trắng, Vẹt ngực đỏ, Đuôi cụt bụng vàng, Khướu đầu trắng, Khướu khoang cổ và Yểng.

Đối với các loài bò sát đã ghi nhận được 25 loài bò sát thuộc 10 họ, 1 bộ và 10 loài ếch nhái thuộc 4 họ, 1 bộ. Trong đó; có 12 loài thuộc diện nguy cấp, quý, hiếm là: Tắc kè, Rồng đất, Kỳ đà vân, Kỳ đà hoa, Trăn đất, Trăn gấm, Rắn sọc dưa, Rắn ráo thường, Rắn ráo trâu, Rắn cạp nong, Rắn hổ mang xiêm và Rắn hổ mang chúa.

Công tác quản lý bảo vệ hệ động vật hoang dã đã xác định được 6 mối đe dọa đến đa dạng sinh học động vật hoang dã tại rừng Công ty Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên đó là: Săn bắt động vật hoang dã; cháy rừng, xây dựng đường giao thông đi qua khu rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản quá mức; chăn thả gia súc- gia cầm tự do. Trong đó; lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản quá mức, và săn bắt động vật hoang dã là ba mối đe dọa nghiêm trọng hơn cả. Ngoài ra, đã sơ bộ xác định các điểm nóng trong bảo tồn đa dạng sinh học tại rừng Công ty Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên.

➤ Côn trùng rừng

Từ kết quả điều tra thực địa kết hợp với tham khảo các tài liệu điều tra trước đây, phỏng vấn người dân địa phương, kết quả cho thấy tổng số gồm 184 loài côn trùng thuộc 135 giống, 59 họ của 11 bộ tại khu vực trên địa bàn do Công ty Lâm Nghiệp Nam Tây Nguyên quản lý. Tại khu vực của Công ty chỉ có 1 họ có số lượng loài ở mức đa dạng cao (>15 loài) thuộc họ Nymphalidae bộ Lepidoptera có 32 loài, mức đa dạng khá có 2 họ Papilionidae và họ Pieridae thuộc bộ cánh vẩy Lepidoptera đều có 13 loài, họ Scarabaeidae bộ Coleoptera có 12 loài. Số họ có số lượng loài ở mức trung bình có 6 họ. Phần lớn các họ nghèo về thành phần loài: có 49 họ có số lượng loài ở mức thấp (< 5 loài).

Đối với sinh cảnh rừng gỗ lá rộng thường xanh giàu có số lượng loài lớn nhất với 125 loài, 50 họ chiếm tỷ lệ 67,93% tổng số loài côn trùng thu được tại khu vực nghiên cứu, tiếp theo là sinh cảnh rừng gỗ lá rộng thường xanh trung bình có 97 loài, 40 họ chiếm 52,72%, sinh cảnh rừng trồng thông, keo có 89 loài, 40 họ chiếm 48,37%, sinh cảnh Rừng thứ sinh phục hồi có 87 loài, 40 họ chiếm 47,28%, sinh cảnh rừng gỗ lá rộng thường xanh nghèo kiệt có 86 loài, 40 họ chiếm 46,74%, sinh cảnh rừng hỗn giao gỗ, tre nứa có 84 loài, 40 họ chiếm 45,65%, sinh cảnh nương rẫy, khu dân cư có 70 loài, 40 họ chiếm 38,04%, sinh cảnh rừng lô ô có 67 loài, 34 họ chiếm 36,41%, thấp nhất là sinh cảnh đất không

có rừng, cây bụi có 60 loài, 30 họ chiếm 32,61% tổng số loài côn trùng. Các loài côn trùng thuộc họ Bướm cải Pieridae, bướm đóm Danaidae thường gặp nhiều ở sinh cảnh ruộng nương, khu dân cư và hệ sinh thái không có rừng cây bụi, những khoảng trống trong rừng. Tại khu vực đi từ trạm QL BVR số 1 đi số 2, số 2 đi dốc Mây, từ Công ty đi trạm bảo vệ rừng số 5, số 6 vào những lúc nắng nóng bắt gặp nhiều đàn bướm tập trung ở các bãi đất ẩm, các khoảng trống.

Các loài côn trùng thuộc họ Bướm rừng (Amathusiidae) thường gặp chủ yếu trong những nơi cây cối rậm rạp: Loài *Thaumantis diores* và loài *Faunis aérope* thường tập trung nhiều ở những khu rừng rậm có nhiều cây gỗ lớn, thường đậu trên các tảng đá nhô lên trong rừng, đôi khi còn bắt gặp chúng ở hệ sinh thái có cây cao và rậm rạp, thậm chí còn gặp cả trong những khu rừng rậm có tre nứa.

Sinh cảnh ruộng nương, khu dân cư có khu hệ côn trùng hỗn giao giữa đồng cỏ và nương rẫy, có các loài côn trùng đặc trưng cho sinh cảnh này: Các loài chuồn chuồn Orthetrum sabina, Neurothemis tulia (Libellulidae); các loài Bọ xít: Acanthaspis cincticus (Reduviidae), Spilostethus hospes (Lygaeidae); các loài Bọ rùa: Brumoides lineatus, Coccinella quinquepunctata (Coccinellidae); Các loài bướm thuộc họ Bướm đóm (Danaidae): Danaus genutia, Euploea core, Euploea mulciber.

Sinh cảnh rừng thứ sinh phục hồi do chăm sóc, trồng, bảo vệ của con người thường gặp các loài: Ve sầu Cryptotympana holsti (Cicadidae), các loài Apriona sp. (Cerambycidae), Coccinella septempunctata (Coccinellidae), các loài thuộc chi Anomala spp, Holotrichia spp, chi Mimela spp (Scarabaeidae).

Các loài côn trùng đặc trưng cho sinh cảnh khu dân cư, nương rẫy gồm phần lớn các loài gây hại cho thực vật, chúng bao gồm các loài cào cào, châu chấu (Acrididae), các loài bọ rùa họ Coccinellidae, các loài bọ xít thuộc Họ Bọ xít mép (Coreidae), họ Bọ xít dài (Lygaeidae), họ Bọ xít vải (Pentatomidae). Một số loài như: Aspidimorpha spp., Aulacophora spp., Aplosonyx spp., Lilioceris spp. thuộc họ Ánh kim (Chrysomelidae) cũng thỉnh thoảng bắt gặp ở kiểu rừng này. Các loài dế thuộc họ Dế mèn (Gryllidae) (Brachytrupes portentosus, Gryllus testaceus), và họ Dế dũi (Gryllotalpidae) (Gryllotalpa orientalis), hầu như chỉ thấy xuất hiện ở khu vực này. Song song tồn tại cùng với những loài côn trùng gây hại trên thì ở đây là nơi trú ngụ của rất nhiều loài côn trùng ký sinh ăn thịt, trong đó đáng chú ý là các loài thuộc họ Bọ ngựa (Mantidea) (Statilia maculata, Mantis religiosa), các loài thuộc họ Hồ trùng Cicindelidae (Cicindela aurulenta, Cicindela specularis, các loài bọ rùa: Brumoides lineatus, Coccinella quinquepunctata, Rodolia pumila (họ Coccinellidae), loài Bọ xít ăn sâu Acanthaspis cincticus (Reduviidae), các loài thuộc họ Ong cự Ichneumonidae (Acropimpla leucostoma, Enicospilus nigronotatus) họ Ong vàng Vespidae (Vespa sp.), Họ Ruồi ký sinh Tachinidae (Exorista sp.)..., họ Muỗi Culicidae (Culex sp.) cũng thường hay bắt gặp ở khu vực này. Đặc biệt khu dân cư, cây trồng nông nghiệp là nơi chôn thả rông của

nhiều loài gia súc nên xuất hiện các loài côn trùng phân huỷ chất thải động vật gồm: *Onthophagus funebris*, *Holotrichia sauteri*, *Meladera* spp thuộc họ Scarabaeidae. Do đặc điểm khu dân cư, cây trồng nông nghiệp có nhiều loài cây ăn quả có hoa nên đã thu hút được nhiều loài ong, bướm đến hút mật, tiêu biểu là các loài ong thuộc họ Ong mật (Apidae) (*Apis cerana*, *Apis dorsata*, *Apis florea*), các loài bướm thuộc họ Bướm cải (Pieridae), Bướm đóm (Danaidae). Các loài kiến (Formicidae), gặp ở tất cả các sinh cảnh: Từ Rừng gỗ lá rộng thường xanh giàu đến ruộng nương, đất không có rừng.

➤ Công tác cứu hộ, phát triển sinh vật

Động thực vật hoang dã trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng và đặc biệt là khu vực hệ sinh thái rừng thuộc khu vực Công ty quản lý có nhiều loài đã và đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Thực tế từ công tác quản lý trên địa bàn cho thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên như: môi trường bị tác động, nạn săn bắt và khai thác trái phép, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản quá mức, chèn lấn gia súc- gia cầm tự do... Vì vậy việc cứu hộ, bảo tồn và phát triển các loài sinh vật là việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa sống còn trong công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học.

Rừng tự nhiên thuộc khu vực Công ty quản lý là cánh rừng thứ sinh lớn nhất, nhì của tỉnh Đắk Nông, tiếp giáp với Vườn Quốc gia Bù Gia Mập. Đây là lá phổi xanh của cả khu vực Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, là nguồn cung cấp nước cho nhiều nhà máy thủy điện như Thác Mơ, Đồng Nai... Đa dạng sinh học ở Công ty Nam Tây nguyên được đánh giá rất cao và có nhiều điểm tương đồng với Vườn Quốc gia Bù Gia Mập. Đây còn là nơi cư trú của các loài động vật hoang dã, trong đó có nhiều loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam như Gấu chó, Báo gấm, Sói lửa, Bò tót, Bò rừng, Gà tiền mặt đỏ, Gấu ngựa, Chà và chân đen... Thời gian qua, mặc dù việc vào rừng săn bắt và khai thác gỗ đã bị cấm hoàn toàn, song nhiều người dân ở xung quanh và các nơi khác vẫn tìm mọi cách xâm nhập để săn bắt các loài động vật, khai thác các loài hoa lan. Hàng năm, các trạm QLBR và lực lượng chức năng đã thu giữ được số lượng lớn động vật hoang dã bị bẫy bắt. Nhiều cá thể động vật bị thương, không thể sinh tồn trong điều kiện tự nhiên. Có những con thú bị bắt và nuôi nhốt từ nhỏ nên mất hoàn toàn bản năng hoang dã. Chúng bị tước đi cuộc sống tự do, bị nuôi nhốt trong chuồng chật chội và hoàn toàn không tự kiếm ăn được trong môi trường tự nhiên.

Do tính chất đặc thù của Công ty là đơn vị sản xuất kinh doanh về lĩnh vực lâm nghiệp, trước tình hình đó, Lãnh đạo Công ty đã xác định các biện pháp quản lý ngăn chặn là ưu tiên hàng đầu và là số một, trường hợp thu giữ được các động vật hoang dã, công tác cứu hộ các loài động vật hoang dã thu giữ được có thể sẽ gửi sang các đơn vị lân cận có điều kiện sinh thái tương đồng như Vườn quốc gia Bù Gia Mập, nơi có sẵn các diện tích chuồng trại và đảm bảo đủ năng lực.

- Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

những loài đặc hữu

Khu hệ thực vật của Công ty đã ghi nhận có phân bố của 138 loài thực vật quý hiếm. Trong đó có 22 loài thực vật được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam, 75 loài được xếp trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP và 57 loài được xếp trong Danh lục đỏ thế giới IUCN 2020 (Ver.2019-3) có 1 loài đang nguy cấp (EN) là Cà te (*Afzelia xylocarpa*), 1 loài sẽ nguy cấp (VU) là Đỏ ngọn (*Cratoxylum pruniflorum*), còn lại hầu hết các loài thuộc phân hạng không đáng lo ngại (LC) cần được ưu tiên bảo tồn và phát triển. Các loài cây này chủ yếu phân bố ở các tiểu khu như 1465, 1469, 1477, 1478, 1475, 1482, 1483, 1484 và 1498.

Khu hệ động vật của Công ty qua điều tra, đánh giá về đa dạng sinh học các loài động vật rừng thuộc địa bàn Công ty quản lý cho thấy hiện trạng quần thể của 54 loài động vật nguy cấp, quý, hiếm (gồm 21 loài thú, 21 loài chim và 12 loài bò sát). Các loài này phân bố ở các khu vực sau: Khu vực 1 (gồm các tiểu khu 1469, 1482 và 1485) chắc chắn có mặt của 10 loài quý hiếm là: Khỉ cộc, Sóc đen, Cắt lưng hung, Cú mèo khoang cổ, Cú vọ, Đuôi cụt bụng vàng, Khướu đầu trắng, Rắn sọc dưa, Rắn ráo thường và Rắn ráo trâu. Khu vực 2 (gồm các tiểu khu 1465, 1466, 1477, 1478 và khoảnh 1,2,3,4 của tiểu khu 1486) chắc chắn có mặt của 9 loài quý hiếm là: Cu li nhỏ, Khỉ cộc, Cầy giông, Cầy móc cua, Cắt lưng hung, Diều núi, Cú mèo khoang cổ, Khướu đầu trắng và Rồng đất. Khu vực 3 (gồm các tiểu khu 1476, 1483, khoảnh 1,2,3 của tiểu khu 1496, khoảnh 1,2 của tiểu khu 1497) chắc chắn có mặt của 4 loài quý hiếm là: Khỉ cộc, Mèo rừng, Cầy vòi móc và trăn gấm. Khu vực 4 (gồm các tiểu khu 1467, 1474, 1484, 1475) chắc chắn có mặt của 3 loài quý hiếm là Khỉ đuôi dài, Diều hoa miền điện và Yểng. Khu vực 5 (gồm các tiểu khu 1487, 1498, 1511, 1505) chắc chắn có mặt của 1 loài quý hiếm là: Cao cát bụng trắng. Khu vực 6 (gồm tiểu khu 1510, khoảnh 3,4,5,6 của tiểu khu 1497, khoảnh 4 của tiểu khu 1496) chắc chắn có mặt của 1 loài quý hiếm là: Khướu đầu trắng. Khu vực 7 (gồm các tiểu khu 1520, 1500, 1504 và khoảnh 5,6 của tiểu khu 1486) chắc chắn có mặt của 2 loài quý hiếm là: Rái cá vuốt bé và Khướu đầu trắng (chi tiết xem mẫu số 09a – phần PL).

Về côn trùng, tập hợp các mẫu vật thu được cũng như quan sát trên các điểm điều tra, trong 184 loài côn trùng đã điều tra, phát hiện tại khu vực Nam Tây Nguyên, có 1 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2007 và trong phụ lục IIB của Nghị Định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/03/2006 của Chính phủ trong phụ lục IIB của Nghị định 06. Đây là loài Bướm phượng cánh chim, loài bướm này có đặc điểm di chuyển nhanh và tương đối cao. Loài Bướm phượng cánh chim (*Troides* sp.) được bắt gặp tại khu vực gần trạm bảo vệ rừng số 2 gần khu tiếp giáp VQG Bù Gia Mập.

- Thuận lợi từ tiềm năng đa dạng sinh học tại đây:

Một trong những tiềm năng của Công ty cần khai thác và phát triển đó là dịch vụ về du lịch sinh thái. Trên diện tích rừng của Công ty quản lý phần lớn là rừng lá rộng thường xanh, nhiều khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao, là nơi cư

ngụ của các loài động thực vật quý hiếm có giá trị bảo tồn. Đây chính là một trong những dịch vụ môi trường rừng cần được phát huy và thu hút đầu tư đặc biệt là đối với các tổ chức Quốc tế. Sự kết hợp giữa các giá trị đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên đẹp của khu vực sẽ tạo nên các điểm đến hấp dẫn cho khách du lịch trong và ngoài nước. Đây thực sự là tiềm năng về dịch vụ môi trường rừng cần được khai thác về Bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho DLST.

Bảng 02: Bảng kiểm kê những loài động, thực vật quý hiếm

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:				
				IUCN	SDVN	CITES	ND06	ND160
1	<i>Galeopterus variegatus</i>	Cầy bay	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1520, 1500, 1504 và khoảng 5,6 của tiểu khu 1486			EN		Có
2	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	Cu li nhỏ	Nhiều khu vực trong Lâm trường	VU	I	VU	IB	Có
3	<i>Macaca arctoides</i>	Khỉ cộc	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1476, 1483 và khoảng 1,2,3 của tiểu khu 1496, khoảng 1,2 của tiểu khu 1497, khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486	VU	II	VU	IIB	
4	<i>Macaca fascicularis</i>	Khỉ đuôi dài	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		II	NT	IIB	
5	<i>Macaca leonina</i>	Khỉ đuôi lợn	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478 và khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486	VU	II	VU	IIB	
6	<i>Pygathrix nigripes</i>	Chà vá chân đen	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478 và khoảng 1,2,3,4 của	EN	I	EN	IB	Có

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:				
				IUCN	SĐVN	CITES	NĐ06	NĐ160
			tiểu khu 1486					
7	<i>Catopuma temminckii</i>	Beo lửa	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1476, 1483 và khoảng 1,2,3 của tiểu khu 1496, khoảng 1,2 của tiểu khu 1497, khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486	NT	I	EN	IB	Có
8	<i>Prionailurus bengalensis</i>	Mèo rừng	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		II		IIB	
9	<i>Helarctos malayanus</i>	Gấu chó	Các tiểu khu 1520, 1500, 1504 và khoảng 5,6 của tiểu khu 1486	VU	I	EN	IB	Có
10	<i>Viverra zibetha</i>	Cầy giông	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		II		IIB	
11	<i>Viverricula indica</i>	Cầy hương	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1520, 1500, 1504 và 1486		II		IIB	
12	<i>Paradoxurus hermaphrodis</i>	Cầy vòi đóm	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		II		IIB	
13	<i>Paguma larvata</i>	Cầy vòi mốc	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		II		IIB	
14	<i>Herpestes urva</i>	Cầy mốc cua	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		III Ấn Độ			
15	<i>Herpestes</i>	Cầy lón	Các tiểu khu 1465,		III Ấn			

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:				
				IUCN	SDVN	CITES	ND06	ND160
	<i>javanicus</i>	tranh	1466, 1477, 1478, 1476, 1483, 1467, 1474, 1484, 1475 và khoảnh 1,2,3,4 của tiểu khu 1486, khoảnh 1,2,3 của tiểu khu 1496, khoảnh 1,2 của tiểu khu 1497		Độ			
16	<i>Aonyx cinerea</i>	Rái cá vuốt bé	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485, 1476, 1483, 1520, 1500, 1504, khoảnh 1,2,3 của tiểu khu 1496, khoảnh 1,2 của tiểu khu 1497, và khoảnh 5,6 của tiểu khu 1486	VU	I	VU	IB	Có
17	<i>Lutra lutra</i>	Rái cá thường	Các tiểu khu 1520, 1500, 1504 và khoảnh 5,6 của tiểu khu 1486	NT	I	VU	IB	Có
18	<i>Bos frontalis</i>	Bò tót	Các tiểu khu 1469, 1482 và 1485	VU	I	EN	IB	Có
19	<i>Manis javanica</i>	Trút	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485, 1476, 1483, khoảnh 1,2,3 của tiểu khu 1496, khoảnh 1,2 của tiểu khu 1497	CR	I	EN	IB	Có
20	<i>Ratufa bicolor</i>	Sóc đen	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty	NT	II	VU	IIB	
21	<i>Petaurista philippensis</i>	Sóc bay trâu	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485; 1520, 1500, 1504 và khoảnh 5,6 của tiểu khu 1486		II	VU	IIB	

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:				
				IUCN	SĐVN	CITES	NĐ06	NĐ160
22	<i>Arborophila davidi</i>	Gà so cổ hung	Các tiểu khu 1520, 1500, 1504 và khoảng 5,6 của tiểu khu 1486	NT	I	EN	IB	Có
23	<i>Arborophila chloropus</i>	Gà so ngực vàng	Các tiểu khu: 1520, 1500, 1504 và khoảng 5,6 của tiểu khu 1486		II		IIB	
24	<i>Lophura diardi</i>	Gà lôi hông tía	Các tiểu khu: 1469, 1482 và 1485			VU		
25	<i>Lophura nycthemera</i>	Gà lôi trắng	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		I	NT	IB	
26	<i>Polyplectron germaini</i>	Gà tiền mặt đỏ	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485; 1520, 1500, 1504 và khoảng 5,6 của tiểu khu 1486	NT	I	VU	IB	Có
27	<i>Falco tinnunculus</i>	Cắt lưng hung	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1476, 1483, 1467, 1474, 1484, 1475 và khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486, khoảng 1,2,3 của tiểu khu 1496, khoảng 1,2 của tiểu khu 1497		II		IIB	
28	<i>Microhierax caerulescens</i>	Cắt nhỏ bụng trắng	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		II		IIB	
29	<i>Polihierax insignis</i>	Cắt nhỏ họng trắng	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty	NT	II		IIB	
30	<i>Haliastur</i>	Diều lửa	Nhiều khu vực trong lâm phận		II		IIB	

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:				
				IUCN	SDVN	CITES	ND06	ND160
	<i>indus</i>		Công ty					
31	<i>Spilornis cheela</i>	Diều hoa miến điện	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		II		IIB	
32	<i>Spizaetus nipalensis</i>	Diều núi	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478 và khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486		II		IIB	
33	<i>Tyto alba</i>	Cú lợn lưng xám	Các tiểu khu: 1510, 1520, 1500, 1504, khoảng 3,4,5,6 của tiểu khu 1497, khoảng 4 của tiểu khu 1496, khoảng 5,6 của tiểu khu 1486		II		IIB	
34	<i>Otus bakkamoena</i>	Cú mèo khoang cổ	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1487, 1498, 1511, 1505 và khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486		II		IIB	
35	<i>Glaucidium cuculoides</i>	Cú vọ	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1510, khoảng 3,4,5,6 của tiểu khu 1497, khoảng 4 của tiểu khu 1496 và khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486		II		IIB	
36	<i>Buceros bicornis</i>	Hồng hoàng	Các tiểu khu 1520, 1500, 1504 và khoảng 5,6 của tiểu khu 1486	VU	I	VU	IB	Có

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:				
				IUCN	SĐVN	CITES	NĐ06	NĐ160
37	<i>Anthracoceros malayanus</i>	Cao cát bụng trắng	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1487, 1498, 1511, 1505, 1510, 1520, 1500, 1504, 1486 và khoảng 3,4,5,6 của tiểu khu 1497, khoảng 4 của tiểu khu 1496.	VU	II		IIB	
38	<i>Psittacula alexandri</i>	Vẹt ngực đỏ	Nhiều khu vực trong lâm phần Công ty	NT	II		IIB	
39	<i>Pitta elliotii</i>	Đuôi cụt bụng vàng	Các tiểu khu 1469, 1482 và 1485		II		IIB	
40	<i>Garrulax leucolophus</i>	Khướu đầu trắng	Nhiều khu vực trong lâm phần Công ty		II		IIB	
41	<i>Garrulax monileger</i>	Khướu khoang cổ	Nhiều khu vực trong lâm phần Công ty		II		IIB	
42	<i>Gracula religiosa</i>	Yểng	Nhiều khu vực trong lâm phần Công ty		II		IIB	
43	<i>Gekko gekko</i>	Tắc kè	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1510, 1520, 1500, 1504, 1486 và khoảng 3,4,5,6 của tiểu khu 1497, khoảng 4 của tiểu khu 1496.			VU		
44	<i>Physignathus cocincinus</i>	Rồng đất	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478, 1520, 1500, 1504	VU		VU		

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:				
				IUCN	SDVN	CITES	ND06	ND160
			và 1486					
45	<i>Varanus nebulosus</i>	Kỳ đà vân	Các tiểu khu 1465, 1466, 1477, 1478 và khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486		I	EN	IB	
46	<i>Varanus salvator</i>	Kỳ đà hoa	Các tiểu khu 1469, 1482 và 1485		II	EN	IIB	
47	<i>Python molurus</i>	Trăn đất	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485, 1487, 1498, 1511 và 1505		II	CR	IIB	
48	<i>Python reticulatus</i>	Trăn gấm	Các tiểu khu 1476, 1483, 1520, 1500, 1504 và khoảng 1,2,3 của tiểu khu 1496, khoảng 1,2 của tiểu khu 1497, khoảng 5,6 của tiểu khu 1486		II	CR	IIB	
49	<i>Coelognathus radiatus</i>	Rắn sọc dưa	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty			VU		
50	<i>Ptyas korros</i>	Rắn ráo thường	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty			EN		
51	<i>Ptyas mucosa</i>	Rắn ráo trâu	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty		II	EN	IIB	
52	<i>Bungarus fasciatus</i>	Rắn cạp nong	Nhiều khu vực trong lâm phận Công ty			EN		
53	<i>Naja siamensis</i>	Hổ mang xiêm	Các tiểu khu: 1469, 1482, 1485, 1465, 1466, 1477, 1478 và khoảng 1,2,3,4 của tiểu khu 1486	VU	II		IIB	

TT	Tên khoa học	Tên việt nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:				
				IUCN	SĐVN	CITES	NĐ06	NĐ160
54	<i>Ophiophagus hannah</i>	Hổ chúa	Các tiểu khu 1469, 1482, 1485; 1467, 1474, 1484, 1475, 1520, 1500, 1504 và khoảng 5,6 của tiểu khu 1486	VU	I	CR	IB	Có

1.3. Đa dạng về cảnh quan thiên nhiên

Công ty quản lý diện tích 27.086,29 ha, trong đó diện tích có rừng là 23.347,03 ha chiếm 86,19%, trong đó hầu hết là diện tích rừng tự nhiên với 22.246,45 ha, chiếm 82,13% gồm 3 kiểu rừng chính đó là kiểu rừng gỗ lá rộng thường xanh mưa ẩm nhiệt đới núi thấp, rừng tự nhiên hỗn giao gỗ + tre nứa và rừng lồ ô thuần loài. Bên cạnh đó diện tích công ty quản lý còn có trên 200 ha rừng thông, trồng cỏ tạo nên những cảnh quan đặc trưng. Ngoài ra khu vực địa hình của công ty là khu chuyển tiếp từ Tây Nguyên xuống vùng Miền Đông Nam. Do vậy có nhiều suối, thác đẹp, hùng vĩ, đặc biệt có một số thác: thác Tiên Sa, thác Đắc Rốt, thác Đắc Mân... là những điều kiện rất tốt để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí.

Tóm lại, khu vực rừng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên quản lý có nhiều cảnh quan đẹp, đặc trưng từ đồi thông, trồng cỏ đến rừng thường xanh, nứa rừng lá, cùng hệ thống suối, thác và khí hậu, thời tiết trong lành, mát mẻ và đường giao thông kết nối với các khu vực khác: như Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, Thành Phố Hồ Chí Minh v.v. tạo nên một tiềm năng vô cùng lớn để phát triển du lịch sinh thái ở nơi đây.

2. Khả năng tổ chức thực hiện quản lý và nguồn nhân lực

2.1. Khả năng tổ chức thực hiện

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động du lịch. Tuy vậy, qua khảo sát thực tế cho thấy khu vực của Công ty quản lý có nhiều cảnh quan, suối, thác đẹp: Thác Tiên Sa, thác Đắc Rốt, thác Đắc Mân, suối Đắc Mai v.v. và những sinh cảnh rừng rất đặc trưng như: Đồi thông, trồng cỏ, sinh cảnh rừng thường xanh, rừng lá vô cùng hùng vĩ và thơ mộng, cùng một nền khí hậu, thời tiết mát mẻ, không khí trong lành v.v.. Đây là những điều kiện vô cùng thuận lợi để đầu tư và phát triển du lịch sinh thái ở đây.

Trên cơ sở đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt Công ty sẽ tổ chức thực hiện theo hai hình thức như sau:

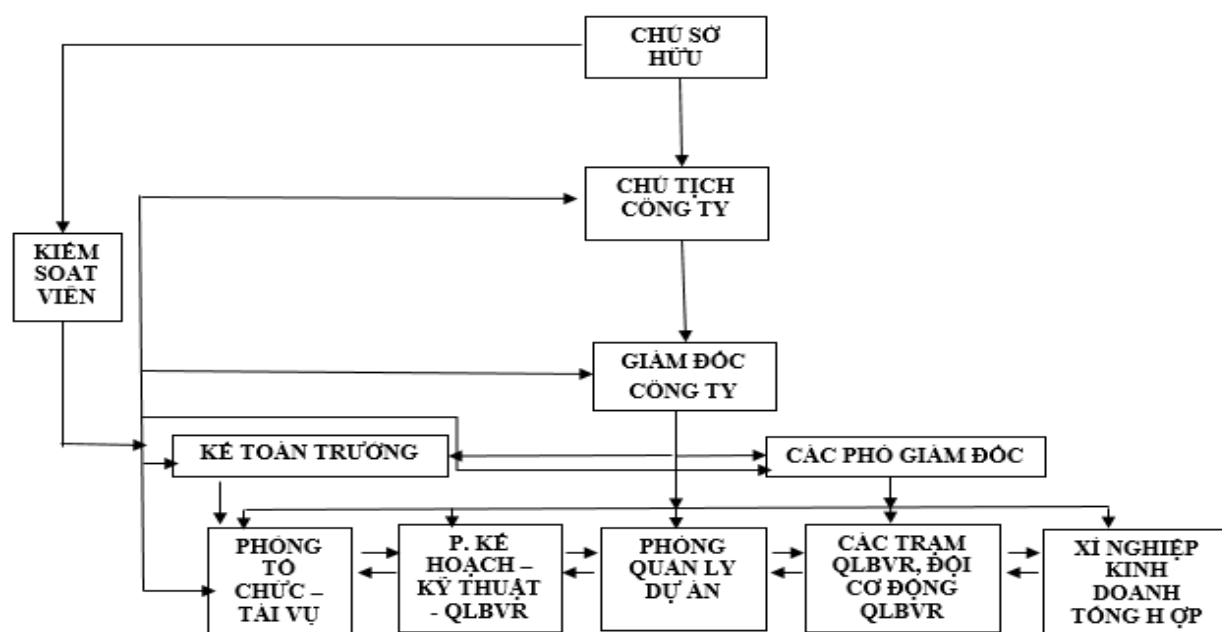
- Công ty sẽ liên kết với các tổ chức cá nhân có đủ năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực du lịch để triển khai thực hiện đề án.

- Công ty sẽ cho các tổ chức cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Tại tiểu khu 1469; tiểu khu 1482; khoảnh 1, 2, 3, 4, 7 tiểu khu 1477; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 1485; khoảnh 1, 2 tiểu khu 1466; khoảnh 3 tiểu khu 1451 và tiểu khu 1465. Tổng diện tích dự kiến 4.860,2 ha.

- Ngoài ra Công ty sẽ phối hợp với các Công ty lữ hành, các khu du lịch trong và ngoài tỉnh để liên kết tổ chức các tour du lịch.

2.2. Bộ máy công ty và nguồn nhân lực của Công ty

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty: 01 người
- Phó Giám đốc Công ty: 03 người
- Kiểm soát viên Công ty: 01 người
- Kế toán trưởng: 01 người
- Các phòng chức năng: Công ty gồm 4 phòng và 9 trạm quản lý bảo vệ rừng



Tổng số người lao động hiện có: 79 người (6 cán bộ quản lý chuyên trách và 73 người lao động)

c) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo

- | | |
|---|--------------------|
| - Trình độ trên đại học: 2 người | Chiếm tỷ lệ 2,53% |
| - Cử nhân/Kỹ sư: 31 người | Chiếm tỷ lệ 39,24% |
| - Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp: 12 người | Chiếm tỷ lệ 15,1% |
| - Khác: 34 người | Chiếm tỷ lệ 43,03% |

Nhận xét:

Nhìn chung số lượng lao động hợp đồng của Công ty được đào tạo các bậc khác nhau chiếm 56% tổng số lao động của Công ty. Trong đó trình độ đại học và trên đại học chiếm trên 37%, đây là lực lượng lao động chất lượng của Công ty đã đáp ứng được phần nào nhu cầu công việc. Tuy nhiên, toàn bộ người lao động của Công ty chủ yếu được đào tạo về chuyên ngành lâm nghiệp do vậy để bắt kịp với xu thế phát triển của Công ty trong những năm tới ở nhiều lĩnh vực khác nhau, Công ty sẽ có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có về mặt nghiệp vụ chuyên môn cũng như tuyển thêm các lao động có chất lượng cao vào làm việc tại Công ty. Hiện tại đơn vị đang có lực lượng khá mỏng phụ trách địa bàn rộng lớn vì vậy trong thời gian tới có kế hoạch tuyển thêm lao động mới để một phần bù đắp lực lượng lao động nghỉ hưu, chấm dứt lao động và chuyển chuyển, dự kiến lượng lao động tuyển thêm là xấp xỉ 10%.

3. Các loại sản phẩm du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng

3.1. Trải nghiệm Du lịch theo tuyến đã định sẵn

Khách du lịch sẽ được đoàn của công ty hướng dẫn và dẫn đường tham quan trên tuyến du lịch đã được khảo sát và chuẩn bị từ trước. Nhân viên của công ty đã khảo sát tuyến đường bao gồm nhiều yếu tố như: Cảnh quan đẹp, an toàn cho khách khi di chuyển và trải nghiệm, đã xử lý hết các trở ngại hay chướng ngại vật ở mức độ khó khi khách di chuyển và đã dăng các dây đu dọc theo các địa hình khó khăn khi di chuyển của khách nhằm làm điểm tựa cho khách du lịch khi di chuyển để tăng tính an toàn nhưng không làm giảm đi cảm nhận trong quá trình của khách.

a. Trải nghiệm qua đêm tại nhà sàn trong rừng (nơi cư trú nhà sàn)

Với quy mô vừa và nhỏ khu vực nhà lưu trú dành cho khách du lịch khoảng 250m² chứa khoảng 9 phòng đơn có thể lưu trú đến 18 người lớn và khoảng 9 trẻ em cho 1 lần chứa. Nội thất được làm bằng gỗ toàn bộ, cơ sở vật chất bên trong phòng gồm giường ngủ, quạt điện, nệm, mùng hiện tại đang và cần củng cố ổn định cho khách có trải nghiệm tốt nhất khi ngủ qua đêm trong khu lưu trú này.

b. Khuôn viên sinh hoạt chung và tọa lạc cafe sáng

Trước nhà sàn là khoảng sân rộng gần 300 m² đã được san bằng và rải đá khu vực để xe. Bên cạnh đó là các thảm cỏ của khu vực đốt lửa trại vào ban tối và sáng cho khách du lịch khi lưu trú qua đêm. Phía góc trái của nhà sàn là khuôn viên có mái che và bàn ghế khoảng 50 m² dành cho khách thưởng thức trà và cafe vào sáng sớm hoặc buổi tối giữa không gian rừng.

c. Dùng cơm với các món đặc sản trong rừng

Khi đi du lịch điều tất yếu mọi người khách khi quan tâm về địa điểm và khu du lịch là an toàn thực phẩm và khẩu vị của thực phẩm khi dùng bữa tại đó. Bên Công ty cũng đã chuẩn bị được đầu bếp có tay nghề lâu năm trong việc chế biến món ăn mang hương vị của một chuyến du lịch sinh thái trên rừng. Món ăn được cơ sở lưu trú nhà sàn chuẩn bị như: Canh thục, cơm lam, rau rừng, cá suối, thịt trâu, gà thả vườn, heo mồi nuôi.... tuy có phần đơn giản nhưng vị đặc biệt và

đáng để lưu nhớ từ du khách là không thể quên.

d. Dừng cơm trưa trong rừng

Các tuyến du lịch đã được chuẩn bị yêu cầu du khách cần đi quãng đường dài ít nhất trong ngày. Nên bữa trưa du khách sẽ dừng trong rừng, món ăn sẽ được đầu bếp và nhân viên chuẩn bị trước chủ yếu là các thức ăn nhanh như bánh mì, bánh chưng, bánh hỏi, trứng ốp la.... các món trái cây. Tuy món ăn có phần đơn giản không cầu kì nhưng gợi nhớ cho du khách một kỉ niệm khó quên và cảm giác trải nghiệm khi đi rừng mang tính chất chân thật....

e. Nghỉ qua đêm tại các Bungalow được xây dựng trên các tuyến, điểm

Trên các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí sẽ bố trí xây dựng các Bungalow trên diện tích đất trống, trảng cỏ và các khoảng trống dưới tán rừng để phục vụ du khách nghỉ qua đêm ở giữa đại ngàn Tây nguyên sẽ đem đến cho du khách cảm giác được hòa mình vào thiên nhiên sẽ là một ấn tượng khó quên đối với du khách. Đối với du khách thích khám phá có thể đi theo các suối, đường mòn để khám phá về các loài động thực vật kiếm ăn vào ban đêm.





Hình 1.3: Nơi lưu trú du lịch và hiện trạng các dịch vụ.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ

1. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch

Đưa ra các nguyên tắc, cũng như tiêu chí để lựa chọn điểm du lịch:

+ Đảm bảo tính đặc trưng và tính hấp dẫn cao và phù hợp với từng đối tượng du khách: Điều này có nghĩa là điểm đó có thể là nơi có cảnh quan, thác, suối đẹp, có thể giới động, thực vật hoang dã phong phú, có nơi nghỉ ngơi, có nơi trú chân, có bãi tắm, hoặc có giá trị về chữa bệnh, văn hóa, tâm linh v.v..

+ Đảm bảo thuận lợi để kết nối, liên kết dễ dàng các điểm du lịch trong tuyến.

+ Đảm bảo an toàn cho du khách.

+ Đảm bảo điều kiện vệ sinh tối thiểu cho du khách

+ Phải có cơ sở lưu trú, khách sạn, nhà nghỉ, camping v.v..

+ Phải có cửa hàng và các điểm bán hàng, đặc biệt là thực phẩm.

+ Trang bị khu vui chơi, giải trí vv...

2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Hiện nay, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch của Công ty hầu như chưa được đầu tư. Tuy nhiên, những năm gần đây Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên đã có các định hướng phát triển du lịch, vì vậy bước đầu đã xây dựng cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ này, đặc biệt trong lâm phần có tuyến đường quốc lộ 14C đã được Nhà nước đầu tư, việc kết nối giữa quốc lộ 14 và tuyến đường nối với Vườn Quốc gia Bù Gia Mập dễ dàng giúp cho việc kết nối tuyến du lịch được thuận lợi hơn

Đã đầu tư nhà sàn dài, mang đặc trưng của người dân bản địa, Khu vực lưu trú với quy mô diện tích sinh hoạt (ăn, ngủ, hoạt động sinh hoạt chung...) khoảng gần 400 m². Bên cạnh nhà vệ sinh khu vực dành riêng tích hợp cho từng phòng ngoài ra cơ sở lưu trú còn bổ xung thêm 02 nhà vệ sinh dành chung cho khách du lịch thuận tiện hơn trong sinh hoạt cá nhân.

Khu vực nhà để xe và khuôn viên bàn ăn, họp mặt gia đình bên cạnh nhà sàn khoảng 100 m² nhà hoạt động sinh hoạt và 300 m² khu vực để xe và đốt lửa trại.

Thảm rừng trồng thông để khu vực trao đổi và truyền đạt kiến thức, rất phù hợp với cắm trại qua đêm nằm giáp Quốc Lộ 14C.

Khu vực cafe sáng cho khách trải nghiệm không khí trong lành sáng sớm.

Khu vực đài quan sát được bố trí ở giữa đồi thông sẽ cho du khách ngắm cảnh rừng núi bao la, cảnh mặt trời mọc và hoàng hôn trên đồi thông thơ mộng



Hình 1.1: Tổng quan khu vực lưu trú.



Hình 1.2: Mặt tiếp giáp đường khu vực lưu trú

3. Phương án phát triển các tuyến, điểm và chương trình du lịch

a) Phương án phát triển các tuyến, điểm du lịch

Theo Phương án quản lý rừng bền vững của Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 và đã được điều chỉnh bổ sung và phê duyệt tại Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/8/2022.

Triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững, năm 2021-2023 đã tổ chức xây dựng, bố trí các khu vực dự kiến phục vụ DLST thuộc khoảnh 9 tiểu khu 1469, và khoảnh 2 tiểu khu 1482. Xây dựng 01 Trạm quản lý bảo vệ

rừng kết hợp làm điểm dừng nghỉ trên diện tích khoảng 0,15 ha, gồm hệ thống nhà ở, nhà ăn với tổng diện tích 360m², kinh phí dự kiến khoảng 2,5 tỷ đồng; xây dựng 01 chòi canh lửa kết hợp làm điểm quan sát tại tiểu khu 1465, sửa chữa các tuyến đường tuần tra kết hợp du lịch sinh thái. Năm 2024 trở đi sẽ bố trí kinh phí để xây dựng hệ thống nhà dài của người M'ông, khu bảo tàng văn hóa bản địa của người đồng bào Tây nguyên, khu nghỉ dưỡng kết hợp khu vui chơi trên diện tích 1,75 ha còn lại; trong giai đoạn 2025 đến 2043 xây dựng 500 điểm dừng chân (Bungalow) và các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật khác để phục vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên các tuyến, điểm du lịch với tổng diện tích xây dựng là 5% theo quy định tại khoản c điều 24 của Nghị định 156/2018/NĐ-CP.

Xây dựng các tuyến đường du lịch sinh thái (Khu nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch sinh thái hệ thống thác nước và các điểm đến) kết hợp tuần tra quản lý bảo vệ rừng. Nối tiếp các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, quy hoạch các tuyến đường du lịch sinh thái, trên hệ thống tuyến đường mòn đã có sẵn, cụ thể như sau:

+ Tuyến số 1: Tuyến du lịch sinh thái theo trục đường quốc lộ 14c đoạn đi qua lâm phần Công ty đã đầu tư trồng hoa dọc theo tuyến đường kết hợp tham quan, nghỉ dưỡng khu vực rừng trồng Thông tại các tiểu khu 1465, 1466, 1459 đến thác Tiên Sa tại tiểu khu 1477, thăm, chụp ảnh cây Đa di sản Việt Nam. Hiện trạng đường nhựa đã có sẵn dài 15km; đoạn nối từ đường nhựa đến thác Tiên Sa dài 1,5km, hiện trạng đường nhựa nối đường mòn đã có sẵn rộng 5m.

Vị trí: Tuyến đường Quốc lộ 14c đi qua các tiểu khu 1465, 1466, 1477, 1469, 1482

Phương thức di chuyển: Đi xe điện, xe máy, xe Ô tô con hoặc đạp xe đạp...;

Đối tượng phục vụ: Tất cả khách du lịch đến với công ty đều có thể tham quan theo tuyến 1 này; sinh viên các trường Đại học thực tập và học sinh tham quan trải nghiệm. Tuyến này thích hợp để tổ chức các giải chạy vì môi trường xanh, sạch.

+ Tuyến số 2: Tuyến tham quan quần thể cây Săng lẻ (Bằng Lăng) được Công nhận cây di sản Việt Nam tại khoảnh 6 tiểu khu 1469, và hệ thống các thác nước tại các tiểu khu 1469, 1482... Tổng chiều dài 4km có chiều rộng bình quân từ 3-5 mét nối từ đường QL14C đến khu vực quần thể cây di sản và dọc suối. Hiện trạng đường mòn đã có sẵn, đường đang bị xuống cấp trầm trọng, nhiều đoạn bị sạt lở tạo nên những hố sâu, rãnh lớn gây khó khăn trong lưu thông đi lại.

Vị trí: Tuyến đi qua các tiểu khu 1482, 1469.

Phương thức di chuyển: Đi bộ hoặc xe máy, thời gian tham quan trong ngày có thể cắm trại nghỉ qua đêm dọc theo suối hoặc nghỉ qua đêm tại các Bungalow tại khu vực cây di sản

Đối tượng phục vụ: Du khách có sức khỏe, có khả năng đi bộ và thích khám phá thiên nhiên, thử thách, sinh tồn; các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh viên các trường Đại học thực tập và học sinh tham quan trải nghiệm.

+ Tuyến số 3: Tuyến du lịch khám phá thiên nhiên trên cung đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng đường Lâm nghiệp 3 đến Trạm QLБVR số 7 về đường lâm nghiệp 1 và kết thúc tại Trạm QLБVR số 5 dài khoảng 80km đường rừng, đường tương đối dốc và hiểm trở, dành cho du khách thích mạo hiểm... Hiện trạng đường mòn tuần tra QLБVR đã có sẵn rộng từ 3-5 m.

Vị trí: Tuyến đi qua các tiểu khu 1465, 1466, 1477, 1478, 1485, 1486, 1500, 1504, 1520, 1515, 1522, 1511, 1498, 1484.

Phương thức di chuyển: Đi bộ hoặc xe máy hoặc xe địa hình, thời gian tham quan 3 ngày 02 đêm, du khách có thể cắm trại hoặc nghỉ qua đêm tại các Bungalow dọc theo tuyến

Đối tượng phục vụ: Du khách có sức khỏe, có khả năng đi bộ và thích khám phá thiên nhiên, thích thể thao mạo hiểm, tự mình lái xe chinh phục những cung đường khó, những con dốc lớn; các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh viên các trường Đại học thực tập, nghiên cứu. Tuyến này có thể kết hợp tổ chức các giải đua xe địa hình.

+ Tuyến số 4: Từ Trạm QLБVR số 1 (tiểu khu 1469) đi qua tiểu khu 1482 lên đỉnh 1485 đi ngược đường lâm nghiệp 3 về Trạm QLБVR số 2. Với tổng chiều dài khoảng 22km; hiện trạng đường mòn đã có sẵn, có chiều rộng bình quân từ 3 - 5 mét;

Vị trí: Tuyến đi qua các tiểu khu 1469, 1482, 1485, 1465, 1466

Phương thức di chuyển: Đi bộ hoặc xe máy hoặc xe địa hình, thời gian tham quan 2 ngày 01 đêm, du khách có thể cắm trại hoặc nghỉ qua đêm tại các Bungalow dọc theo tuyến

Đối tượng du khách phục vụ: Du khách có sức khỏe, có khả năng đi bộ và thích khám phá thiên nhiên, thích mạo hiểm, tự mình lái xe chinh phục những cung đường khó, những con dốc lớn; các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh viên các trường Đại học thực tập, nghiên cứu Tuyến này có thể kết hợp tổ chức các giải đua xe địa hình.

+ Tuyến số 5: Nối từ Trạm QLБVR số 2 đi theo đường lâm nghiệp 3 đến Trạm QLБVR số 8, về Trạm QLБVR số 4 với hệ thống đường đồi dốc và nhiều suối lớn (dành cho du khách đi phượt, thích mạo hiểm), Với tổng chiều dài hơn 65km, hiện trạng là đường mòn tuần tra QLБVR đã có sẵn, có chiều rộng khoảng 3-5m. Tình trạng đường đang bị xuống cấp trầm trọng, nhiều đoạn bị cây ngã đổ, sạt lở tạo nên những hố sâu, rãnh lớn gây mất an toàn và khó khăn trong lưu thông đi lại, đặc biệt là qua nhiều suối lớn không đi được trong mùa mưa.

Vị trí: Tuyến đi qua các tiểu khu 1465, 1466, 1477, 1478, 1485, 1486, 1510, 1511, 1505, 1487, 1484, 1474.

Phương thức di chuyển: Đi bộ hoặc xe máy hoặc xe địa hình, thời gian tham quan 3 ngày 02 đêm, du khách có thể cắm trại hoặc nghỉ qua đêm tại các Bungalow dọc theo tuyến

Đối tượng du khách phục vụ: Du khách có sức khỏe, có khả năng đi bộ và thích khám phá thiên nhiên, thích thể thao mạo hiểm, tự mình lái xe chinh phục những cung đường khó, những con dốc lớn; các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh viên các trường Đại học thực tập, nghiên cứu. Tuyến này có thể kết hợp tổ chức các giải đua xe địa hình, sinh tồn trong rừng Tây nguyên.

+ Tuyến số 6: Từ Trạm QL BVR số 1 theo tuyến số 1 theo đường Lâm nghiệp 3 đến Trạm QL BVR số 8 tiểu khu 1520 và về đường lâm nghiệp 2 đến thác nước tại tiểu khu 1487 về Trạm QL BVR số 3 qua hệ thống đường đôi dốc (dành cho du khách đi phượt, thích mạo hiểm). Với tổng chiều dài hơn 60km, hiện trạng là đường mòn tuần tra QL BVR đã có sẵn có chiều rộng khoảng 3-5m. Tình trạng đường đang bị xuống cấp trầm trọng, nhiều đoạn bị cây ngã đổ, sạt lở tạo nên những hố sâu, rãnh lớn gây mất an toàn và khó khăn trong lưu thông đi lại.

Vị trí: Tuyến này đi qua các tiểu khu 1469, 1477, 1465, 1466, 1478, 1485, 1486, 1500, 1504, 1520, 1510, 1497, 1487, 1483, 1475

Phương thức di chuyển: Đi bộ hoặc xe máy hoặc xe địa hình, thời gian tham quan 3 ngày 02 đêm, du khách có thể cắm trại hoặc nghỉ qua đêm tại các Bungalow dọc theo tuyến

Đối tượng du khách phục vụ: Du khách có sức khỏe, có khả năng đi bộ và thích khám phá thiên nhiên, thích thể thao mạo hiểm, tự mình lái xe chinh phục những cung đường khó, những con dốc lớn; các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh viên các trường Đại học thực tập, nghiên cứu. Tuyến này có thể kết hợp tổ chức các giải đua xe địa hình, sinh tồn trong rừng Tây nguyên

+ Tuyến số 7: Nối từ đường QL14C đi theo đường mòn có sẵn đến thác Đắc Rốt và suối tại khoảnh 1 tiểu khu 1482. Với tổng chiều dài 1,5km hiện trạng là đường mòn tuần tra QL BVR đã có sẵn có chiều rộng khoảng 3-5m.

Vị trí: Tuyến này đi qua các tiểu khu 1469, 1482

Phương thức di chuyển: Đi bộ hoặc xe máy hoặc xe địa hình, thời gian tham quan trong ngày, du khách cũng có thể tham quan nhiều tuyến kết hợp.

Đối tượng du khách phục vụ: Du khách có sức khỏe, có khả năng đi bộ và thích khám phá thiên nhiên, thích thể thao mạo hiểm, tự mình lái xe chinh phục những cung đường khó, những con dốc lớn; các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh viên các trường Đại học thực tập và học sinh tham quan trải nghiệm

+ Tuyến số 8: Tuyến đường đi bộ khám phá thiên nhiên, nghiên cứu khoa học... chạy dọc theo ranh giới Công ty quản lý tại các khu vực tiếp giáp Vườn

Quốc gia Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước và Ban quản lý rừng phòng hộ Thác mơ. Hiện trạng đường mòn tuần tra QL BVR đã có sẵn và đường ranh giới giữa hai tỉnh Bình Phước và Đắk Nông rộng khoảng 2 m, tuyến dài 19km.

Vị trí: Tuyến này đi qua các tiểu khu 1482, 1469, 1485, tuyến này chạy dọc theo đường ranh giới giữa hai tỉnh Đắk Nông và Bình Phước

Phương thức di chuyển: Đi bộ, thời gian tham quan tùy thuộc vào mục đích sở thích của du khách

Đối tượng du khách phục vụ: Du khách có sức khỏe, có khả năng đi bộ và thích khám phá thiên nhiên, sinh tồn ...; các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh viên các trường Đại học thực tập, nghiên cứu.

+ Bên cạnh đó sẽ phát triển các tuyến chạy dọc theo các con sông, suối và tham quan những cảnh đẹp của rừng tự nhiên Công ty, trên các tuyến đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng đã có sẵn chiều dài khoảng 100km chiều rộng 3-4m

Vị trí: Tuyến đi qua các tiểu khu 1465, 1469, 1476, 1477, 1487, 1496, 1497, 1505, 1510 và tiểu khu 1520.

Phương thức di chuyển: Đi bộ hoặc xe máy hoặc xe địa hình, thời gian tham quan 4 ngày 03 đêm, du khách có thể cắm trại hoặc nghỉ qua đêm tại các Bungalow dọc theo tuyến;

Đối tượng phục vụ: Du khách có sức khỏe, có khả năng đi bộ và thích khám phá thiên nhiên, thích thể thao mạo hiểm, tự mình lái xe chinh phục những cung đường khó, những con dốc lớn; các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, sinh viên các trường Đại học thực tập, nghiên cứu. Tuyến này có thể kết hợp tổ chức các giải đua xe địa hình, sinh tồn trong rừng tây nguyên.

* Các điểm du lịch sinh thái

Điểm du lịch sinh thái, cắm trại đồi thông được bố trí tại tiểu khu 1465, 1466, 1451, 1459, diện tích khoảng 204 ha

Điểm du lịch sinh thái, cắm trại khu vực cây Bằng Lăng Di sản tại tiểu khu 1469. Diện tích khoảng 300 ha

Điểm du lịch sinh thái, cắm trại dốc mây tại tiểu khu 1477, 1482. Diện tích thực hiện theo Dự án cho thuê môi trường rừng

Trên tất cả các tuyến, điểm du lịch sẽ xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí tại các khu vực đất trống và các khoảng trống dưới tán rừng, diện tích xây dựng 5% tổng diện tích trong hợp đồng liên kết hoặc hợp đồng cho thuê môi trường rừng quy định tại, theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 24 của Nghị định 91.

- Phương thức thực hiện xây dựng các tuyến, điểm du lịch sinh thái: Để quy hoạch và xây dựng các tuyến, điểm du lịch phải dựa vào các điều kiện về địa hình, hiện trạng trên đất của khu vực để thực hiện cho phù hợp với thực tế, tránh tác động đến rừng làm thay đổi về cấu trúc và đa dạng sinh học của khu

vực. Trên cơ sở hiện trạng các tuyến đường lâm nghiệp, đường mòn tổ chức nâng cấp, sửa chữa và cải tạo. Đối với các khoảng trống trong rừng có diện tích < 0,3 ha bố trí xây dựng các công trình phục vụ nhu cầu du lịch của du khách và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Lâm nghiệp; Nghị định 156/2018/NĐ-CP và Thông tư 27/2018/TT-BTNMT; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

+ Nâng cấp, sửa chữa 03 tuyến đường đất lâm nghiệp, phục vụ tuần tra QLБVR và du lịch sinh thái. (Tuyến đường lâm nghiệp số 3. Từ trạm QLБVR số 2 đến trạm QLБVR số 8, đi qua các tiểu khu 1466, 1465, 1477, 1485, 1485, 1500, 1504 và 1520, tổng chiều dài khoảng 30km, hiện trạng đường lâm nghiệp cũ có bề rộng khoảng 4-5m; tuyến đường lâm nghiệp số 2. Từ trạm QLБVR số 3 đi qua các tiểu khu 1475, 1487, 1496, 1497, 1510, 1504, và 1520 đến trạm QLБVR số 8 tổng chiều dài khoảng 28km, hiện trạng đường lâm nghiệp cũ bề rộng mặt đường khoảng 4-5m; Tuyến đường lâm nghiệp số 1 từ Công ty đến trạm QLБVR số 5, 6, 7, với tổng chiều dài khoảng 30km đi qua các tiểu khu 1459, 1467, 1474, 1481, 1488, 1498, 1511 và 1522, bề rộng mặt đường khoảng 4-5m). Hàng năm, Công ty sẽ rà soát những đoạn đường cần sửa chữa để đưa vào kế hoạch năm của Công ty và triển khai thực hiện, mỗi năm dự kiến sửa chữa khoảng 10-15km

+ Bê tông hóa hoặc nhựa hóa các tuyến đường lâm nghiệp (vị trí 03 tuyến đường lâm nghiệp nêu trên); những đoạn đường trọng yếu, điểm xạt lở, xói mòn, lầy lội... phục vụ công tác QLБVR và phát triển du lịch sinh thái. Mỗi năm dự kiến thực hiện khoảng 1-2km

+ Tu bổ, sửa chữa tuyến đường mòn thành tuyến đường du lịch đi bộ tại quần thể cây Di sản tại khoảnh 6 tiểu khu 1469, lát bằng tấm xi măng hoặc rải đá hộc, đá cuội, có chiều rộng mặt đường tối đa không quá 300cm. Với tổng chiều dài 5km, trong đó 3,5km đường mòn lâm nghiệp rộng từ 3-5m, thực hiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa rộng 3-5m và 1,5km đường mòn tại quần thể cây di sản rộng không quá 3 m.

+ Xây dựng hệ thống trạm dừng chân, nhà chòi: Vị trí xây dựng tại các khoảng trống trong rừng và không ảnh hưởng đến tài nguyên cây rừng thuộc khu vực cho thuê môi trường rừng và trên các tuyến đường du lịch sinh thái (tiểu khu 1469; tiểu khu 1482; khoảnh 1, 2, 3, 4, 7 tiểu khu 1477; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 1485; khoảnh 1, 2 tiểu khu 1466; khoảnh 3 tiểu khu 1451 và tiểu khu 1465. Tổng diện tích dự kiến 4.860,2 ha), cặp suối, khe và các thác nước (Suối Đắc Yeul, Đắc R'keh, Đắc R'ke, Đắc Rốt, Đắc Chwin, Đắc R'me...). Diện tích dự kiến xây dựng không vượt quá 5% tổng diện tích dự án.

+ Xây dựng 05 trạm quan sát cảnh quan: Vị trí xây dựng tại các khoảng trống trong rừng và không ảnh hưởng đến tài nguyên cây rừng. Vị trí tại các tiểu

khu 1451, 1465, 1466, 1477, 1459, 1510, 1511. Quy mô mỗi trạm quan sát có diện tích bề mặt khoảng 200m², cao khoảng 12m.

+ Xây dựng tuyến đường đi bộ trên cao: Vị trí xây dựng tại các khoảng trống trong rừng và không ảnh hưởng đến tài nguyên cây rừng thuộc khu vực cho thuê môi trường rừng. Vị trí tại các tiểu khu 1469, 1482, 1477, 1465, 1485. Tổng chiều dài dự kiến xây dựng khoảng 5km, rộng 1-2m và sẽ được chi tiết trong dự án du lịch sinh thái

+ Xây dựng các công trình phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, ăn uống, tham quan, vui chơi giải trí, thể thao của du khách: phòng nghỉ (Bungalow), nhà hàng, điểm ngắm cảnh, vệ sinh công cộng, khu thu gom rác thải... và một số hạng mục, công trình phục vụ du lịch khác với diện tích xây dựng không vượt quá 5% diện tích thực hiện dự án. Vị trí xây dựng tại các điểm du lịch, các tuyến du lịch sinh thái nêu trên, diện tích mỗi Bungalow khoảng 30-40 m².

- Thời gian thực hiện dự kiến: Từ năm 2025 – 2043.

*** Khu nghỉ dưỡng thiên, nghỉ dưỡng cao cấp, vật lý trị liệu và hạ tầng kỹ thuật, vận hành phụ trợ phục vụ du lịch sinh thái:**

+ Vị trí: Tại các tiểu khu 1465, 1466, 1451, 1482, 1477 với diện tích 204 ha, hiện trạng rừng trồng Thông ba lá.

+ Khu cổng chào, tiếp đón, bãi xe gồm các công trình: Cổng chào, trung tâm tiếp đón, quầy bán hàng lưu niệm, nhà hàng, bãi đỗ xe, trung tâm thông tin và các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật phụ trợ.

+ Khu Yoga/Thiền: gồm các công trình: nhà Yoga, Thiền, khu vực nghỉ của huấn luyện viên và các khối phụ trợ (kỹ thuật điện, thu gom rác...).

+ Khu nghỉ dưỡng vật lý trị liệu gồm các công trình: khối lễ tân, nhà hàng, thư viện, thể thao, phòng nghỉ cao cấp, bungalow nghỉ dưỡng, khu vực bể bơi và khối phụ trợ (khu bếp, kho, khu vực xử lý nước thải, cấp nước, khu chứa rác, nhà bảo vệ, ...)

+ Khu hậu cần kỹ thuật gồm các công trình: Khu nghỉ nhân viên, phòng giặt – sấy, kho rác, sơ chế thức ăn, các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật phụ trợ: Trạm xử lý nước, cấp nước, giặt ủi, bãi đỗ xe nội khu, nhà kỹ thuật điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, ...)

- Hiện trạng khu vực xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch sinh thái: Đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi, khoảng trống dưới tán rừng.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2025-2043.

- Phương thức thực hiện: Cho các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng

*** Khu nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch, tháp ngắm cảnh:**

- Quy hoạch các tuyến đường du lịch sinh thái, trên hệ thống các tuyến đường mòn tuần tra QLБVR đã có sẵn trên toàn lâm phần Công ty quản lý. Xây

dựng hệ thống trạm dừng chân, nhà chòi, và các hạng mục công trình phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, ăn uống, tham quan của du khách.

- Vị trí tại tiểu khu 1451, 1465, 1466, 1477, 1459, 1510, 1511, 1482; đối với khu nghỉ dưỡng sẽ xây dựng trên diện tích đất không có rừng hoặc các khoảng trống dưới tán rừng và không làm ảnh hưởng đến cây rừng và tháp ngắm cảnh

- Quy mô: Mỗi tháp có diện tích bề mặt khoảng mỗi tháp 200m², cao khoảng 12m

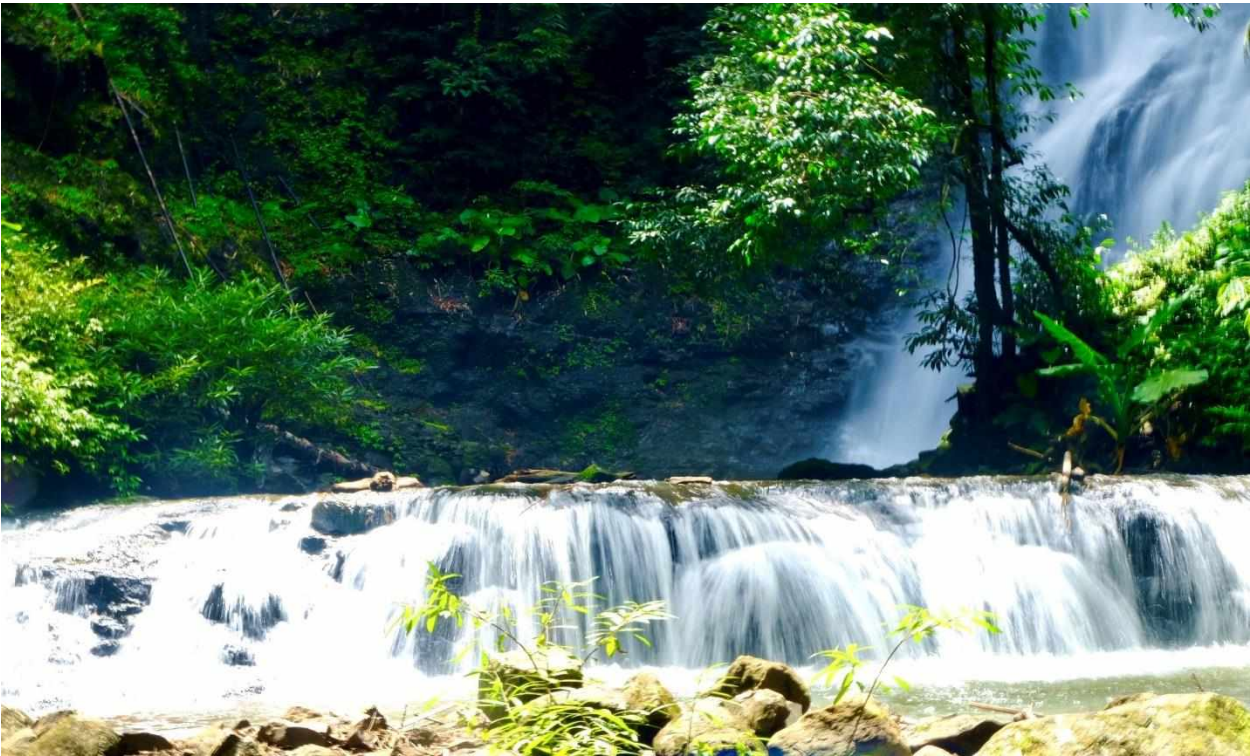
- Phương thức thực hiện: Tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết.

- Hiện trạng khu vực xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch sinh thái: Đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi và tận dụng khoảng trống dưới tán rừng.

- Thời gian thực hiện dự kiến: Từ năm 2025 – 2043.



Hình 1.4: Du khách tham quan trải nghiệm trên đồi thông



Hình 1.5: Thác tiên sa

b) Cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí

- Vị trí dự kiến cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Tại tiểu khu 1469; tiểu khu 1482; khoảnh 1, 2, 3, 4, 7 tiểu khu 1477; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 1485; khoảnh 1, 2 tiểu khu 1466; khoảnh 3 tiểu khu 1451 và tiểu khu 1465. Tổng diện tích dự kiến 4.860,2 ha.

- Hiện trạng đất dự kiến xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái: Đất trống, trắng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi, diện tích các khoảng trống dưới tán rừng.

- Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải xây dựng theo đúng vị trí, địa điểm, quy mô, cấu trúc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị thuê môi trường rừng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành về Luật đất đai, Luật đầu tư, Luật xây dựng, Luật lâm nghiệp, Luật đa dạng sinh học và các quy định khác về kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và trong khuôn khổ của pháp luật Việt Nam quy định.

2.3. Dự kiến phương thức tổ chức thực hiện

2.3.1. Hoạt động xúc tiến, quảng bá

Chúng tôi cũng tiến hành tìm hiểu về hình thức biết thông tin của khách du lịch về Điểm DLST của một số địa điểm khác sau đó để chúng ta có thể có

những chính sách quảng bá về DLST của công ty đến mọi người, từ đó tăng thêm sự lựa chọn của khách trong danh mục điểm đến của họ.

Bảng 05: Hình Thức Biết Thông Tin về DLST VQG Cát Tiên của Du Khách

DVT: Khách

Chỉ tiêu	Khách nội địa		Khách quốc tế		
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	
Trung tâm lễ hành	7	13,21	16	34,04	23
Internet, TV	11	20,75	9	19,15	20
Sách, báo, tạp chí	9	16,98	7	14,89	16
Truyền miệng	15	28,30	5	10,64	20
Công việc	8	15,09	6	12,77	14
Khác	3	5,67	4	8,51	7
Tổng	53	100	47	100	100

Nguồn tin: Điều tra và tính toán tổng hợp

Bảng 05 trên cho thấy khách đến DLST thông qua sự hướng dẫn của các trung tâm lễ hành chiếm đa số, trong đó khách quốc tế có khoảng 16 khách chiếm 34,04%, đây cũng là tỷ lệ lớn nhất trong các phương tiện biết đến DLST của khách quốc tế, khách nội địa là 7 khách chiếm 13,21%. Ngày nay, phương tiện công nghệ thông tin, kết nối mọi người gần nhau hơn, và trong số đó, internet là một phương tiện rất hữu hiệu để quảng bá hình ảnh của mình. Ngày càng nhiều người quan niệm rằng có gì không biết cứ việc lên mạng. Qua bảng thống kê thông tin ta thấy số lượng khách du lịch biết đến VQG Cát Tiên thông qua internet, truyền hình là 20 khách, khách nội địa chiếm 20,75% (trong tổng số 53 khách); khách quốc tế chiếm 19,15% (trong tổng số 47 khách). Bên cạnh đó, khách đến với VQG Cát Tiên được biết thông tin qua sách, báo là 16 khách trong tổng số 100 khách, trong đó khách nội địa chiếm 16,98% (9 khách), khách quốc tế chiếm 14,89% (7 khách). Đối với khách quốc tế, phương tiện truyền miệng (biết qua bạn bè, người thân) có lẽ không được hữu hiệu cho nên chỉ có 5/47 khách (chiếm 10,64%) có thông tin về VQG Cát Tiên thông qua phương tiện này, ngược lại khách nội địa có 15/53 khách (chiếm 28,30%, cao nhất trong các phương tiện biết thông tin của khách nội địa) sử dụng phương tiện này. Đây là một lợi thế so sánh trong việc khai thác du lịch từ khách nội địa, để ngày càng nhiều người Việt biết rằng rừng dù không xa lạ nhưng cũng cần đến với những nơi như VQG Cát Tiên để có thể thấy được tài nguyên của đất nước ta phong phú, từ đó yêu thương rừng, cùng vận động mọi người bảo vệ rừng. Trong các phương tiện, ta còn điều tra được khách biết đến VQG Cát Tiên nhờ qua công việc của họ, thường những người làm việc trong lĩnh vực tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, các dự án bảo tồn, phát triển vùng nông thôn. Họ chiếm 15,09% (đối với khách nội địa) và 12,77% (đối với khách quốc tế). Còn lại thông qua

những hình thức khác, số lượng này có 7/100 khách, chiếm 5,67% và 8,51% lần lượt đối với khách nội địa và khách quốc tế.

Qua số liệu thu thập cho thấy, khách biết đến DLST qua trung tâm lữ hành là cao nhất vì thế chúng ta cần liên kết hơn nữa các trung tâm lữ hành, tăng tiền thưởng cho họ để DLST của công ty được quảng bá nhiều hơn nữa đặc biệt đối với khách quốc tế. Theo tìm hiểu với các trung tâm lữ hành cũng như phía Trung tâm các tour lịch mức tiền thưởng được tính là 10% đối với mỗi chuyến đưa khách đến tham quan và du lịch. Bên cạnh đó các hoạt động DLST của công ty cũng khai thác thế mạnh quảng bá qua hình thức truyền miệng của khách nội địa để đưa hình ảnh của công ty thông qua du lịch sinh thái của lâm phần cty quản lý được xa hơn.

2.3.2. Sự tham gia của cộng đồng

Bảng 06: Cộng đồng tham gia và hưởng lợi từ du lịch

Cộng đồng	Các hoạt động tham gia	Năm tham gia	Hình thức tham gia và hưởng lợi từ du lịch (cá nhân, gia đình, tổ hợp tác...)	Ghi chú
1	Buôn bán cung cấp thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt quanh khu vực lưu trú và trên tuyến du lịch	2027	Cá nhân hợp tác	Dự thảo
2	Buôn bán quà lưu niệm đặc sản địa phương	2027	Cá nhân hợp tác	Dự thảo
3	Hỗ trợ đoàn du khách trên tuyến đi như một HDV Du lịch....	2027	Cá nhân hợp tác	Dự thảo

2.3.3. Công tác bảo vệ môi trường du lịch

Theo quy định tại **Khoản 1 Điều 3 Luật Du lịch 2017**: "*Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 01 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác*". Phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai.

Khoản 18 Điều 3 Luật Du lịch 2017 cũng quy định: "Môi trường du lịch là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội nơi diễn ra các hoạt động du lịch". Du lịch muốn phát triển không thể không gắn chặt với môi trường, bao gồm cả môi trường xã hội – văn hóa và môi trường tự nhiên. Nếu môi trường văn hóa bảo đảm cho du lịch hướng đến văn minh thì môi trường tự nhiên là cơ sở cho sự phát triển bền vững của du lịch.

Điều 8 Luật Du lịch 2017 quy định về bảo vệ môi trường du lịch:

1. Môi trường du lịch phải được bảo vệ, tôn tạo và phát triển theo hướng xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn, lành mạnh và văn minh.
2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ban hành quy định nhằm bảo vệ, tôn tạo và phát triển môi trường du lịch.
3. Chính quyền địa phương các cấp có biện pháp bảo vệ, tôn tạo và phát triển môi trường du lịch phù hợp với thực tế của địa phương.
4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch có trách nhiệm thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh trong hoạt động kinh doanh; khắc phục tác động tiêu cực do hoạt động của mình gây ra đối với môi trường; có biện pháp phòng, chống tệ nạn xã hội trong hoạt động kinh doanh của mình.
5. Khách du lịch, cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn cảnh quan, môi trường, bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán của dân tộc; có thái độ ứng xử văn minh, lịch sự nhằm nâng cao hình ảnh đất nước, con người và du lịch Việt Nam.

Về xử lý nước thải theo như quy mô và hiện trạng của chương trình và các công trình hoạt động của công ty thì chỉ có phát thải nước thải sinh hoạt nên cần làm hầm tự hoại 3 ngăn là đủ,

- Về năng lượng thì cơ sở chủ yếu sử dụng năng lượng tái tạo (mặt trời). Để nhằm mục đích cung cấp điện cho sinh hoạt của của du khách và quá trình làm việc và phục vụ của nhân viên công ty tại các nơi lưu trú du khách. Cần cân nhắc và giảm thiểu hết sức có thể rác thải sinh hoạt để tránh làm ảnh hưởng đến môi trường và thiết kế cảnh quan....

2.3.4. Hoạt động diễn giải thông qua du lịch đến sự hài lòng của du khách

Để mô tả hiện trạng hoạt động đến sự hài lòng của quý khách và để đánh giá sự quan tâm cũng như sự hài lòng của khách khi đến DLST, chúng ta cần nắm rõ thông tin của đối tượng. Vì vậy, tôi tiến hành khảo sát 100 khách du lịch.

Trước mỗi chuyến đi, mặc dù khách du lịch đã tham khảo các tài liệu về điểm đến nhưng các thông tin đó không đáp ứng hết mọi thắc mắc của khách. Những câu hỏi về điều kiện chỗ ăn ở, thái độ của người dân địa phương, phong cảnh nơi sắp đến có làm thỏa mãn, đáng giá không?

Bảng 07: Sự quan tâm của khách trước khi đến tham quan du lịch tại kvnc

Yếu tố	ĐVT: %		
	Không quan tâm	Bình thường	Quan tâm
Phong cảnh		13	87
Vệ sinh thu gom rác	9	49	42
Thời tiết, khí hậu	6	76	18
Công trình kiến trúc	25	63	12
Thái độ của người dân địa phương	10	67	23
Điều kiện nơi ăn, ở	18	62	20
Giá cả	21	63	16
Quầy bán hàng lưu niệm	31	40	29
Nơi vui chơi giải trí	35	41	24
Các lễ hội	29	28	43
Thái độ của các hướng dẫn viên		39	61

Nguồn tin: Điều tra và tính toán tổng hợp

Nhìn vào bảng 07 ta thấy có 87% khách được phỏng vấn tỏ ra rất mong đợi về phong cảnh. Đối với vệ sinh môi trường có 49% khách quan tâm, 42% quan tâm với vấn đề này. Thời tiết, khí hậu trong thời gian phỏng vấn cũng không là vấn đề gây khó khăn cho chuyến đi này nên khách du lịch thấy vấn đề thời tiết là bình thường, vì họ biết đi du lịch sinh thái thì cần thời tiết không mưa và khí hậu và rừng sẽ mát mẻ hơn.

Các công trình kiến trúc ở đây chỉ được quan tâm một phần: 12% rất mong đợi, 63% bình thường vì có lẽ khách mang tâm tưởng đi du lịch sinh thái chủ yếu là cắm trại, sinh hoạt ngoài trời; 23% khách đến đây quan tâm về thái độ của người dân bản địa, 67% khách quan tâm vấn đề này ở mức bình thường. Con người Việt Nam nổi tiếng với sự thân thiện nên đây không phải mối lo ngại của khách đến đây.

Sự quan tâm về điều kiện ăn ở của khách DLST ở mức độ bình thường 62%; 20% quan tâm. DLST ở tại công ty là vùng nông thôn vùng sâu vùng xa nên du khách xem giá cả ở đây bình thường 63%; và không quan tâm: 21%. Tâm lý của con người đi du lịch đâu đấy cũng có 1 món đồ, hay những tấm ảnh

để lưu niệm, nhưng đối với DLST thì có phần đặc biệt vì sự bảo tồn đa dạng sinh học nên du khách không trong mong mấy vào các quầy hàng lưu niệm, nên sự quan tâm này chỉ chiếm 29%; 40% là bình thường. Như đã nói ở trên, trước khi đi du lịch nói chung và DLST nói riêng, du khách thường tìm hiểu về điểm đến có những gì, để có chương trình đi phù hợp, và trong 03 tuyến tham quan của công ty thì nên có thêm các tuyến mới có tham quan làng dân tộc, nơi này du khách có thể may mắn đến đúng vào dịp có lễ hội vì thế du khách rất mong muốn mình gặp may, với khoảng 43% khách quan tâm. Đặc thù của DLST là tự mình khám phá thì mới thấy thú vị, nên về điểm vui chơi giải trí du khách quan tâm ở mức bình thường, với 41%, và 35% là không quan tâm. Thái độ của các hướng dẫn viên đường như cũng không kém phần quan trọng như đối với phong cảnh, ai được phỏng vấn cũng quan tâm đến yếu tố này, 39% bình thường, nhưng có đến 61% là quan tâm.

2.3.5. Thuyết minh chi tiết các điểm du lịch được ưu tiên phát triển

Trên cơ sở nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn điểm du lịch thuyết minh và lập bảng tổng hợp các điểm du lịch được lựa chọn, kèm theo bản đồ hiện trạng như ví dụ dưới đây:

Bảng 08: Tổng hợp các điểm du lịch ưu tiên phát triển

TT ưu tiên	Điểm du lịch	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch
1	Đồi thông, tại tiểu khu 1465, 1466, 1477, 1451	- Gần đường - Cảnh quan đẹp, có đồi thông, có rừng, có thể ngắm bình minh, hoàng hôn - Gần cổng soát vé...	- Du lịch sinh thái. - Du lịch khám phá thiên nhiên. - Du lịch cắm trại - Xây dựng các Bungalow, bể bơi... tại các vị trí đất trống dưới tán rừng, diện tích bảo đảm không vượt quá 5% theo quy định,	204 ha
2	Cây Đa di sản tại khoảnh 4 tiểu khu 1465	- Có cây Đa cổ thụ - Thuận lợi đường giao thông.	- Du lịch sinh thái. - Du lịch tìm hiểu về thiên nhiên.	10 ha

TT ưu tiên	Điểm du lịch	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch
3	Quần thể cây Băng lăng tại khoảnh 6 tiểu khu 1469.	- Có nhiều loài động vật có thể quan sát trực tiếp bằng mắt thường - Có quần thể băng lăng đẹp, làm say đắm lòng người - Thuận lợi tiếp cận các suối gần đó - Tiếp cận thuận tiện bằng đi bộ, xe đạp, ô tô.	- Du lịch sinh thái. - Du lịch khám phá thiên nhiên - Du lịch đi xe đạp địa hình. - Xây dựng các Bungalow tại các vị trí đất trống dưới tán rừng với diện tích xây dựng bảo đảm không vượt quá 5% theo quy định.	300 ha
4	Đồi vọng cảnh tại khoảnh 4 tiểu khu 1465	- Quan sát toàn cảnh rừng từ trên cao, có thể ngắm mây vào mùa mưa - Tiếp cận dễ dàng bằng ô tô, xe máy	- Du lịch sinh thái - Xây dựng chòi canh lửa kết hợp làm đài quan sát kết để ngắm toàn bộ cảnh rừng, cảnh mặt trời mọc và cảnh hoàng hôn	12 ha
5	Dốc mây tại tiểu khu 1482	- Ngắm một số loài động vật quý hiếm - Ngắm cảnh rừng vô cùng đẹp	- Khám phá thiên nhiên, đi bộ, xe đạp, mô tô địa hình - Du lịch sinh thái. - Xây dựng các Bungalow tại các vị trí đất trống dưới tán rừng với diện tích dự kiến xây dựng bảo đảm không vượt quá 5% theo quy định.	Dự kiến khoảng 500ha

TT ưu tiên	Điểm du lịch	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch
6	Thác Tiên Sa tại khoảnh 5, 6 tiểu khu 1465.	- Thác đẹp và hùng vĩ - Có đường mòn đi đến. Mức độ trung bình	- Khám phá thiên nhiên - Du lịch sinh thái - Trekking - Xây dựng các Bungalow tại các vị trí đất trống dưới tán rừng, diện tích dự kiến xây dựng bảo đảm không vượt quá 5% theo quy định.	Dự kiến khoảng 300ha
7	Khu nhà sàn tại khoảnh 9 tiểu khu 1469 và khoảnh 2 tiểu khu 1482	- Gần đường giao thông - Có hệ thống phòng nghỉ, có điện nước	- Khu vực đón tiếp hướng dẫn khách tham quan - Khu vực lưu trú cho khách du lịch - Xây dựng hệ thống nhà hàng, nhà nghỉ và các Bungalow, diện tích bảo đảm không vượt quá 5% theo quy định.	5 ha
8	Khu vực dọc theo các suối như (Đắc Rốt tiểu khu 1482, 1485; Đắc Zên, tiểu khu 1484, 1487, 1500, 1510, 1511; Đắc ken tiểu khu 1476, 1497, 1504, 1500, 1520)	- Có hệ thống đường mòn đi đến - Phù hợp với du khách thích khám phá thiên nhiên - Có bãi tắm đẹp - Có hệ thống các Bungalow để nghỉ ngơi	- Du lịch sinh thái, mạo hiểm, khám phá thiên nhiên, tìm hiểu về hệ động thực vật - Xây dựng các Bungalow tại các vị trí đất trống dưới tán rừng, diện tích bảo đảm không vượt quá 5% theo quy định.	

Bảng 09: Thuyết minh quy hoạch tại điểm du lịch sinh thái đồi thông

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái, cắm trại, nghỉ dưỡng đồi thông
Vị trí, quy mô	- Vị trí: tiểu khu 1459, 1465, 1466, 1451, 1470 - Quy mô quy hoạch: 204 ha
Định hướng chung	- Xây dựng thành Khu du lịch cắm trại cho toàn bộ đối tượng khách du lịch: từ khách du lịch thường đến cao cấp
Định hướng loại hình du lịch	- Du lịch sinh thái - khám phá thiên nhiên. - Du lịch nghỉ dưỡng; - Du lịch công vụ (hội nghị, hội thảo) - Cắm trại - Xây dựng các bungalow
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống; - Dịch vụ công vụ (hội thảo, hội nghị); - Dịch vụ chăm sóc sức khỏe; - Dịch vụ văn hóa văn nghệ; - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm; - Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp, bể bơi.
Định hướng khách hàng	- Toàn bộ khách du lịch từ bình thường đến cao cấp
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch cây Đa 3km; - Điểm du lịch đồi vọng cảnh: 10km; - Điểm du lịch nhà sàn: 6km;
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức hoặc - Cho thuê môi trường rừng hoặc - Hợp tác, liên kết.
Các hạng mục đầu tư	Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng bao gồm: - Trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính: 400m ²

	- Khu vực gửi xe: 1000 m² - Khu nhà nghỉ sinh thái (5.000m²). - Nhà hàng và dịch vụ tổng hợp: 2.000m² gồm nhà hàng, khu vực bán cà phê. - Khu vực trung tâm hội nghị và tổ chức sự kiện: 1.000m² - Khu vui chơi giải trí và chăm sóc sức khỏe 500m². - Bể bơi: 01 Bể bơi vô cực (500m²), 01 bể bơi 4 mùa (200m²) + khu dịch vụ tổng hợp (gần nhà nghỉ sinh thái). - Xây dựng các Bungalow phục vụ khách nghỉ qua đêm với tổng diện tích 2.000 m² - Cải tạo 01 suối gần đường đi để tạo cảnh quan - Cải tạo khu vực cắm trại và picnic 10.000m². - Xây dựng hệ thống bể chứa nước sinh hoạt, hệ thống cấp và thoát nước: 200m². - Xây dựng khu vực thu gom và xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt: 200m². ○ Trồng các loại hoa và cây cảnh quan (theo chủ đề và theo địa hình: đồi cỏ hồng... ○ Xây dựng khu vực văn cảnh, chụp ảnh để check in gồm có: tổ chim, dây đu, võng, bàn ghế thân thiện với môi trường... ○ Thiết kế các bảng chỉ dẫn, diễn giải giáo dục môi trường theo từng khu vực dịch vụ.
Thời gian thực hiện	Giai đoạn: 2025-2043
Lợi ích cho cộng đồng	Tạo công ăn việc làm, kinh tế cho một số lao động ở địa phương và công ty
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	Chú ý về đảm bảo không gây hại đến môi trường

Bảng 10: Điểm du lịch, nghỉ dưỡng, tìm hiểu về văn hóa nhà sàn M'ông

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái, cắm trại, nghỉ dưỡng nhà sàn
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Khoảng 2 tiểu khu 1482 - Quy mô quy hoạch xây dựng: 5 ha
Định hướng chung	- Xây dựng thành Khu du lịch cắm trại và tìm hiểu về văn hóa dân tộc bản địa ở Đắk Nông cho toàn bộ đối tượng khách du lịch: từ khách du lịch thường đến cao cấp
Định hướng loại hình du lịch	- Du lịch sinh thái - khám phá thiên nhiên. - Du lịch nghỉ dưỡng; - Du lịch công vụ (hội nghị, hội thảo) - Cắm trại
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống; - Dịch vụ công vụ (hội thảo, hội nghị); - Dịch vụ văn hóa văn nghệ; - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm; - Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp, bể bơi.
Định hướng khách hàng	- Toàn bộ khách du lịch từ bình thường đến cao cấp
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch cây Đa 3km; - Điểm du lịch đồi vọng cảnh: 5km; - Điểm du lịch nhà sàn: 0,2km;
Phương thức tổ chức	- Tự tổ chức hoặc - Cho thuê môi trường rừng hoặc - Hợp tác, liên kết.
Các hạng mục đầu tư	Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng bao gồm: - Khu vực gửi xe: 1000m ² - Khu nhà nhà sàn: 5.000m ² . - Khu vực trung tâm hội nghị và tổ chức sự

	kiện: 1000m ² - Bể bơi: 01 bể bơi 4 mùa (200m ²) - Xây dựng hệ thống nhà hàng phục vụ du khách ăn uống: 10.000 m ² - Cải tạo khu vực cắm trại và picnic: 5.000m ² . - Xây dựng hệ thống bể chứa nước sinh hoạt, hệ thống cấp và thoát nước: 200m ² . - Xây dựng khu vực thu gom và xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt: 200m ² . ○ Trồng các loại hoa và cây cảnh quan (theo chủ đề và theo địa hình) ○ Xây dựng khu vực văn cảnh, chụp ảnh để check in gồm có: tổ chim, dây đu, võng, bàn ghế thân thiện với môi trường... ○ Thiết kế các bảng chỉ dẫn, diễn giải giáo dục môi trường theo từng khu vực dịch vụ.
Chi phí ước tính	
Thời gian thực hiện	Giai đoạn: 2025-2043
Lợi ích cho cộng đồng	Tạo công ăn việc làm, kinh tế cho một số lao động ở địa phương và công ty
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	Chú ý về đảm bảo không gây hại đến môi trường

1. Điểm du lịch sinh thái nhà dài: Tận dụng nhà dài hiện có và đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời, khu nhà ăn, sân, vị trí tại khoảnh 9 tiểu khu 1469 và khoảnh 2 tiểu khu 1482
2. Các điểm du lịch sinh thái khác: Cây Đa tại khoảnh 4 tiểu khu 1465, quần thể cây Bằng lăng tại khoảnh 6 tiểu khu 1469 giữ nguyên hiện trạng, đầu tư sửa chữa các đường mòn, xây dựng các Bungalow để phục vụ du khách nghỉ qua đêm giữa đại ngàn Tây nguyên.
3. Điểm du lịch sinh thái Thác Tiên Sa tại khoảnh 5, 6 tiểu khu 1465: phát dọn dây leo, bụi rậm, đầu tư sửa chữa các đường mòn, xây dựng các Bungalow để phục vụ du khách nghỉ qua đêm giữa đại ngàn Tây nguyên.
4. Điểm du lịch sinh thái Dốc mây tại tiểu khu 1482: làm chòi vọng cảnh để ngắm rừng, xây dựng các Bungalow để phục vụ du khách nghỉ qua đêm giữa đại ngàn Tây nguyên

(Chi tiết sẽ có trong từng Dự án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí)

2.5.2. Thuyết minh chi tiết các tuyến du lịch

Trên cơ sở nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn điểm du lịch thuyết minh và lập bảng thuyết minh chi tiết từng tuyến du lịch được lựa chọn, kèm theo bản đồ hiện trạng.

Bảng 11: Thuyết minh về quy hoạch trên các tuyến du lịch (09 tuyến)

Tên tuyến	Tuyến 1 đến tuyến 8 và tuyến dọc theo các sông, suối
Loại hình du lịch trên tuyến	- Du lịch cộng đồng; - Du lịch sinh thái - trải nghiệm thiên nhiên. - Du lịch khám phá/mạo hiểm leo núi.
Các điểm tham quan, trải nghiệm trên tuyến	- Tham quan cảnh quan làng bản, trải nghiệm các nét văn hoá các dân tộc tại khu nhà dài. - Ngắm nhìn, chụp ảnh và trải nghiệm thiên nhiên tại thác Tiên Sa. - Đồi thông: cắm trại nghỉ ngơi, ăn tối, tham gia các hoạt động khám phá và diễn giải về thiên nhiên; ngắm cảnh từ đỉnh cao, tham gia tìm hiểu về các hệ sinh thái rừng tự nhiên trên đỉnh cao ở đồi thông. - Đi bộ, xe máy... xuyên rừng, quan sát các loài thực vật rừng, các loại động vật rừng, tắm suối... - Tổ chức các giải đua xe địa hình theo các tuyến. - Qua đêm tại các Bungalow được xây dựng, lắp ghép dọc theo các tuyến ở giữa đại ngàn Tây Nguyên
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	- Đi bộ, đi xe đạp, xe điện, xe máy, xe địa hình...
Nhóm khách hàng ưu tiên	- Khách thích mạo hiểm, khám phá và trải nghiệm thiên nhiên, sinh tồn (lưu ý là cần có sức khoẻ, có khả năng đi bộ); các nhà nghiên cứu, sinh viên tại các trường Đại học thực tập, nghiên cứu chuyên đề
Chiều dài các tuyến	Có sơ đồ các tuyến để du khách lựa chọn cho phù hợp với sở thích, sức khỏe của mình
Thời gian	5 -7 tiếng đi và về trong ngày. 2 ngày 1 đêm hoặc 3 ngày 2 đêm, 4 ngày 3 đêm cắm trại, hoặc nghỉ tại các Bungalow bố trí theo các tuyến
Mô tả chi tiết về	Ăn sáng tại khu nhà dài, rồi đi thăm quan các tuyến, điểm du

lịch trình	lịch chụp ảnh, tắm suối... Tùy thuộc vào tuyến du lịch du khách lựa chọn để bố trí thời gian tham quan, nghỉ ngơi và bố trí chỗ ăn, ở phù hợp
Phương thức tổ chức	Tự tổ chức và liên doanh liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư	- Xây dựng sửa chữa các đường lâm nghiệp cũ; làm bậc xuống các thác (thác Tiên Sa, Đắc rớt....) - Xây dựng các Bungalow trên các tuyến phục vụ du khách nghỉ qua đêm, diện tích xây dựng theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 24 của Nghị định 91/2024/NĐ-CP
Nguồn vốn đầu tư	Công ty sẽ cân đối nguồn vốn từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác
Thời gian thực hiện	2025-2043
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống kinh tế cho cán bộ công nhân viên, người dân địa phương.
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	Chú ý khi xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và tổ chức thực hiện không làm tổn hại tới tài nguyên và môi trường xung quanh
Ghi chú	

III. VỊ TRÍ, ĐỊA ĐIỂM, QUY MÔ, VẬT LIỆU, CHIỀU CAO, MẬT ĐỘ TỶ LỆ DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN TỒN TẠI CỦA CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ DU LỊCH SINH THÁI NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ

3.1. Vị trí, địa điểm, quy mô

Vị trí xây dựng các công trình, Bungalow xây dựng tại các vị trí đất không có rừng và các khoảng trống dưới tán rừng tự nhiên, rừng trồng áp dụng trên tất cả các tuyến, điểm du lịch sinh thái và các dự án cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững của Công ty tại Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 và được điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt tại Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh cụ thể như sau:

Đưa toàn bộ diện tích 27.086,29 ha Công ty đang quản lý vào phục vụ du lịch với nhiều hình thức khác nhau trên 38 tiểu khu (1445, 1451, 1452, 1458, 1459, 1465, 1466, 1467, 1469, 1470, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1481, 1482,

1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1495, 1496, 1497, 1498, 1500, 1501, 1504, 1505, 1506, 1510, 1511, 1512, 1520, 1522, 1528).

Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở những nơi đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi rừng, phục vụ công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng kết hợp dừng nghỉ, phát triển du lịch sinh thái với mục tiêu kết hợp giữa quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và du lịch sinh thái, thu hút khách du lịch từ các tỉnh ở phía Nam và các khu vực khác đến tham quan nghỉ dưỡng. Khu du lịch sinh thái này sẽ là sự kết hợp xây dựng các chòi canh lửa làm điểm tham quan ngắm cảnh; các tuyến đường mòn tuần tra QLBRV kết hợp đi bộ trong rừng; tận dụng các tuyến đường lâm nghiệp, đường mòn để sửa chữa và nâng cấp phục vụ du lịch mạo hiểm, du lịch sinh thái ... Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và nhu cầu phát triển du lịch sinh thái của đơn vị:

- Vị trí dự kiến cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Tại tiểu khu 1469; tiểu khu 1482; khoảnh 1, 2, 3, 4, 7 tiểu khu 1477; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 1485; khoảnh 1, 2 tiểu khu 1466; khoảnh 3 tiểu khu 1451 và tiểu khu 1465. Tổng diện tích dự kiến 4.860,2 ha. Tổng diện tích dự kiến quy hoạch là 28,84 ha đã được phê duyệt tại Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh. Nguyên tắc xây dựng chỉ xây dựng ở nơi đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi; tận dụng các khoảng trống dưới tán rừng để xây dựng các điểm dừng nghỉ (Bungalow), áp dụng trên toàn lâm phần Công ty quản lý và theo tình hình thực tế về nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật để phục vụ cho công tác phát triển du lịch.

Vị trí, địa điểm xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, bao gồm: xây dựng điểm, tuyến du lịch, hệ thống nhà nghỉ dưỡng, hệ thống khu nhà văn hóa cộng đồng, khu vui chơi giải trí và dịch vụ ăn uống cho du khách... Tại tiểu khu 1469; tiểu khu 1482; khoảnh 1, 2, 3, 4, 7 tiểu khu 1477; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 tiểu khu 1485; khoảnh 1, 2 tiểu khu 1466; khoảnh 3 tiểu khu 1451 và tiểu khu 1465; diện tích đất trống dọc theo tuyến du lịch, diện tích đất trống dọc theo suối, khe, thác... Tổng diện tích dự kiến quy hoạch là 28,84 ha (Xây dựng ở nơi đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi; ngoài ra, tận dụng các khoảng trống dưới tán rừng để xây dựng các điểm dừng nghỉ (Bungalow), áp dụng trên toàn lâm phần Công ty quản lý và theo tình hình thực tế về nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật để phục vụ cho công tác phát triển du lịch, tùy theo quy mô của dự án để xác định diện tích xây dựng bảo đảm không vượt quá 5% diện tích dự án)

- Hiện trạng đất dự kiến xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái: Đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi (Diện tích đất trống được thể hiện trong Quyết định công bố kết quả diễn biến rừng hàng năm) và tận dụng các khoảng trống dưới tán rừng.

- Việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ theo quy định của Luật đất đai, Luật đầu tư, Luật

xây dựng, Luật lâm nghiệp, Luật đa dạng sinh học và các quy định khác về kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và trong khuôn khổ của pháp luật Việt Nam quy định.

Quy mô của các công trình phải phù hợp với mục đích sử dụng và cảnh quan thiên nhiên, không phá vỡ cảnh quan môi trường và theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

3.2. Vật liệu, chiều cao, mật độ dự kiến và thời gian tồn tại của Công trình.

- Vật liệu xây dựng ưu tiên sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, phù hợp với thiên nhiên

Đối với những nơi đất trống không có rừng thì có thể sử dụng vật liệu xây dựng công trình kiên cố, đối với những hạng mục công trình có yêu cầu kỹ thuật và vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Đối với các công trình xây dựng dưới tán rừng thì sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, các kiểu nhà lắp ghép, dễ tháo rời...

- Chiều cao của các công trình xây dựng: Các công trình xây dựng phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan môi trường, chiều cao tối đa của các công trình nghỉ dưỡng không vượt quá 12m.

- Mật độ và thời gian tồn tại của công trình: Mật độ xây dựng công trình bảo đảm hài hòa, phù hợp với điều kiện thực tế, không ảnh hưởng đến tài nguyên rừng và theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; thời gian tồn tại của Công trình theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật của công trình đã được cơ quan có thẩm quyền, phê duyệt.

IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG, ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

4.1. Đánh giá tác động môi trường của giai đoạn thi công xây dựng

a) Đánh giá và dự báo tác động

- **Tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn:** Các hoạt động tại công trường như đào đất, san ủi mặt bằng, vận chuyển bốc dỡ nguyên vật liệu cùng sự hoạt động của các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thi công cơ giới tại công trường sẽ gây ra tiếng ồn, bụi, khí thải.

- **Tác động của nước thải:** Việc thi công xây dựng có sử dụng nhân công nên phát sinh một lượng nước thải sinh hoạt và phải được kiểm soát chặt chẽ để không làm ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm và môi trường tại công trường.

- **Tác động của chất thải rắn:** Chất thải rắn gồm chất thải từ quá trình xây dựng và rác thải sinh hoạt của người lao động xây dựng. Nếu không quản lý, thu gom, xử lý có thể bị cuốn trôi theo nước mưa gây tắc nghẽn đường thoát nước và gây ra các vấn đề không đảm bảo vệ sinh khác. Chất thải rắn được phân loại, theo đó một số chất thải rắn như xà bần, cát, sỏi sẽ sử dụng làm vật liệu san lấp tại chỗ, các loại rác thải khác như bao bì và rác thải sinh hoạt được thu gom và giao cho Đơn vị dịch vụ môi trường xử lý.

- **Các tác động khác:** Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái và đa dạng sinh học rừng, sự cố cháy rừng.

Bảng: Nguồn gây tác động, đối tượng bị tác động trong giai đoạn thi công

	Nguồn gây tác động môi trường	Đối tượng, quy mô bị tác động	Mức độ bị tác động
Tác động liên quan đến chất thải	- Nước thải sinh hoạt của công nhân - Nước thải thi công: rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; nước thải rửa dụng cụ và thiết bị - Nước mưa chảy tràn khu vực thi công	- Môi trường nước mặt - Công nhân viên làm việc trên công trường (200 người) - Môi trường rừng khu vực Đề án	Mức độ tác động không cao, ngăn hạn và có thể kiểm soát được
	- Bụi từ hoạt động phát quang - Bụi từ quá trình đào đắp, san nền - Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển vật liệu, thiết bị thi công - Bụi từ quá trình tập kết vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng - Nhiệt, mùi từ quá trình trải thảm nhựa đường - Mùi từ khu vực tập kết chất thải	- Chất lượng không khí khu vực Đề án, phạm vi diện tích thi công xây dựng của Đề án - Công nhân viên làm việc trên công trường (100 người) - Người dân sống dọc các tuyến đường vận chuyển - Môi trường rừng khu vực Đề án	Mức độ tác động không cao, ngăn hạn và có thể kiểm soát được

	- Rác thải sinh hoạt của công nhân - Chất thải rắn trong quá trình xây dựng - Chất thải nguy hại	- Môi trường đất, nước, không khí khu vực Đề án - Công nhân viên làm việc trên công trường (100 người) - Môi trường rừng khu vực Đề án	Mức độ tác động không cao, ngăn hạn và có thể kiểm soát được
Tác động không liên quan đến chất thải	Giải phóng mặt bằng	Môi trường rừng khu vực Đề án	Mức độ tác động không cao, ngăn hạn và có thể kiểm soát được
	- Tiếng ồn, rung từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công - Nhiệt thừa từ quá trình thi công có gia nhiệt, hoạt động của máy móc,...	- Công nhân viên làm việc trên công trường (100 người) - Môi trường rừng khu vực Đề án	Mức độ tác động không cao, ngăn hạn và có thể kiểm soát được
	Sự tập trung đông công nhân tại khu vực Đề án - Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh các tác động tiêu cực như rượu chè, bài bạc, hút chích, đánh nhau,...	- Kinh tế xã hội và an ninh trật tự tại địa phương - Môi trường rừng khu vực Đề án - Người dân trên địa bàn Đề án	Mức độ tác động không cao, ngăn hạn và có thể kiểm soát được
Các rủi ro, sự cố môi trường	- Sự cố cháy nổ, cháy rừng - Sự cố tai nạn lao động - Sự cố tai nạn giao thông - Sự cố ngập úng	- Công nhân viên làm việc trên công trường (100 người) - Môi trường rừng khu vực Đề án - Người dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển	Mức độ tác động không cao, ngăn hạn và có thể kiểm soát được

b) Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

- Về công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ nước thải

(1). Đối với nước thải từ hoạt động thi công xây dựng

Nước thải từ hoạt động thi công xây dựng được thu gom qua các rãnh thu có kích thước 0,5 x 0,8 m về 01 hố lắng tại khu vực rửa xe ra vào công trình có dung tích 5,63 m³. Nước sau hố lắng sẽ được tái sử dụng tưới ẩm đường và khu vực thi công, không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực. Bùn đất, cát và dầu mỡ tại hố lắng được thu gom và thuê các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

(2). Đối với nước thải sinh hoạt

Với số lượng công nhân thi công xây dựng tối đa khoảng 100 người, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh theo tính toán là 7,5 m³ /ngày.đêm: Bố trí 10 nhà vệ sinh di động đặt tại các vị trí nơi công nhân thi công, Đảm bảo nước thải sinh hoạt tại công trường phải được thu gom, lập nội quy công trình.

(3). Đối với nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn giai đoạn thi công được thu gom theo các đường rãnh dọc bố trí xung quanh các khu vực thi công với kích thước 0,4 x 0,4 m, được lắp sơ bộ bằng hố ga (lắp đặt) kích thước hố ga: 1m x 1m x 1,2m để lắng đất đá và các chất rắn lơ lửng trước khi chảy ra hệ thống thoát nước khu vực; thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước mưa, nạo vét bùn cát các hố ga định kỳ 6 tháng/lần; thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường.

Thường xuyên thu dọn các chất bẩn trên mặt bằng công trường thi công, đảm bảo thi công tới đâu gọn gàng tới đó; hạn chế thi công vào mùa mưa lũ. – Cần che chắn, phủ bạt các nguyên vật liệu kỹ lưỡng và có khu vực tập kết riêng. Bố trí nơi tập kết máy móc, thiết bị đảm bảo nhằm tránh hiện tượng rò rỉ dầu nhớt theo dòng nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước mặt.

- Về công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ bụi, khí thải

(1). Giảm thiểu bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển, máy móc thi công

Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép.

Sử dụng nhiên liệu đúng chất lượng quy định của máy móc, nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

Các phương tiện vận chuyển không nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị.

Bố trí hệ thống phun xịt tại công ra vào công trường nhằm xịt rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi Đề án nhằm hạn chế lòi bùn đất từ công trường ra ngoài.

(2). Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình

Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

Làm ẩm khu vực có khả năng phát tán bụi 01 lần/ngày.

Thiết lập hàng rào tôn cao 3 m tại các khu vực thi công; tại các công trình đang thi công sử dụng bao lưới chống bụi quanh công trình.

Phun rửa các tuyến đường vận chuyển vật liệu trong Đề án với tần suất 01 lần/ngày.

Bố trí khu vực hàn, cắt, xì ở khu vực ít người qua lại và cuối hướng gió, tránh ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trên công trường.

(3) Giảm thiểu mùi tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

Tại khu vực tập kết rác thải, các thùng chứa rác thải sẽ được vệ sinh và phun enzyme khử mùi định kỳ 01 lần/ngày.

Ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng theo đúng quy định. Rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày nhằm hạn chế phân hủy kỵ khí và phát sinh mùi.

Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

(1) Chất thải rắn từ quá trình phát quang

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình phát quang chủ yếu là sinh khối thực vật sẽ được bàn giao cho các đơn vị chức năng tại khu vực thu gom, xử lý đúng quy định.

(2) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại bằng các thùng chứa rác tạm thời (có 2 ngăn: rác thải vô cơ; rác thải hữu cơ)

(3) Chất thải rắn xây dựng

Chất thải rắn xây dựng được thu gom, phân loại và lưu giữ trong kho chứa tạm có diện tích $24m^2$, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

(4) Chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ trong 05 thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

Các thùng chứa được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời trên công trường có diện tích $12m^2$. Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bằng tôn, nền bê tông chống thấm, có bảng tên, biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Tần suất thu gom chất thải nguy hại dự kiến là 3 tháng/lần. Tần suất thu gom chất thải phụ thuộc vào khối lượng chất thải trong kho

Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Để giảm mức ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng đến các khu vực lân cận sẽ áp dụng các biện pháp sau:

Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có tiếng ồn và độ rung thấp; không thi công sau 22h đến 6h sáng hôm sau.

Che chắn xung quanh khu vực công trường bằng tôn với chiều cao 3m.

Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, xe vận chuyển, đồng thời không sử dụng các loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

Kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

Kê cân bằng máy.

Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung.

Bố trí các máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách hợp lý. Đơn vị thi công sẽ sử dụng các phương pháp hiện đại có độ ồn nhỏ để thi công.

Kiểm tra mức độ ồn rung trong quá trình xây dựng để đặt ra lịch thi công phù hợp để mức tiếng ồn đạt tiêu chuẩn cho phép.

Không vận hành cùng một lúc đối với các thiết bị, máy móc có tiếng ồn/rung lớn để tránh cộng hưởng âm.

Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong công trường (nút tai chống ồn). Đồng thời, giám sát chặt chẽ và nhắc nhở việc thực hiện các nội quy về an toàn lao động của tất cả công nhân.

Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

(1) Biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học

Thành lập tổ giám sát thi công riêng cho Đề án; tổ chức tuần tra, giám sát các bước thi công của Đề án trên hiện trường theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

Nghiêm cấm công nhân có các hành vi xâm hại đa dạng sinh học khu vực thi công xây dựng.

Nhà thầu thi công yêu cầu công nhân xây dựng trên công trường phải chấp hành tuyệt đối các nội quy, quy chế chung như: không đến quá gần các loài động vật hoang dã; không săn bắt các loài động vật hoang dã (chim, thú, bò sát); không khai thác, chặt phá các loại cây rừng; nghiêm cấm các hoạt động mua bán các sản phẩm thực vật rừng, động vật hoang dã trái phép,...

Nghiêm cấm vứt rác ra môi trường rừng khu vực Đề án, vứt rác và phóng uế bừa bãi xuống nguồn nước mặt

(2) Biện pháp bảo vệ bảo vệ cảnh quan tự nhiên khu vực

Tuân thủ các quy định hiện hành về an ninh, quốc phòng, bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên, môi trường; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Đề án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

Trong quá trình thi công phải đảm bảo về không gian, kiến trúc, cảnh quan, hình khối, màu sắc, vật liệu thân thiện với môi trường, kiến trúc của từng công trình và tổng thể toàn khu vực đảm bảo đúng chức năng sử dụng, phù hợp tính chất công trình, đảm bảo không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên khu vực.

(3) Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường đất

Việc thi công xây dựng gây ảnh hưởng cục bộ tới chất lượng đất khu vực. Để giảm thiểu tác động này sẽ tiến hành các biện pháp sau:

Lập kế hoạch thi công hợp lý để rút ngắn thời gian thi công.

Bố trí các máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách hợp lý, không tập trung một chỗ.

Thu gom, lưu giữ chất thải lỏng (dầu nhớt) theo đúng quy định, tránh hiện tượng rò rỉ, đổ tràn ra môi trường đất.

c) Các công trình, biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng

(1) Sự cố bom mìn

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án sẽ phối hợp với đơn vị chuyên ngành nhằm thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ. Phạm vi rà phá bom mìn, vật nổ được thực hiện trên toàn bộ diện tích xây dựng các dự án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí sau khi Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt. Công tác rà phá bom mìn sẽ thu hồi các bom mìn từ thời chiến tranh còn tồn lưu lại. Toàn bộ bom mìn (nếu có) từ hoạt động rà phá bom mìn sẽ được đơn vị chuyên ngành thu gom, xử lý đúng quy định

(2) Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, cháy rừng

Lắp đặt các đèn báo hiệu, chuông báo cháy theo đúng tiêu chuẩn tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao. Tất cả công nhân viên trước khi thi công được tập trung phổ biến, thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống cháy nổ và tại các vị trí lán trại thi công đều được bố trí mỗi gian một bình bột chữa cháy.

Khi phát hiện cháy rừng phải thông báo ngay lập tức với chính quyền địa phương, Công ty lâm nghiệp quản lý rừng để hỗ trợ và đồng thời huy động lực lượng 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ) để chữa cháy.

Xây dựng nội quy và hướng dẫn du khách, nhân viên thực hiện nghiêm túc công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

Các Chủ dự án thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí chịu toàn bộ kinh phí cho mọi hoạt động phòng cháy chữa cháy rừng tại khu vực Dự án.

Phối hợp với Đơn vị chủ rừng để quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và cách xử lý vi phạm; kiểm tra định kỳ hàng tháng về việc phòng cháy, chữa cháy rừng.

Lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (kho xăng dầu, kho vật tư dễ cháy nổ). Công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực dễ cháy.

Ban hành nội quy an toàn lao động và phòng chống cháy nổ, cháy rừng. Tại công trường cấm đun nấu bừa bãi và không đúng nơi quy định, nơi đun nấu phải cách ly với những vật dễ cháy nổ. Quy định nơi hút thuốc lá riêng biệt,

nghiêm cấm vứt tàn thuốc vào các vật liệu dễ cháy như thùng nhiên liệu, bao bì, lá cây rừng khô,....

Tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ, cháy rừng cho công nhân xây dựng trước khi bắt đầu xây dựng Đề án.

4.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

a) Đánh giá, dự báo các tác động

Việc đánh giá và dự báo các tác động môi trường, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Đề án chủ yếu tập trung vào một số tác động sau:

(1) Nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khách du lịch, nhân viên làm việc, khu dịch vụ nhà hàng khách sạn. Thành phần: BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ khoáng, tổng Coliform

(2) Khí thải

Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, đun nấu; mùi từ hệ thống xử lý nước thải, khu trung chuyển rác thải. Thành phần phát sinh: Bụi, CO, NO₂, SO₂.

(3) Chất thải rắn, chất thải nguy hại

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khách du lịch, nhân viên làm việc tại Đề án. Thành phần chính là rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa không đạt tiêu chuẩn, giấy vụn), rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh).

Chất thải phát sinh từ quá trình chăm sóc cây xanh phát sinh.

Bùn từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh.

Chất thải nguy hại từ quá trình vận hành các công trình nghỉ dưỡng, công trình bảo vệ môi trường, chăm sóc cây xanh phát sinh. Thành phần chính là dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn hỏng, pin và ắc quy hỏng, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, bao bì phân bón, hộp mực in.

(4) Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào khu du lịch.

(5) Các tác động khác

Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái và đa dạng sinh học rừng; tác động đến chất lượng nước mặt; sự cố sạt lở, sự cố cháy rừng.

Bảng: Nguồn gây tác động và đối tượng bị tác động trong giai đoạn vận hành

Nguồn gây tác động môi trường		Đối tượng, quy mô bị tác động	Mức độ bị tác động
Tác động liên quan đến chất thải	– Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Đề án và du khách tham quan, lưu trú – Nước mưa chảy tràn	– Môi trường nguồn nước mặt tiếp giáp Đề án – Môi trường đất khu vực Đề án – Cán bộ, nhân viên làm việc tại Đề án – Du khách tham quan, nghỉ dưỡng	Mức độ tác động cao, dài hạn và có thể kiểm soát được
	– Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực Đề án – Khói, mùi từ khu vực bếp nấu – Mùi từ khu vực tập kết chất thải và khu vực trạm XLNT	– Chất lượng không khí khu vực Đề án, phạm vi diện tích Đề án – Cán bộ, nhân viên làm việc tại Đề án – Du khách tham quan, nghỉ dưỡng – Môi trường rừng khu vực Đề án	Mức độ tác động không cao, lâu dài và có thể kiểm soát được
Tác động không liên quan đến chất thải	– Tiếng ồn từ hoạt động của các phương tiện giao thông, du khách tham quan – Nhiệt thừa do hoạt động nấu nướng, tập trung khách tham quan, hệ thống điều hòa,....	– Cán bộ, nhân viên làm việc tại Đề án – Du khách tham quan, nghỉ dưỡng – Môi trường rừng khu vực Đề án	Mức độ tác động không cao, dài hạn và có thể kiểm soát được
	Sự tập trung đông cán bộ, nhân viên làm việc tại Đề án và du khách tới tham quan, nghỉ dưỡng	– Kinh tế xã hội và an ninh trật tự tại địa phương – Môi trường rừng khu vực Đề án	Mức độ tác động không cao, dài hạn và có thể kiểm soát được

b) Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

(1) Tác động do tiếng ồn

Khi Đề án đi vào vận hành, nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị (như máy điều hòa, máy hút bụi...), từ các phương tiện giao thông (xe ô tô, xe gắn máy,...), từ các máy móc thiết bị tại trạm xử lý nước thải. Tiếng ồn còn phát sinh từ các trạm xử lý nước thải do máy bơm, máy thổi khí hoạt động. Đối với các thiết bị như máy bơm nước thải, bơm bùn độ ồn phát sinh đo được thường 65 - 70dBA; riêng đối với các máy thổi khí độ ồn phát sinh thực tế là rất cao 60- 82dBA vượt tiêu chuẩn âm học QCVN 26:2010/BTNMT (đối với khu dân cư 70dBA). Chính vì vậy, Đề án đã bố trí phòng điều khiển riêng cho các máy thổi khí, cách xa với các khu chức năng khác, do đó nguồn ồn này tác động không đáng kể đến khu vực xung quanh và du khách.

Tiếng ồn là tác nhân gây ô nhiễm khá quan trọng và có thể ảnh hưởng đến sức khỏe khách tham quan, nghỉ dưỡng, cán bộ công nhân làm việc tại Đề án nếu tiếp xúc trong thời gian dài. Tiếng ồn ảnh hưởng đến thính giác, tiếp xúc với tiếng ồn cường độ cao trong thời gian dài sẽ làm suy giảm thính lực, dẫn tới bệnh điếc. Ngoài ra, tiếng ồn còn ảnh hưởng đến các cơ quan khác của cơ thể như làm rối loạn chức năng thần kinh, gây bệnh đau đầu, chóng mặt, có cảm giác sợ hãi. Tiếng ồn cũng gây nên các thương tổn về tim mạch và làm tăng các bệnh về đường tiêu hóa.

(2) Tác động đến môi trường đất, nước ngầm

Hoạt động trồng, chăm sóc cây xanh trong khu vực Đề án làm phát sinh sinh khối từ quá trình cắt tỉa (cành, lá); bao bì phân bón; bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Nếu không có biện pháp thu gom xử lý, các loại chất thải này sẽ bị phân hủy (cành, lá) hoặc phát tán ra ngoài môi trường khi gặp điều kiện thuận lợi (tràn đổ hoặc mưa), gây ô nhiễm cho môi trường đất, nước mặt do quá trình rửa trôi khi mưa hoặc gây ô nhiễm cho tầng nước ngầm thông qua quá trình thẩm thấu.

(3) Tác động đến đa dạng sinh học khu vực

Hệ sinh thái thực vật khu vực Đề án có thể bị tác động bởi các hoạt động tham quan đi dạo dưới tán cây rừng của du khách hoặc từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại Đề án. Nếu công tác quản lý của Đề án không chặt chẽ, ý thức của du khách chưa cao thì có thể diễn ra tình trạng chặt phá cây rừng, xả rác không đúng nơi quy định, khắc đẽo thân cây... ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển các loại cây rừng trong khu đất Đề án.

Môi trường sống của động vật hoang dã có thể bị tác động bởi tiếng ồn, âm thanh, khói, lửa,... do các hoạt động của du khách tham quan như: cắm trại,

dã ngoại vượt địa hình. Những ảnh hưởng đó có thể tác động trực tiếp hoặc có thể kết hợp với nhau để tác động một cách gián tiếp đến quần thể động vật. Khi bị tác động, các động vật hoang dã thường có một số biểu hiện sau:

+ Trốn tránh hoạt động: Trong khi một số loài tìm cách tránh những vùng đất môi trường sống bị thay đổi như là gần những đường mòn, một số khác có khả năng tự thích nghi với môi trường sống bị thay đổi.

+ Sự xáo trộn về sinh lý: Sự xáo trộn về sinh lý đối với động vật hoang dã từ ánh sáng, âm thanh và mùi của những hoạt động và những sản phẩm do con người tạo ra đã được nghiên cứu và ghi nhận. Hầu hết sự phản ứng của động vật hoang dã đã được nghiên cứu, những yếu tố gây ra stress, sự xáo trộn sinh lý như là nhiệt độ,...sẽ dẫn đến những hành động cảnh giác và lo lắng thường xuyên.

+ Hành động lẩn tránh, chạy trốn: Các loài động vật có vú lớn trong những vùng rộng lớn khi gặp những tác động lạ đơn giản là chúng chạy trốn từ từ hay đột ngột. Việc này sẽ dẫn đến số lượng loài sẽ bị giảm đáng kể.

Nhìn chung, những tác động từ Đề án đến hệ sinh thái động thực vật trong khu vực Đề án và xung quanh là không đáng kể. Tuy nhiên, vẫn cần thiết phải có những biện pháp quản lý, giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt các khía cạnh môi trường phát sinh theo đúng quy định.

4.3. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

a) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

(1) Nước thải sinh hoạt

- Bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải

Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh các khu nhà chức năng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được đưa vào hệ thống xử lý nước thải. Bùn trong bể tự hoại sẽ được Đề án thuê đơn vị có chức năng đến thu gom định kỳ hàng năm.

- Hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Đề án được thu gom theo đường ống ngầm HDPE có đường kính D160, D250 sẽ được xử lý nước theo các bước như sau:

Bước 1: Tiến hành bơm nước thải sinh hoạt và tiến hành tách dầu mỡ trước khi đưa nước vào bể thu gom. Quá trình này bảo đảm rác thải và các chất cặn, bã được loại bỏ hoàn toàn.

Bước 2: Bể điều hòa tiếp nhận nước từ bể thu gom và được sục khí liên tục đáp ứng cho quá trình xử lý liên tục mà không bị quá tải.

Bước 3: Bể thiếu khí được trang bị các giá thể sinh học nhằm nuôi dưỡng cá thể vi sinh vật tồn tại trong nước. Tại đây sẽ diễn ra quá trình nitrat hóa, phân hủy các chất hữu cơ thành CO_2 , H_2O , CH_4 ... đồng thời hàm lượng BOD cũng giảm theo.

Bước 4: Tại bể hiếu khí các sinh vật bám trên giá thể thông qua quá trình chuyển động liên tục dẫn đến quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ diễn ra nhanh hơn. Chính vì vậy, các vi sinh vật đóng vai trò quan trọng trong việc tiêu diệt các hợp chất hữu cơ trong nguồn nước thải này. Quá trình này luôn đảm bảo hàm lượng BOD không được vượt quá ngưỡng 50mg/l.

Bước 5: Nước chảy sang bể hồi lưu để tiến hành Nitrat hóa.

Bước 6: Cặn bùn còn sót lại sẽ tiếp tục lắng đọng xuống đáy tại bể lắng cơ học, bể chứa bùn là môi trường giữ lại các chất cặn bã, bùn và cát.

Bước 7: Nước sinh hoạt sau khi xử lý sẽ được tái sử dụng để tưới tiêu hoặc được khử trùng để tiếp tục sử dụng.

Sau khi Đề án được phê duyệt, thù thuộc vào quy mô của từng dự án đề xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hợp lý, phù hợp với quy mô của các dự án

- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt sau khi xử lý: nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý phải đạt được các thông số theo quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị	
			Nước tái sử dụng để sinh hoạt	Nước thải ra môi trường
1	Ph	-	5 - 9	5 – 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mg/l	30	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng	Mg/l	50	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	Mg/l	500	1000
5	Sunfua (tính theo H ² S)	Mg/l	1.0	4.0
6	Amoni (Tính theo N)	Mg/l	5	10
7	Nitrat NO ₃ (Tính theo N)	Mg/l	30	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	Mg/l	10	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mg/l	5	10

10	Phosphat (Tính theo P)	Mg/l	6	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3000	5000

(2) Nước mưa chảy tràn

Nước thải mưa của Đề án được thu gom theo đường ống BTCT có đường kính D400, D600, D800, D1000 thu gom. Nước mưa sẽ được thu gom về các hố ga riêng của từng công trình để lắng trước khi thoát ra môi trường. Dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác, thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước.

b) Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

(1) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh là 0,05%.

Bố trí mảng xanh xung quanh các khu chức năng bằng cây có tán, tiểu cảnh, cỏ.

Bố trí đội chuyên trách làm nhiệm vụ vệ sinh, quét dọn thường xuyên các tuyến đường giao thông nội bộ, sân bãi, bãi đậu xe và các khu vực khác của Đề án.

(2) Biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ các trạm xử lý nước thải, khu tập kết rác tập trung của Đề án

Tại khu vực tập kết tạm rác thải, các thùng chứa rác thải sẽ được vệ sinh và phun khử mùi định kỳ hàng ngày.

Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường của trạm xử lý nước thải tối thiểu 15m. Hàng lang cây xanh cách ly trạm xử lý nước thải đảm bảo tối thiểu là 10 m.

Kiểm tra hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thường xuyên, nhanh chóng phát hiện sự cố và sửa chữa để tránh nước thải phân hủy, không xử lý kịp thời gây mùi khó chịu.

(3) Biện pháp giảm thiểu mùi thức ăn khu vực nhà bếp, nhà hàng và khu ẩm thực

Tại khu vực bếp nấu các nhà hàng, khu ẩm thực, khu nhà biệt thự sẽ phát sinh khói, mùi từ quá trình nấu nướng chế biến thức ăn, từ đó gây ảnh hưởng đến các khu vực khác của Đề án. Để không chế sẽ áp dụng các biện pháp sau:

Bố trí hệ thống quạt hút, máy khử mùi và khói thải bằng than hoạt tính. Bố trí cửa thông gió tại khu vực nhà bếp của Đề án. Toàn bộ mùi thức ăn sau khi qua hệ thống khử mùi bằng than hoạt tính sẽ được thoát ra ngoài thông qua các cửa thông gió tại mỗi khu nhà.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

(1) Đối với chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được phân loại ngay từ nguồn tại từng khu chức năng, bố trí thùng chứa rác có 03 ngăn (để chứa riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác). Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ tiến hành thu gom rác và đưa về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt của Đề án. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt hàng ngày theo đúng quy định.

(2) Đối với chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong 02 kho chứa chất thải nguy hại (gồm 01 kho có diện tích 20m² và 01 kho có diện tích 12m²). Thuê đơn vị có chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đúng quy định.

d) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông:

Các phương tiện tham gia hoạt động của Đề án phải được cấp phép đăng kiểm theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, phương tiện, máy móc, đảm bảo cho quá trình vận hành của phương tiện không gây tiếng ồn vượt tiêu chuẩn quy định.

Giới hạn tốc độ khi phương tiện lưu thông trong khuôn viên Đề án (tốc độ quy định 5 - 15 km/giờ) và hạn chế bóp còi. Thực hiện trồng cây xanh trong khuôn viên Đề án theo đúng như thiết kế. Sóng âm truyền qua các dây cây xanh sẽ bị suy giảm năng lượng, mức cường độ âm thanh bị giảm nhiều hay ít phụ thuộc vào mật độ lá, kiểu lá, kích thước lùm cây và chiều rộng dãy đất trồng cây. Các dây cây xanh sẽ có tác dụng làm phản xạ âm, do đó làm giảm bớt mức ồn trong khuôn viên Đề án.

Đối với tiếng ồn từ hoạt động của các trạm xử lý nước thải: Các máy móc thiết bị phục vụ cho việc vận hành trạm xử lý nước thải sẽ được kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

e) Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

(1) Biện pháp giảm thiểu tác động đến tài nguyên sinh vật và các hệ sinh thái

Đề án tổ chức hoạt động du lịch sinh thái có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, về bảo vệ môi trường, về du lịch, ngoài ra phải thực hiện các quy định sau:

Quản lý, bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng trên phần kinh doanh du lịch sinh thái, phổ biến các quy định của nhà nước, pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường cho du khách tham quan, nghỉ dưỡng.

Xây dựng nội quy, quy định quản lý du khách, trong đó nêu những điều du khách không được làm khi tham gia du lịch sinh thái:

Xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng, hạn chế ánh sáng và tiếng ồn vào ban đêm.

Tăng cường tuần tra phát hiện kịp thời các hành vi phá hoại như chặt phá rừng, đốt rừng làm rẫy, săn bắt động vật hoang dã,....

Tăng cường vệ sinh môi trường, không đổ rác thải, đi tiêu bừa bãi ra môi trường xung quanh.

(2) Biện pháp giảm thiểu rủi ro xâm hại đa dạng sinh học

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, nhân viên và du khách về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học trước khi bắt đầu hoạt động tham quan; đặt các bảng tuyên truyền ở những nơi cần thiết.

Nghiêm cấm, có biện pháp xử phạt các nhân viên không nghiêm túc chấp hành các biện pháp bảo vệ môi trường và có các hành vi xâm hại đa dạng sinh học.

Tăng cường tuần tra phát hiện các hoạt động trái phép trong khu vực Đề án.

Thực hiện đúng theo Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Nghiêm cấm các hành vi xâm hại sinh vật rừng.

Phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước và Công ty lâm nghiệp thực hiện các đề án giám sát đa dạng sinh học trong khu vực Đề án.

f) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro sự cố trong giai đoạn vận hành

(1) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Biện pháp phòng ngừa

Bố trí hệ thống báo cháy, chữa cháy đồng bộ và đặt tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao. Tổ chức các lớp tập huấn, tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy hiệu quả.

Lắp đặt tủ báo cháy cho toàn bộ các khu vực chức năng, các đầu báo cháy lắp đặt ở những vị trí tương ứng cho từng khu vực.

Bố trí bơm chữa cháy chia theo từng cụm. Việc bố trí các cụm bơm chữa cháy phải đáp ứng được các tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy tại QCVN 02:2020/BCA - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm bơm nước chữa cháy.

Bố trí bình chữa cháy cho từng tầng, các hạng mục của công trình. Vị trí đặt bình chữa cháy đảm bảo dễ thấy và dễ lấy. Mỗi vị trí bao gồm 1 bình chữa cháy xách tay 5kg, 1 bình bột chữa cháy 8kg đặt cạnh hộp vòi chữa cháy.

Tiến hành lập phương án PCCC và trình cơ quan chức năng phê duyệt theo đúng quy định.

Khu khách sạn cao tầng bố trí lối thoát hiểm nhằm sử dụng khi sự cố xảy ra theo đúng quy định, cần đáp ứng được những yêu cầu sau:

- + Có thông gió điều áp và không bị tụ khói ở buồng thang.
- + Có đèn chiếu sáng sự cố.
- + Thang phải thông thoáng từ mặt đất lên các tầng và có lối lên mái.
- + Các lối ra phải dễ nhận thấy và đường dẫn tới lối ra phải được đánh dấu rõ ràng bằng ký hiệu hướng dẫn.
- + Không được lắp gương ở gần lối ra vào.
- Biện pháp ứng phó

Khi nhận được tin báo cháy: Ngay khi nhận được tin báo cháy, nhân viên bảo vệ phải nhanh chóng đến địa điểm báo cháy kiểm tra xem đó là thật hay giả, mức độ lớn hay nhỏ.

Thông báo cho toàn bộ các bộ phận có liên quan. Chuyển bộ đàm sang kênh khẩn cấp và không được gọi nếu không cần thiết. Nếu cháy nhỏ và nhận định không nguy hiểm thì phải tự mình sử dụng các phương tiện PCCC gần đó để dập tắt. Tuyệt đối tránh tình trạng hoảng sợ không đáng có gây sự hoảng loạn đến mọi người. Nếu cháy lớn và có thể xác định lây lan nguy hiểm cần phải đập bẻ các thiết bị báo cháy để thông tin mọi nơi.

Xác định tính chất của vụ cháy: độ cao ngọn lửa, diện tích đám cháy, nhiệt độ tỏa ra từ đám cháy – tốc độ lây lan của ngọn lửa – vật liệu, địa hình, địa vật tại nơi cháy và khu vực lân cận – xác định sơ bộ nguyên nhân của vụ cháy: Do điện, gas, hóa chất, xăng dầu, lửa thường,...

Xử lý: Tùy theo tính chất của vụ cháy để có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp như: Cúp cầu dao chính ngăn ngừa các thiết bị điện chập mạch gây cháy nổ dây chuyền, Phát động báo cháy, Gọi điện thoại 114,...

(2) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy rừng khu vực

Đề án ngoài diện tích để xây dựng các hạng mục công trình phục vụ cho hoạt động du lịch nghỉ dưỡng thì Đề án còn có diện tích đất giao thông nội bộ, đất cây xanh, thảm cỏ, đất mặt nước. Đề án còn thực hiện thuê môi trường rừng trên phần diện tích để phục vụ cho hoạt động tham quan du lịch sinh thái dưới tán cây rừng (tổ chức hoạt động đi dạo bộ tham quan ngắm khung cảnh thiên nhiên hoang dã, tận hưởng không khí trong lành khu vực rừng liền kề). Diện tích đất rừng này do Công ty lâm nghiệp quản lý, do đó Đề án phải thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng theo Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng hàng năm của Công ty lâm nghiệp.

Cháy rừng là một trong những nguyên nhân gây ra suy giảm đa dạng sinh học nghiêm trọng, do đó cần tăng cường công tác quản lý bảo vệ, đặc biệt là công tác phòng cháy và chữa cháy là giải pháp cơ bản để bảo tồn hệ sinh thái động thực vật khu vực Đề án cũng như khu vực lân cận, cụ thể:

+ Tổ chức xây dựng lực lượng 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ) để chữa cháy.

+ Mua sắm trang bị thiết bị, dụng cụ, công cụ phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng tại khu vực thuê môi trường rừng.

+ Thường xuyên tổ chức tập huấn cho lực lượng tham gia trực tiếp công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

+ Thường xuyên tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng nhất là các khu vực rừng có nguy cơ cháy cao để kiểm soát chặt chẽ người vào các khu vực này, phát hiện kịp thời điểm cháy.

+ Thực hiện việc đốt trước có kiểm soát: Chủ động đốt trước có kiểm soát tại các vùng trọng điểm, dễ cháy lan như các trảng cỏ khô. Thời gian đốt vào sáng sớm hoặc chiều tối.

+ Khi phát hiện cháy rừng phải thông báo ngay cho Công ty lâm nghiệp để hỗ trợ và đồng thời huy động lực lượng 4 tại chỗ để chữa cháy.

+ Xây dựng nội quy và hướng dẫn du khách, nhân viên thực hiện nghiêm túc công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (nghiêm cấm du khách, nhân viên hút thuốc lá, chặt phá cây rừng, đốt lá cây trong quá trình tham quan khu vực rừng, tuần tra; không cắm trại trong khu vực rừng tự nhiên,...).

+ Phối hợp với Công ty lâm nghiệp quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và cách xử lý vi phạm; kiểm tra định kỳ hàng tháng về việc quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng

V. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ GẮN VỚI BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC GIAI ĐOẠN 2025-2043

5.1. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường du lịch, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Công ty sẽ xây dựng và phổ biến các nội quy, quy chế quản lý bảo vệ rừng. Các đơn vị tổ chức các hoạt động du lịch phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật về quản lý rừng sản xuất và các quy định liên quan trong suốt quá trình triển khai, thực hiện Đề án. Nghiêm cấm tất cả các hành vi xâm hại đến hệ sinh thái rừng. Đối với một số cây trong diện tích bị tác động bởi hoạt động xây dựng cần được thống kê và có biện pháp giảm thiểu tác động xấu.

Các biện pháp này sẽ được thực hiện xuyên suốt cả trong quá trình Đề án đi vào hoạt động. Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ rừng, giữ gìn cảnh quan môi trường của khách du lịch, người dân quanh vùng và không gây ảnh hưởng đến các đơn vị kinh doanh du lịch lân cận.

Xác định ranh giới khu vực đề án trên bản đồ và ngoài thực địa, xây dựng hệ thống cột mốc theo quy định hiện hành. Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật thông tin diễn biến tài nguyên rừng cho những khu vực tổ chức các hoạt động du lịch, xây dựng được bản đồ hiện trạng rừng và đất rừng theo quy định.

Trung tâm Dịch vụ du lịch có trách nhiệm lập phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trong khu vực Đề án, trình Ban quản lý và lãnh đạo của công ty phê duyệt để thống nhất với phương án PCCCR của toàn lâm phần của công ty quản lý.

Thành lập Đội PCCCR cơ sở với lực lượng nòng cốt là đội bảo vệ và tham gia lực lượng thường trực PCCCR của công ty, chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của Kiểm lâm, dưới sự chỉ huy tác nghiệp của Ban chỉ huy PCCCR của công ty. Vào ngày cao điểm về cháy, tổ chức lực lượng PCCCR thường trực 24/24 giờ. Xây dựng hệ thống chòi canh phù hợp nhằm thực hiện nhiệm vụ quan sát lửa rừng, phát hiện sớm cháy rừng để huy động lực lượng chữa cháy kịp thời.

Nghiêm cấm săn bắt, thu lượm các loại sinh vật theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

Đẩy mạnh các hoạt động trồng rừng đối với diện tích trống, khoanh nuôi tái sinh rừng phù hợp với điều kiện sinh thái; trồng bổ sung những cây gỗ bản địa có giá trị cao về kinh tế, bên cạnh đó phát triển các loài cây lâm nghiệp, cây đặc sản rừng, cây thuốc bản địa để giới thiệu cho du khách.

Thông qua thực hiện Đề án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí trên lâm phần Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Nam Tây Nguyên quản lý sẽ tạo thêm nguồn thu cho Công ty để tái đầu tư cho du lịch và một phần sẽ phục vụ cho công tác phát triển rừng (trồng rừng, nuôi trồng dược liệu dưới tán rừng, chăn nuôi dưới tán rừng...) làm tăng tính đa dụng của rừng.

Việc phát triển du lịch sinh thái sẽ tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân và làm giảm áp lực lên rừng góp phần cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng được tốt hơn.

5.2. Nhóm các giải pháp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch

Hoạt động DLST ở khu vực lâm phần thuộc công ty quản lý đang còn rất mới mẻ, chính vì vậy mà đội ngũ quản lý kinh doanh và lực lượng lao động trực tiếp của khu du lịch còn thiếu kinh nghiệm cả về lý luận lẫn thực tiễn, và chưa thực sự đáp ứng được với yêu cầu cơ bản của DLST.

Phải thường xuyên tiến hành kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn bộ nhân viên tại khu du lịch. Ngoài ra cần có những chương trình đào tạo hướng dẫn viên du lịch. Cần chú ý tới việc đào tạo các người dân địa phương có năng lực để họ trở thành người hướng dẫn viên phục vụ cho hoạt động DLST ngay trên địa phương của mình.

Cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ đảng viên và nhân dân địa phương về phát triển kinh doanh du lịch. Từ đó tích cực tham gia vào các hoạt động du lịch theo hướng xã hội hóa các hoạt động du lịch. Đồng thời giảm những tác động của du khách lên môi trường sinh thái, thông qua việc tuyên truyền du khách bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên sinh thái như: Không bỏ rác trong rừng, trên đường đi lại, không hái hoa, bẻ cành... làm cho du khách tham gia du lịch sinh thái hiểu và có trách nhiệm với thiên nhiên. Có thể bắt buộc đoàn khách trước khi tham quan nghe hướng dẫn ban đầu của người hướng dẫn.

Khu du lịch về sinh thái của công ty có nhiều tiềm năng để phát triển DLST song nguồn nhân lực tại đây còn quá ít hạn chế đến các sản phẩm du lịch, chưa đáp ứng được nhu cầu của khách. Từ đó yêu cầu cơ quan quản lý phải tăng cường thêm nhân lực, mở các lớp tập huấn, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ để chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện và nâng cao, đáp ứng nhu cầu của du khách.

5.2.1. Về cơ chế chính sách

Trước hết cần ban hành những cơ chế chính sách, để đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho các cán bộ, nhân viên trong khu du lịch. Bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, giao tiếp với du khách nước ngoài, đào tạo kỹ năng hướng dẫn viên để hướng dẫn du khách tham quan các địa điểm của khu du lịch.

Khuyến khích hơn nữa các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển khu du lịch. Đặc biệt cần có chính sách ưu tiên các dự án có quy mô lớn, kinh doanh các sản phẩm du lịch, các loại hình du lịch hấp dẫn.

5.2.2. Tổ chức và quản lý lượng khách dựa trên cơ sở sức chứa của khu du lịch

Việc tổ chức các hoạt động tham quan các tuyến, các điểm du lịch trong vùng cần phải cân nhắc kỹ các đặc trưng, sức chứa của từng điểm du lịch, hướng dẫn khách tham quan các tuyến phù hợp; đối với khách có nhu cầu ngủ qua đêm tại các Bungalow trên các tuyến, điểm du lịch cần có nhân viên hướng dẫn, quản lý, để tránh tình trạng du khách đi lại trong rừng vào ban đêm, hướng dẫn du khách về công tác phòng cháy chữa cháy rừng... Đặc biệt là khách tham quan các tuyến dọc theo suối. Để quản lý tốt lượng khách đến tham quan Công ty sẽ tính được sức chứa của các điểm du lịch từ đó có định hướng trong việc đón lượng khách tới, tránh tình trạng khách tập trung quá đông vào một thời điểm gây ra sức ép đến khu du lịch, làm ảnh hưởng đến giao thông đi lại.

5.2.3. Quản lý khách dựa vào các thủ tục hành chính, các nội quy

DLST trên lâm phần của công ty đang có tiềm năng lớn trong phát triển DLST, ngày càng có nhiều khách du lịch trong và ngoài nước biết đến và đến tham quan. Tuy nhiên khác với các loại hình du lịch khác, DLST phải dựa trên nguyên tắc phát triển bền vững không thể phát triển ồ ạt hoặc đáp ứng nhu cầu của khách với số lượng lớn trong cùng một lúc như vậy có thể phá vỡ cân bằng hệ sinh thái của môi trường tự nhiên, điều đó cũng làm cho việc sử dụng nguồn tài nguyên không được lâu dài dẫn đến môi trường tự nhiên suy thoái. Vì vậy, cần có các biện pháp điều chỉnh lượng khách trên cơ sở các nguyên tắc phát triển bền vững một cách nghiêm ngặt.

Ở khu du lịch sinh thái của công ty tất cả các hoạt động du lịch đều do nhân viên công ty và các bộ phận ban ngành trực thuộc công ty trực tiếp giám sát và điều hành. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc điều chỉnh lượng khách đến tham quan bằng việc ban hành và thực thi các thủ tục đăng ký tham quan, số lượng khách tham gia, thời gian lưu trú lại tham quan...

Đồng thời ban hành các nội quy liên quan đến việc phát triển du lịch trong phạm vi Công ty quản lý như thời gian tham quan các buổi trong ngày, không được xả rác bừa bãi... Bên cạnh việc đưa ra nội quy nhằm quản lý chất lượng khách cần phải có biện pháp thực thi hiệu quả những nội dung này, kể cả những biện pháp hành chính.

Do lâm phần Công ty quản lý thuộc vùng biên giới nên việc chấp hành luật biên phòng Việt Nam và việc quản lý du khách ra vào khu vực biên giới công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương và đồn Biên phòng để triển khai thực hiện theo quy định của Luật Biên phòng và Nghị định 34/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới, đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5.2.4. Quản lý bằng việc điều tiết mức thu lệ phí

DLST ở tại lâm phần của công ty quản lý cho thấy thường thu hút khách du lịch đông nhất vào các mùa lễ Tết, lễ nghỉ, mùa hè, chính vì vậy cần có sự khuyến khích khách du lịch tham quan vào những thời điểm khác nhau, tránh lượng khách tập trung quá lớn. Áp dụng những mức thu khác nhau cho biểu giá thu phí tham quan. Các lệ phí đó bao gồm giá vé, dịch vụ hướng dẫn, phí gửi xe... Vào các mùa đông khách mức thu phí này tăng lên, thực hiện giảm giá vào những ngày vắng khách. Đây cũng được coi là biện pháp có tính khả thi trong việc quản lý lượng khách

5.3. Nhóm giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch- loại hình, sản phẩm du lịch

Để phục vụ dài ngày, cần có một số giải pháp như sau:

Một số ao tù nước đọng hoặc dọc lưu vực suối từ (Thác Tiên Sa chảy xuống) tự nhiên rất đẹp mà chưa có sự đầu tư để khách tham quan vui chơi. Vì vậy, để bố trí các chòi câu cá để khách có thể câu cá thư giãn. Ngoài ra cần bố trí những chiếc xuồng, thuyền vớt để khách có thể chèo du ngoạn giữa hồ, suối, dòng chảy nhẹ ko xiết..... Bố trí một chiếc cầu khỉ bắc ngang suối cho khách có trải nghiệm được đi trên cầu khỉ lắt léo hặc có cảnh đẹp cho chụp hình thay vì phải đi dưới suối như lộ trình các tuyến đã được định sẵn cho khách.

Trên các tuyến đường dẫn vào khu du lịch hoặc các tuyến dẫn đến điểm tham quan, có thể tiến hành trồng các loài hoa tạo cảm giác thích thú cho khách. Đồng thời trên các tuyến đường cần bố trí các thùng rác để khách có thể thả rác đúng nơi quy định cho nhân viên dễ thu gom, tránh hiện tượng xả rác tự do, mất đi vẻ đẹp của tuyến đường cũng như gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến mỹ quan và hình ảnh đặc thù của DLST.

Cần xây dựng một số nhà nghỉ (Chòi lá đơn sơ, cắm trại) để khách có thể ở lại qua đêm, đồng thời phải có dịch vụ phục vụ ăn uống phục vụ cho nhu cầu của khách. Phía ngoài đường lớn (QL 14C gần nhà sàn) tiến hành xây dựng các ki ốt phục vụ bán hàng lưu niệm, chụp ảnh... Các chòi nghỉ để khách du lịch có thể mua hàng lưu niệm, chụp ảnh, nghỉ dưỡng để thu hút khách ở lại dài ngày thêm kinh phí và thu nhập cho công ty và nhân lực.

Trong các suối du lịch chưa có đầu tư đúng mức, cần tiến hành xây dựng các tuyến đường trong suối để khách có thể đi dễ dàng hơn, bố trí các chòi nghỉ ngơi tắm rửa trong các suối để khách có thể thoải mái nghỉ ngơi. Các dịch vụ nấu nướng trong suối cần tiến hành đúng mức, có quy hoạch và được đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời có áo phao và nhân viên cứu hộ đảm bảo an toàn cho khách khi đi qua suối hay dưới chân thác phòng ngừa sự cố lũ quét hoặc các du khách có thể lực yếu.

Để tiện liên lạc, du khách và ban quản lý, những người phục vụ, cần phải bố trí xây dựng những burocục nhỏ tại khu vực này với burocục chính tại nhà sàn để trao đổi về ý kiến, góp ý và nhu cầu tiếp đến của du khách nhằm phục vụ một cách chu đáo nhất có thể.

5.4. Nhóm giải pháp đầu tư du lịch

a. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có, liên doanh liên kết, cho thuê môi trường rừng và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn vốn chủ yếu để thực hiện Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng sản xuất của Công ty TNHH MTV LN Nam Tây Nguyên là nguồn vốn liên kết, cho thuê môi trường rừng và nguồn vốn hợp pháp khác.

b. Giải pháp sử dụng nguồn thu từ hoạt động du lịch sinh thái

Đối với nguồn vốn thu từ hoạt động du lịch sinh thái Công ty sẽ bố trí để tái đầu tư cho hoạt động du lịch sinh thái, trả lương cho người lao động của Công ty và các hoạt động khác bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 70 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, *“Chủ rừng là các doanh nghiệp: toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được là nguồn thu của doanh nghiệp, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính đối với doanh nghiệp”*.

c. Lĩnh vực đầu tư

- Đầu tư các phân khu du lịch; Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác
- Đầu tư các phân khu du lịch: Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng như đường giao thông, điện, điện năng lượng mặt trời, thông tin liên lạc... Trường hợp nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách không đủ để triển khai thực hiện thì Công ty sẽ cân đối nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để bố trí thực hiện.
- Đầu tư phát triển hệ thống nhà nghỉ, và các công trình dịch vụ: Sử dụng nguồn vốn đầu tư của các tổ chức thuê môi trường rừng, Công ty sẽ cân đối nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để bố trí thực hiện.
- Đầu tư phát triển các công trình vui chơi giải trí: Sử dụng nguồn vốn đầu tư của các tổ chức thuê môi trường rừng, nguồn vốn của Công ty sẽ cân đối nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để bố trí thực hiện.
- Đầu tư phục hồi các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ du lịch: Sử dụng nguồn vốn từ ngân sách hỗ trợ (nếu có), Công ty sẽ cân đối nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để bố trí thực hiện.
- Đầu tư cho công tác đào tạo nâng cao trình độ người lao động: Công ty sẽ cân đối nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nguồn

vốn huy động hợp pháp khác

- Đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường du lịch Công ty sẽ cân đối nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác

- Tổ chức truyền thông, quảng bá hình ảnh, giới thiệu du lịch sinh thái của công ty qua các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh.

- Tập trung vốn ngân sách đầu tư đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm để kích thích xã hội hoá đầu tư du lịch. Trước mắt ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch.

- Vốn ngân sách tập trung đầu tư các công trình trọng điểm, đầu mối như hệ thống đường giao thông, cấp, thoát nước, điện, thông tin liên lạc...

- Thực hiện xã hội hoá đầu tư phát triển du lịch, tạo các điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, dịch vụ hỗ trợ đầu tư để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch.

- Huy động vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong nước, vốn tự có của các hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch.

- Khai thác các nguồn tín dụng ưu đãi, vốn vay ODA

- Công ty sẽ có biện pháp kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư vào các khu vui chơi, nghỉ dưỡng và ăn uống, ưu tiên vốn đầu tư nước ngoài vào các đề án có quy mô lớn, kinh doanh những sản phẩm du lịch, các loại hình du lịch mới hấp dẫn cần đòi hỏi có trình độ quản lý và chuyên môn cao.

- Triển khai chính sách cho thuê môi trường rừng với các tổ chức đáp ứng được các điều kiện nhất định.

- Có cơ chế ưu đãi về tín dụng (cho vay tiền lãi suất thấp, thời hạn dài), ưu tiên cho thuê môi trường rừng... đối với các doanh nghiệp và hộ gia đình có nhu cầu kinh doanh du lịch sinh thái, phát triển làng nghề và các dịch vụ phục vụ đời sống kinh tế, văn hóa của người dân địa phương.

- Việc sử dụng các nguồn vốn thực hiện:

- + Đối với nguồn vốn ngân sách hỗ trợ: Sẽ được ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- + Đối với nguồn vốn liên kết và các nguồn vốn hợp pháp khác: sẽ được bố trí sử dụng theo đúng quy định của pháp luật liên quan.

Công ty sẽ cân đối nguồn từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để bố trí vốn thực hiện.

5.5. Nhóm giải pháp liên kết phát triển du lịch

- Tích cực huy động vốn, thu hút sự đầu tư của UBND tỉnh các sở ban ngành có liên quan khác như Sở Văn hóa thể thao và du lịch, sở Kế hoạch và

Đầu tư Đắc Nông và Bình Phước và Tổng cục du lịch vào các dự án phát triển DLST của Công ty.

- Tăng cường quản lý, thanh tra giám sát các hoạt động DLST để đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường.

- Cần có sự phối kết hợp giữa liên ngành như Giao thông, Thủy lợi, Nông nghiệp và phát triển nông thôn.... Để phát triển đồng bộ bảo đảm cho hoạt động DLST được thực hiện tốt.

- Tăng cường các biện pháp giữ vững trật tự an ninh tại các khu, các tuyến du lịch. Thành lập đội dân phòng huy động nhân dân, các thành phần kinh tế cùng tham gia

Tuyến du lịch kết hợp với các điểm du lịch trong tỉnh Đắc Nông như: Vườn Quốc gia Tà Đùng, Khu Bảo tồn Thiên nhiên Nam Nung ... Đối với ngoài tỉnh như Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, Khu di tích – lịch sử Tà Thiệt, Chùa Sóc Lớn, cửa khẩu quốc tế Hoa Lư thuộc huyện Lộc Ninh; khu du lịch cáp treo Bà Rá, thủy điện Thác Mơ, khu DLST Mỹ Lệ thuộc thị xã Phước Long, của Bình Phước; tiếp đến là VQG Cát Tiên (đồng nai thượng). Với sự thuận lợi đó chúng tôi đề xuất một số tuyến kết hợp với các điểm du lịch ngoài tỉnh như sau:

- Kết hợp với Vườn Quốc gia Bù Gia Mập của tỉnh Bình Phước;
- Kết hợp với khu du lịch Bà Rá- Thác Mơ khu DLST Mỹ Lệ và thủy điện Thác Mơ (thị xã Phước Long).
- Kết hợp với khu Di tích lịch sử Tà Thiệt, chùa Sóc Lớn (huyện Lộc Ninh), thác Số 4 (thị xã Bình Long)
- Kết hợp với khu Bảo tồn Văn hóa người S'tiêng Sóc Bom Bo và VQG Cát Tiên

Du lịch tìm hiểu văn hóa ẩm thực cộng đồng bản địa: Tham quan một số nhà người dân tộc bản địa, nhà của Già làng nghe kể chuyện tìm hiểu nét văn hóa và thưởng thức các món ăn truyền thống của cộng đồng bản địa như; canh thụt, canh bồi cá suối nướng.... không thể thiếu chén rượu cần.

5.6. Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch

Cần có những đầu tư thỏa đáng cho việc xúc tiến các hoạt động quảng bá DLST đến với mọi người, làm cho nhiều người biết đến khu du lịch sinh thái. Đồng thời có sự liên kết với các công ty du lịch lữ hành để thu hút thêm khách, thiết lập các tuyến du lịch của Công ty...

Thị trường khách du lịch qua điều tra du khách trong tỉnh cho thấy nhu cầu khách trong tỉnh là rất lớn, do vậy cần phải phát triển thị trường này. Trước mắt đây là thị trường đầy tiềm năng và dễ dàng tiếp cận nhanh chóng nên tập trung khai thác thị trường du khách này. Quảng bá hình ảnh Để thúc đẩy sự phát triển du lịch nói chung và DLST nói riêng thì việc quảng bá hình ảnh là nhiệm

vụ hết sức quan trọng. Nó kích thích khơi gợi sự tò mò của du khách từ đó du khách muốn tìm hiểu thông tin về nó và sau cùng sẽ muốn đến để thấy nó. Có rất nhiều hình thức để quảng bá hình ảnh như sau:

Hiện nay là thời đại công nghệ thông tin nên rất thuận lợi cho việc quảng bá giới thiệu hình ảnh, ít hao tốn chi phí nhất. Nên điều đầu tiên và cấp bách hiện nay là công ty cần và phải phải nhanh chóng xây dựng Website riêng của Công ty để du khách có được thông tin chi tiết. Bên cạnh đó kết hợp với các Website lớn có số lượt truy cập nhiều để thông tin nhanh chóng đến với du khách hơn. Liên kết với Website của Tổng cục du lịch và của tỉnh Đắk Nông và Bình Phước....

- Giới thiệu và phát tờ rơi tại các trung tâm lớn trong tỉnh. Gửi trực tiếp các chương trình tour đến các tổ chức cơ quan các công ty, xí nghiệp đoàn thể....

- Thực hiện Tour mẫu có quay phim chụp hình, phỏng vấn cảm nghĩ của du khách sau chuyến đi và phát quảng cáo lên đài truyền hình trong tỉnh và thành phố Hồ Chí Minh.

- Tham gia các hội chợ du lịch hàng năm trong nước. Đây là cơ hội tốt để giới thiệu quảng bá và tìm kiếm nhà đầu tư.

5.7. Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa

Các giải pháp có thể là tập huấn, tổ chức các chuyến đi khảo sát, giải pháp về vốn cho phát triển du lịch cộng đồng, giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng tiếp cận cộng đồng.

Các giải pháp để tăng cường sự tham gia của cộng đồng và hưởng lợi từ du lịch (ví dụ: phát triển các điểm du lịch hoặc sản phẩm du lịch cộng đồng mới, tăng việc làm, đào tạo, v.v).

Bảo tồn và phát triển rừng, phát triển du lịch sinh thái của công ty không tách khỏi bảo đảm cuộc sống ổn định cho người dân địa phương. Công tác định hướng bảo tồn, phát triển nguồn tài nguyên DLST phải quan tâm tới vấn đề bảo đảm phát triển kinh tế cộng đồng dân cư của khu vực. Hoạt động du lịch chỉ có hiệu quả cao khi lợi ích thu được từ tài nguyên và dịch vụ được chia sẻ, cộng đồng tự nguyện tham gia vào các hoạt động đó.

Cần có chính sách phát triển nguồn nhân lực để thích ứng với sự thay đổi cơ cấu kinh tế và tạo cơ hội tìm kiếm việc làm mới như: Đào tạo nghề mới như hướng dẫn viên du lịch, phát huy các nghề truyền thống, thu hút lao động tham gia vào các hoạt động trong khu du lịch như mở các dịch vụ phục vụ khách du lịch. Cần làm rõ cho người dân biết nếu như du lịch phát triển thì họ có được những lợi ích gì.

Phát huy niềm tự hào của người dân về nét đẹp trong văn hóa, cũng như những cảnh quan đặc trưng vốn có của địa phương, từ đó nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ tài nguyên du lịch sinh thái.

Giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

Việc phát triển du lịch sinh thái trên lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây nguyên quản lý nói riêng và UBND xã Quảng Trục nói chung sẽ góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa của người dân bản địa như: Dệt thổ cẩm, Cồng chiêng, khôi phục các lễ hội, các trò chơi dân gian gắn với đời sống, truyền thống của người M'Nông ..., góp phần tăng thu nhập cho người dân thông qua việc tham gia các hoạt động du lịch sinh thái

5.8. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục

Hiện các cán bộ nhân viên của phòng Tuyên truyền giáo dục môi trường và DLST đều là các Kỹ sư Lâm nghiệp. Nên việc đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn du lịch là rất quan trọng điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng Tour. Đào tạo các kỹ năng mềm như hướng dẫn, thuyết minh, tuyên truyền và ngoại ngữ.

Qua khảo sát thì cộng đồng ở đây khá thông thạo đường rừng vì họ thường vào rừng thu hái rau và các lâm sản ngoài gỗ do vậy kiến thức về cây rừng, thú rừng của họ rất phong phú, lực lượng thanh niên trẻ khá đông không có việc làm ổn định thường thì nghỉ học rất sớm. Nên tập trung lực lượng này lại để đào tạo các kỹ năng hướng dẫn, cách ứng xử để làm hướng dẫn viên cộng đồng đây cũng là lực lượng sẽ gắn kết lâu dài với Công ty thay vì tuyển hướng dẫn viên từ nơi khác đến. Du khách sẽ rất thích khi trao đổi kinh nghiệm, học hỏi kiến thức với người bản xứ nơi họ đến đặc biệt là du khách nước ngoài.

Bên cạnh đó công ty cũng cần phải có hướng dẫn viên DLST được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp và đặc biệt là phải yêu nghề, yêu thiên nhiên từ đó thông qua sự hướng dẫn giải thích của mình thì họ sẽ chuyển được tình yêu thiên nhiên của mình đến với du khách.

5.9. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch

Khi triển khai Đề án, công ty sẽ phối hợp chặt chẽ với các Đoàn Biên phòng và thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật để tổ chức đưa du khách tham quan. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ trật tự xã hội và an ninh, quốc phòng ở vùng biên giới. Đăng ký danh sách khách tham quan, phương tiện; Chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Bộ đội Biên phòng; Không quay phim, chụp hình các công trình quân sự; Không làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh và chấp hành nghiêm các quy định trên khu vực Biên giới.

Công ty sẽ có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các đơn vị Biên phòng, Chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội ở các xã Ngăn chặn triệt để các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, đặc biệt là những hành vi gây mất an ninh trật tự xã hội ở vùng biên giới.

5.10. Giá cho thuê môi trường rừng

Trên cơ sở đề án được phê duyệt Công ty sẽ cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định, sau đó đơn vị thuê môi trường rừng sẽ xây dựng dự án thuê môi trường rừng theo quy định tại khoản 6 điều 23 của Nghị định 91/2024/NĐ-CP, việc xác định giá cho thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ

1. Tổ chức giám sát đầu tư hạ tầng phục vụ du lịch và phục vụ công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư

Thường xuyên kiểm giám sát đơn vị thi công xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định, phê duyệt về vị trí, diện tích xây dựng, chiều cao..., kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm liên quan đến xây dựng, quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

2. Kế hoạch liên kết, kết nối với các tuyến du lịch, tiếp thị, quảng bá du lịch

- Năm 2025-2026, Giai đoạn xây dựng, thẩm định và phê duyệt Đề án; thu hút, kêu gọi đầu tư, xây dựng, phê duyệt các Dự án du lịch sinh thái và xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái theo dự án được phê duyệt, đồng thời hình thành các tuyến, điểm du lịch trong Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nam Tây Nguyên.

- Giai đoạn 2027–2043: Là giai đoạn kinh doanh du lịch sinh thái theo các Dự án đã được phê duyệt Liên kết phát triển các tuyến nội bộ huyện và các tuyến nội tỉnh.

- Tổ chức truyền thông, quảng bá hình ảnh, giới thiệu du lịch nhân các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch lớn của tỉnh.

- Xây dựng các phóng sự chuyên đề về du lịch, phát sóng định kỳ trên Đài phóng thanh và Truyền hình địa phương và trong khu vực.

- Tổ chức cho các doanh nghiệp lữ hành, báo, đài trong và ngoài tỉnh du lịch giới thiệu về du lịch của công ty

- Tăng cường công tác vận động, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia vào quá trình phát triển du lịch địa phương. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quảng bá và phát triển du lịch.

3. Kế hoạch hướng dẫn và các hoạt động thu hút cộng đồng tham gia cải thiện sinh kế và bảo vệ môi trường hướng đến phát triển du lịch bền vững

- Nghiên cứu phát triển các ngành nghề sản xuất nông – lâm – nghiệp, nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội và nâng cao trình độ dân trí, văn hóa du lịch cho mọi người dân của địa phương.

- Tổ chức giáo dục cho nhân dân địa phương để nâng cao nhận thức bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường bằng các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu, tờ rơi...

- Phát triển du lịch với sự tham gia của cộng đồng ngay từ đầu. Hình thành các phân khu cung cấp dịch vụ, các tuyến tham quan với các sản phẩm văn hóa địa phương.

- Khuyến khích sử dụng các nguồn lực sẵn có tại địa phương về tài nguyên, nhân lực, kinh nghiệm bản địa...

- Hỗ trợ vốn, thông tin thị trường

4. Kế hoạch giám sát và phối hợp giám sát nhằm phát triển du lịch an toàn, bền vững, đảm bảo quốc phòng an ninh

Trong quá trình thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí công ty sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan đóng chân trên địa bàn để bảo đảm an ninh trật tự.

4.1 Các hoạt động giám sát nhằm phát triển du lịch an toàn, bền vững, đảm bảo quốc phòng an ninh

Giám sát và đánh giá là hoạt động quản lý thường xuyên, liên tục, có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước, của toàn hệ thống chính trị (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND các huyện, các cơ quan liên quan...) và chủ yếu nhất là Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nam Tây Nguyên. Việc thực hiện giám sát nhằm phát triển du lịch an toàn, bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Đánh giá các hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng như:

- + Về phá rừng, khai thác trái pháp luật

- + Về mua bán, vận chuyển, chế biến gỗ, lâm sản trái pháp luật

- + Về săn bắt động vật hoang dã

- + Về công tác phòng cháy chữa cháy rừng: tuyên truyền, giáo dục phòng cháy và chữa cháy; mở các lớp huấn luyện cho lực lượng bảo vệ rừng và lực lượng nông cốt, hạn chế đốt lửa trại vì có thể gây cháy rừng trong mùa khô.

- + Về chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

- + Về hiệu quả của việc tổ chức thực hiện bảo vệ rừng

- Giám sát, đánh giá về công tác bảo tồn đa dạng sinh học

- Giám sát, đánh giá về phục hồi và phát triển rừng

- Đánh giá tác động môi trường.

4.2. Cách thức tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái

*. Áp dụng Bộ Công cụ quản lý và giám sát du lịch sinh thái cộng đồng:

Bộ Công cụ quản lý và giám sát du lịch sinh thái cộng đồng do Mạng lưới Du lịch bền vững vì người nghèo, Đại học Tổng hợp Hawaii, Trường Đào tạo quản lý Du lịch (TIM), Hoa Kỳ xuất bản là một bộ công cụ hữu ích để áp dụng

quản lý và giám sát du lịch sinh thái cộng đồng tại Việt Nam. Sau đây là 8 bước trong chu trình giám sát của Bộ Công cụ:

Bước 1: Lập kế hoạch

Bao gồm ý tưởng giám sát với cộng đồng, xây dựng mục tiêu giám sát, và giải quyết các vấn đề thực tế chung như ai sẽ tham gia, đâu là ranh giới khu vực giám sát, cần có những nguồn lực gì và khung thời gian dành cho giám sát là thế nào.

Bước 2: Xác định phạm vi những vấn đề chính

Đây là bước quan trọng nhất trong một chương trình giám sát. Xác định phạm vi là một quá trình phát hiện một số các vấn đề ưu tiên (tốt nhất là dưới 20 hạng mục) để tập trung trong số rất nhiều lĩnh vực tiềm năng đã được xác định. Các vấn đề chính là những vấn đề mà cộng đồng quan tâm nhất liên quan đến sự phát triển bền vững về xã hội, văn hóa, môi trường và kinh tế.

Các vấn đề chính được xây dựng một cách tốt nhất thông qua sử dụng một số chiến lược: nghiên cứu, họp cộng đồng và ý kiến đóng góp của nhóm công tác giám sát.

Bước 3: Xây dựng chỉ tiêu

Sau khi đã xác định và sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và kinh doanh trong cộng đồng và chuyển các vấn đề đó thành những mục tiêu sơ bộ, cần xây dựng những chỉ tiêu để theo dõi việc thực hiện các mục tiêu này. Bao gồm các nội dung chính sau:

- (1) Rà soát các chỉ tiêu
- (2) Xây dựng chỉ tiêu mới
- (3) Sàng lọc chỉ tiêu

Bước 4: Thu thập dữ liệu

Các vấn đề chính cần lưu ý trong bước thu thập dữ liệu bao gồm:

- Xác định dữ liệu cần thiết cho mỗi chỉ tiêu
- Xác định địa chỉ thu thập dữ liệu
- Thu xếp người thu thập dữ liệu
- Thiết kế các phương án thu thập dữ liệu
- Xây dựng phương thức quản lý dữ liệu

Bước 5: Đánh giá kết quả

Quá trình này bao gồm đánh giá kết quả mỗi chỉ tiêu ở các mức độ xuất sắc, tốt hay kém. Có hai công cụ chính có thể sử dụng để hỗ trợ giám sát phân tích kết quả giám sát: tạo mốc chuẩn và ngưỡng chuẩn.

Bước 6: Lập kế hoạch đối phó

Lập kế hoạch đối phó nhằm mục đích điều chỉnh kế hoạch khi có sự thay đổi của môi trường thực tế, bao gồm:

- (1) Phát hiện những yếu kém
- (2) Điều tra các nguyên nhân
- (3) Quyết định biện pháp đối phó
- (4) Xây dựng kế hoạch hành động

Bước 7: Thông tin về kết quả

Thông tin liên lạc thường bị bỏ qua trong các chương trình giám sát. Các kết quả chỉ tiêu cần được thông báo cho các bên liên quan một cách dễ hiểu và công khai minh bạch. Quá trình này cho phép cộng đồng học hỏi kinh nghiệm đã qua và do đó cải thiện du lịch sinh thái cộng đồng. Ngoài ra nó còn giúp đảm bảo du lịch mang lại lợi ích cho người nghèo, và giúp cộng đồng cảm nhận được “tầm quan trọng” của mình. Do đó, chương trình giám sát cần có kế hoạch rõ ràng về cách thức thông báo kết quả cho các bên liên quan. Thay vì các bảng biểu với các tỷ lệ, có thể dùng các màu hay biểu tượng để hiện thị các chỉ tiêu xuất sắc, tốt hoặc kém.

Mẫu trình bày sử dụng sẽ phụ thuộc vào người sử dụng, trình độ đọc viết và mức độ quan tâm của họ đối với đề án.

Hình thức phù hợp cho thông tin kết quả như: họp cộng đồng, văn bản. Có thể làm một văn bản hoặc bản tin gồm 2 hoặc 3 trang cho các nhà tài trợ, chính quyền địa phương và các nhà hỗ trợ hàng năm hoặc mỗi năm hai lần. Gửi bản tin bằng giấy hoặc thư điện tử sẽ giúp họ nắm bắt một số thông tin về tiến trình phát triển của đề án.

Bước 8: Kiểm tra và điều chỉnh

Khung giám sát du lịch sinh thái cộng đồng có thể sẽ chưa hoàn hảo ngay lần đầu tiên. Tình thế thay đổi, có thêm số liệu mới, các chỉ tiêu phù hợp lúc đầu nhưng sau này có thể không phù hợp đối với tình hình của địa phương. Sau mỗi năm giám sát, cần tổ chức công tác kiểm tra. Dựa trên các kết quả rà soát, cần đưa ra thay đổi và cải thiện đối với khung giám sát. Nội dung bao gồm: Rà soát mục tiêu và các vấn đề chính, rà soát chỉ tiêu và thu thập dữ liệu và rà soát các biện pháp đối phó quản lý.

Trong đợt giám sát thứ hai, chu trình sẽ ngắn hơn và dễ dàng hơn. Thay vì 8 bước, sẽ chỉ có 5 bước tạo nên chu trình giám sát liên tục bao gồm: thu thập dữ liệu, đánh giá kết quả, lập kế hoạch đối phó, thông báo kết quả, kiểm tra và điều chỉnh.

CHƯƠNG V

HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối với kinh tế

- Góp phần làm tăng giá trị gia tăng khu vực dịch vụ của tỉnh, đặc biệt lĩnh vực du lịch. Tiêu dùng của du khách góp phần làm gia tăng doanh thu ngành du lịch, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ

- Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động cũng như cộng đồng địa phương. Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tạo ra các cơ hội việc làm cho địa phương, giúp thay đổi cơ cấu việc làm địa phương và cải thiện chất lượng lao động, giảm di cư.

- Việc phát triển du lịch sẽ kéo theo sự phát triển của các ngành kinh tế khác, vì sản phẩm du lịch mang tính liên ngành có quan hệ đến nhiều lĩnh vực khác trong nền kinh tế. Khi KDL trở thành điểm du lịch, du khách ở mọi nơi đổ về sẽ làm cho nhu cầu về mọi hàng hóa dịch vụ tăng lên đáng kể. Xuất phát từ nhu cầu này của du khách mà ngành kinh tế du lịch không ngừng mở rộng hoạt động của mình thông qua mối quan hệ liên ngành trong nền kinh tế, đồng thời làm biến đổi cơ cấu ngành trong nền kinh tế quốc dân. Hơn nữa, các hàng hoá, vật tư cho du lịch đòi hỏi phải có chất lượng cao, phong phú về chủng loại, hình thức đẹp, hấp dẫn. Do đó nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng sáng tạo cải tiến, phát triển các loại hàng hoá. Để làm được điều này, các doanh nghiệp bắt buộc phải đầu tư trang thiết bị hiện đại, tuyển chọn và sử dụng công nhân có tay nghề cao đáp ứng được nhu cầu của du khách.

- Hoạt động du lịch có tác dụng làm biến đổi cán cân thu chi của tỉnh. Du khách quốc tế mang ngoại tệ vào đất nước có địa điểm du lịch, làm tăng thêm nguồn thu ngoại tệ. điều hòa nguồn vốn từ vùng kinh tế phát triển sang vùng kinh tế kém phát triển hơn, kích thích sự tăng trưởng kinh tế ở các vùng sâu, vùng xa...

- Một lợi ích khác mà ngành du lịch đem lại là góp phần cải thiện thu nhập người lao động thông qua giải quyết vấn đề việc làm. Bởi các ngành dịch vụ liên quan đến du lịch đều cần một lượng lớn lao động. Du lịch đã tạo ra nguồn thu nhập cho người lao động, giải quyết các vấn đề xã hội.

2. Đối với xã hội

- Phát triển du lịch của công ty là phương tiện tuyên truyền, quảng cáo con người, phong tục tập quán, các tài nguyên thiên nhiên, các di tích văn hoá lịch sử, các làng nghề truyền thống...

- Du lịch làm tăng thêm tầm hiểu biết chung về xã hội của người dân địa phương thông qua khách du lịch đến từ địa phương khác và từ nước ngoài.

- Du lịch sinh thái cộng đồng góp phần phục hồi và phát triển các giá trị văn hóa và nghề truyền thống. Tạo ra cơ hội để giao lưu văn hóa và kinh tế và

các nước khác. Đây là nhân tố quan trọng để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển kinh tế ở các vùng địa phương.



Tài liệu tham khảo

1. Hill, J.L. & Hill, R.A. (2011), *Ecotourism in Amazonian Peru: uniting tourism, conservation and community development*, Geography, vol. 96, pp. 75-85.
2. Allen, K. (1993). “*South Australian market review, in Down to Earth Planning for an Out – Of – The – Ordinary Industry*”, Paper presented at the South Australian Ecotourism Forum, August 19-20, Adelaide.
3. Casey Catherine Miller (2017), *Challenges and Potentials of Ecotourism as a form of Conservation and Sustainable Development on Zapatera Island, Nicaragua*, Uppsala.
4. Ceballos – Lasecurain, H, (1987), *Tourism, Ecotourism, and Protect Areas*, IUCN – The World Conservation Union, Switzerland.
5. Dowling & Weiler (1997), *Ecotourism in Southest Asia*, Tourism Management.
6. Đỗ Thị Thanh Hoa (2007), đề tài “*Nghiên cứu đề xuất tiêu chí khu du lịch sinh thái ở Việt Nam*” Luận văn Thạc sỹ.
7. Đức Phan (2004), *Phát triển du lịch theo hướng du lịch sinh thái*, Tạp chí thương mại, tr. 26-35
8. Nguyễn Đình Hoà (2006), “ *Du lịch sinh thái - thực trạng và giải pháp để phát triển ở Việt Nam*”, Tạp chí kinh tế & phát triển,(103),tr 35-44.
9. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch Bền vững*, Đại học Quốc gia Hà Nội, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Tú (2006), *Những giải pháp phát triển du lịch sinh thái Việt Nam trong xu thế hội nhập*, LATS Kinh tế: .02.
11. Nguyễn Việt Thắng (2012), *Nghiên cứu tiềm năng và các giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại một số trọng điểm vùng du lịch Bắc Trung Bộ*, luận án tiến sĩ trường đại học Nông Nghiệp Hà Nội.
12. Lê Văn Sơn (2012), *Giải pháp phát triển du lịch sinh thái biển Nam Định theo hướng bền vững*, luận văn thạc sỹ khoa học trường đại học bách khoa Hà Nội..
13. Vũ Văn Quyết (2011), *Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến môi trường ở Vườn quốc gia Tam Đảo*, luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Lâm nghiệp.
14. Phạm Trung Lương (Chủ Biên), Đặng Duy Lợi, Vũ Tuấn Cảnh, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Ngọc Khán (2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo Dục.